

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

CÔNG BÌNH - BÁC ÁI - TỪ BI

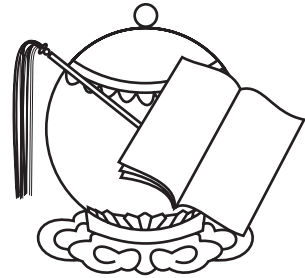


# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

---

NỘI SAN SỐ 98  
RẼM THÁNG BẢY MẬU TÝ 15-8-2008



# Nội san Cao Đai Giáo Lý số 98

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đai Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đao [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



## mục lục

<b>QUAN ĐIỂM: QUÁ TRÌNH ĐÓNG GÓP CỦA BÁO CHÍ CAO ĐÀI CHO VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC</b>	<b>4</b>
<i>Ban biên tập.</i>	
<b>ĐẠO PHẢI TRỞ VỀ NGUYÊN THỦY</b>	<b>6</b>
<i>Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.</i>	
<b>TÂM LINH TRÊN ĐƯỜNG TIẾN HÓA</b>	<b>8</b>
<i>Thiện Chí.</i>	
<b>TỊNH THỦY BÌNH QUAN ÂM BỔ TÁT</b>	<b>15</b>
<i>Thanh Bình.</i>	
<b>NGỌC TRÌ LÊN ĐƯỜNG TU</b>	<b>20</b>
<i>Huệ Ý.</i>	
<b>NHẬT KÝ KHÓA TỊNH HẠ CHÍ MẬU TÝ 2008</b>	<b>25</b>
<i>Huệ Ý.</i>	
<b>NHỊ VỊ TIỀN BỒI</b>	
<b>NGỌC CHUÔNG PHÁP TRẦN VĂN THỤ (1857-1927)</b>	
<b>NGỌC ĐẦU SƯ NGỌC LỊCH NGUYỆT (1890-1947)</b>	<b>29</b>
<i>Huệ Nhân.</i>	
<b>ĐẠO CAO ĐÀI VỚI CHIẾN SĨ TRẦN VONG TIỂU ĐOÀN 307</b>	<b>33</b>
<i>Đạt Tường.</i>	



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 98

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CÔNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

<b>GIỚI THIỆU KINH ĐẠO NAM</b> <i>Thiện Chí.</i>	38
<b>CON CHÁU LÀM ÂM CHẤT CỬU ĐỘ CỬU HUYỀN THẤT TỔ</b> <i>Như Quỳnh.</i>	41
<b>THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH BẾN TRE</b> <i>Đạt Truyền &amp; Đạt Linh.</i>	44
<b>THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN</b> <i>Thiện Quang.</i>	48
<b>BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2008 CỦA PHÒNG KHÁM BỆNH PHƯỚC THIỆN CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO</b> <i>Kim Trinh.</i>	52
<b>MỘT CUỘC PHÒNG VẤN KHÁC THƯỜNG</b> <i>Tuyết Hoa – Bảo Trân.</i>	54
<b>BAO GIỜ?</b> <i>Việt Thu.</i>	57
<b>CHUYẾN CÔNG QUẢ TẠI DƯỠNG LÃO ĐƯỜNG QUY THIỆN</b> <i>Xuân Mai.</i>	58
<b>BÁO HIẾU</b> <i>Thanh thiếu niên.</i>	62
<b>BÍ MẬT KIẾN TRÚC CỦA KINH ĐÔ BẮC KINH</b> <i>Việt Thu sưu tầm.</i>	65
<b>VIỆC TỪ THIỆN - TIẾP THỊ SỰ TỬ TẾ</b> <i>Chí Như sưu tầm.</i>	70
<b>MẬT ONG TRỊ TIỂU ĐƯỜNG</b> <i>Việt Thu sưu tầm.</i>	72
<b>VỌNG CỔ: NỖI NIỀM DÂNG MẸ</b> <i>Hồng Phúc.</i>	74
<b>GÓP NHẶT ĐÓ ĐÂY</b> <i>Thiện Chí sưu tầm.</i>	75
<b>THEO DÒNG ĐẠO SỰ</b> <i>Bạch Cúc.</i>	77

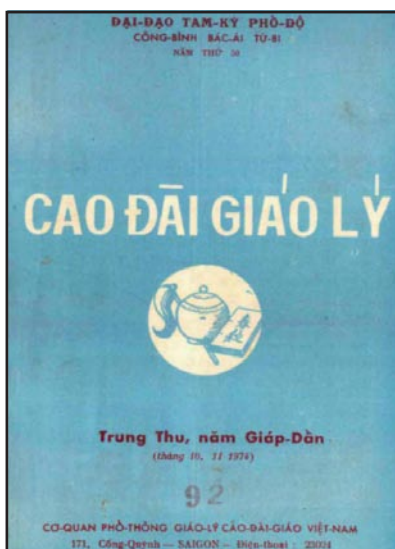
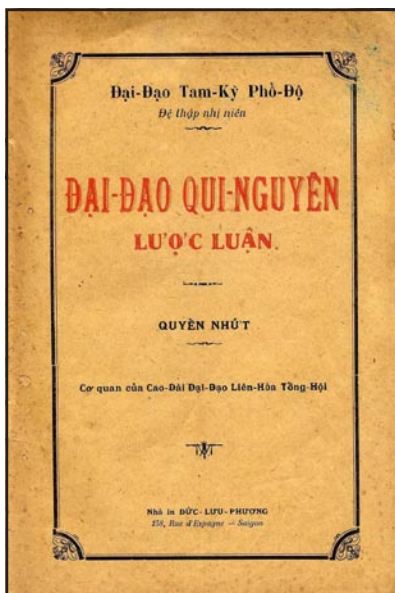


# Quá trình đóng góp của báo chí Cao Đài cho văn hóa đạo đức dân tộc

Theo những tư liệu về báo chí Cao Đài còn lưu lại tại các thánh sở Đại Đạo hay của các nhà sưu tầm, thì báo chí Cao Đài đã ra đời rất sớm, ngay từ năm 1928, sau lễ Khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm 1926 tại Tây Ninh.

Tờ báo Cao Đài đầu tiên của tín đồ Cao Đài là tuần báo L' Action Indochinoise (Hành động Đông Dương). Trong số ra mắt ngày 23-8-1928 đã đăng bài "A Propos du Caodaïsme" (Về đạo Cao Đài) của H.H. Và L' Action indochinoise et le Caodaïsme của Nam Đình (Hành động Đông Dương và đạo Cao Đài).

Các báo Cao Đài khác lần lượt xuất bản sau đó gồm: Revue Caodaïste (1930), do cụ Nguyễn Văn Ca sáng lập, cụ Nguyễn Trung Hậu chủ bút; Đuốc chơn lý (1935), giám đốc: cụ Nguyễn Văn Ca; Đại đạo (1936), quản lý: Lê Thế Vĩnh; Đại đồng (1938), Cơ quan của Liên Hòa Tổng Hội; Đại Đạo Qui Nguyên (1938), Cơ quan của Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội; Tiên Thiên tuyên bố (1938), quản lý: cụ Lê Kim Tỵ; Đại đạo (1945), thuộc Tòa thánh Tây Ninh, sáng lập: Chuông ấn Nguyễn Văn Hợi; Cao Đài giáo lý (1947), sáng lập: Nguyễn Ngọc Thơ, quản lý Phan Trường Mạnh; Duy tâm (1948), thuộc Cao Đài Tây Ninh; Đường sáng (1948), thuộc Ủy ban Trung ương Cao Đài Cứu quốc Mười hai phái Hợp nhứt, chủ nhiệm: Cao Hải Đễ; Nội san (1950), Cơ quan của ban chấp hành Trung ương Cao Đài Cứu quốc Mười hai phái Thống nhứt; Đại đạo (1953), giám đốc kiêm chủ bút: Cao Đức Trọng; Đạo đời (1953), chủ nhiệm: Trần Nguyên Lượng; Nhân sinh (1954), nguyệt san của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài Trung Việt, phụ trách: Trần Luyện; Tôn giáo xã hội (1954), giám đốc: Trương Kế An, chủ nhiệm Phạm Thành Mai; Đại đạo nguyệt san (1963), "Cơ



quan phổ biến đạo Cao Đài” thuộc Tòa thánh Tây Ninh, chủ nhiệm kiêm chủ bút: Bửu Chơn Võ Tông Lục; Nhân sinh (1964), sáng lập: Huệ Lương Trần Văn Quế; Cao Đài giáo lý (1965), nguyệt san của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, đến số 95 đình bản (tháng 3-1975).<sup>1</sup>

Tổng cộng 19 tạp chí Cao Đài (có thể chưa sưu tầm đầy đủ) đã lần lượt xuất bản từ năm 1928 đến năm 1975. Về nội dung, hầu hết các tạp chí trên phổ biến lập trường của cơ quan chủ quản, tôn chỉ mục đích đạo Cao Đài, thánh giáo, đường lối quy nguyên hiệp nhứt, khảo luận giáo lý, tin tức trong đạo...

Về mặt văn hóa đạo đức, có nhiều bài viết rất sâu sắc, nhiều khảo cứu quảng bác. So với một số báo chí đầu tiên của nước ta từ những thập niên 1960 trở đi, trình độ tiếng Việt và Pháp văn của các tác giả trong các tạp chí Cao Đài đã tiến bộ xa.

Có thể đơn cử một vài bài tiêu biểu để độc giả cùng thưởng thức và nhận định:

- Bài “Ông Thiện Pháp thuyết đạo” trên tạp chí Đại Đạo Qui Nguyên năm 1938, số 1, trang 25.

“... Trong đoạn này diễn

---

1. Theo “Sơ khảo Báo chí Cao Đài” của Nghệ Dũ Lan, tạp chí Xưa & Nay, số 81b, tháng 11 năm 2000, phụ trương Tư liệu, tr.H.

giả xin nói tại sao Ông thánh Thương Hiệt tượng hình chữ Đạo (道) ra như thế, cho thánh giả hiểu đích xác nữa rằng cái Đạo là Hư- vô- khí.

Ông thánh Thương Hiệt là sử quan của vua Huỳnh Đế. Vua Huỳnh Đế tức vị 2697 năm trước đức Gia-Tô, kể luôn đến năm 1936 là 4633 năm. Thánh Thương Hiệt lãnh mạng chế văn tự trước hết, nghĩa là Hồn - tự phát nguyên kể từ đây là trước.

Viết chữ Đạo (道) thì trước hết chấm 2 chấm đầu. Ấy là tượng nhị khí âm-dương. Âm-dương nhị khí còn có tên khác là: Thần-khí, Thủy-hỏa, Long-hổ, Ô-thổ, Diên-hống. Tiên Phật viết kinh luận đạo cần phải đặt cho nhiều tên cho rộng lời thí dụ. Vì Đạo là tối quý, không thể nói ngay ra đặng.

Kế đó ngang một ngang: Ấy là tượng nghĩa âm-dương hiệp nhứt Đạo mới thành. Chỗ này Nho gia gọi là “Nhứt dĩ quán chi.” Đạo gia gọi là “Đắc nhứt vạn sự tất.” Thích thì nói là “Vạn thù qui nhứt bản.”

Dưới nữa viết một chữ Tự (自). Chữ tự chỗ này nghĩa là tự mình, tự nhiên, chẳng phải có ai trợ lực, cũng chẳng nên trợ trưởng như kẻ làm ruộng kia, muốn cho mạ mau cao, bèn mỗi ngày nhóm rễ nó lên vậy.

Rốt sau viết chữ xước (爻). Chữ xước nghĩa là đi, là chạy, mà đây chánh nghĩa là xây

văn. Cù-Đàm môn nhơn chỗ này nói là “Pháp luân thường chuyển.” Lão giáo nói là “Châu thiên triển hành”, Nho giáo nói là “Kiển- Khôn phản phúc.”

Vậy thì nguyên chữ Đạo nghĩa là âm-dương hiệp nhứt, pháp luân tự chuyển.

Tam giáo tuy dùng văn tự khác nhau mà thể cái Đạo, chớ so sánh cho đáo để thì đạo lý vẫn có một mà thôi. Cả ba đều chỉ rằng cái Đạo là khí Tiên thiên.

Y gia gọi là “chơn hỏa” đó, nó chạy hoài trong hai mạch Nhâm-Đốc như thời kỳ ta còn giữa thai bào vậy.

Tổng luận: Hể âm khí với dương khí đặng hiệp lại làm một mà vận chuyển trong châu thân hoài thì Đạo cả thành.

Vua Huỳnh Đế học đạo với đức Quảng Thành Tử tại Nga My sơn. Đức Quảng Thành Tử cho vua một cuốn kinh hiệu là “Thể phụng thơ”, nhờ đó vua đắc đạo, sau về đơn truyền cho bầy tôi có công, kể Ông Thương Hiệt là một.

Bởi vậy thánh Thương Hiệt mới được rõ cái thiên-đạo mà tượng chữ Đạo được đúng theo đạo lý vậy.”<sup>2</sup>

#### THIỆN PHÁP

#### NGUYỄN BỬU TÀI

- Bài thuyết đạo của Cụ Nguyễn Phan Long tại Lễ Khánh thành Trung-Thành

---

2. Tư liệu của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

(XEM TIẾP TRANG 27)



# ĐẠO PHẢI TRỞ VỀ NGUYÊN THỦY

ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ • NAM THÀNH THÁNH THẤT • TÝ THỜI ĐÊM 23 THÁNG 8 NĂM MẬU TUẤT (1958).

THI

LÝ thuyết thực hành khá giống nhau,  
GIÁO dân mình phải chánh vi đầu.  
TÔNG chi Đại Đạo từ Kim Khuyết,  
GIÁNG cứu đời tàn chốn bể dâu.  
NAM địa hoàng khai kỳ phục pháp,  
THÀNH trì thống nhứt đạo hưng thâu.  
THÁNH tâm ai kẻ tướng nguyên lý,  
THẤT nội tương phùng khỏi kiếm đầu.  
Bản Đạo chào mừng chư hướng đạo Thiên phong  
cùng đàn trung lương phái. Miễn lễ an tọa. [...]

Này chư hướng đạo ôi!

THI BÀI

Niên đạo đức kể sang ba bốn,  
Hỏi bao giờ tới chốn tới nơi,  
Tới ngày thành đạo cứu đời,  
Tới kỳ gieo rắc đạo Trời năm châu.  
Xét nội bộ còn câu lung củng,  
Tình anh em còn núng nệ nhau,  
Chị em cay đắng lợt màu,  
Từ trên chí dưới thiếu câu nhân hòa.  
Cũng có hiển bôn ba lo lắng,

Ngày đêm lo dậm thẳng lo âu,  
Nhưng rồi đâu chẳng tới đâu,  
Ở đâu thì cũng thiếu câu nhân hòa.  
Cũng có chỗ xót xa lo liệu,  
Hò hào lên hiệu triệu đệ huynh,  
Nào là thống nhứt chung tình,  
Nhưng thống từ địa phương mình mà thôi.  
Cũng có chỗ lời thôi chưa định,  
Có hai tay bấm vịn bốn bên,  
Nội dung chưa vững móng nền,  
Tuổi ham có tuổi có tên với đời.  
Những việc lớn gần thời chưa được,  
Kẻ bơi xuôi chèo ngược chỏi nhau,  
Bao giờ cho đến đạo CAO,  
Bao giờ thoát khỏi gian lao bụi đời.  
Cũng có chỗ xưa thời theo thế,  
Vì tư riêng chẳng kể việc chung,  
Nói sao cho hết cho cùng,  
Tình đời còn lăm nã nùng ai ôi!  
Không phải lỗi tại người cố ý,  
Vì chưa thông chơn lý Đạo Thầy,  
Chỉ nhìn một cạnh không xoay,

Không xoay đủ cạnh mới vầy đó thôi.  
Cũng tại chưa hiểu lời Thánh giáo,  
Mới khiến ra đồng đạo lòng vòng,  
Khiến điều chưa được cảm thông,  
Đi hoài rớt cũng trong vòng loanh quanh.  
Đạo xem dễ, nhưng hành tất khó,  
Tuy khó mà hiểu rõ dễ thay,  
Vì chứng chưa hiểu Cao Đài,  
Chủ trương cứu cánh không ngoài tình thương.  
Tình thương được biểu dương đây đó,  
Thì đâu xui nên có chuyện ni,  
Ai ôi! Muốn đến khoa kỳ,  
Thì tua sáng suốt mà đi thẳng đường.

Thì giờ gặp gỡ gẫm cũng hiếm có, nhưng vì tình thương nhân loại, vì sứ mạng thiêng liêng, vì cảm tình chư hướng đạo; hơn nữa hôm nay là ngày đánh dấu Đại Đạo hoằng khai, chi nên Bản Đạo chỉ gọi lại trong sử Đạo để các chư hướng đạo nhìn thấy giựt mình để sớm cải tiến hầu khỏi trễ lập cơ chính pháp.

Xét từ tâm trạng chung mỗi người tín đồ, ai cũng mong Đạo sớm thống nhất qui nguyên, ai cũng ước ao ngày Đạo thành, nhưng Bản Đạo đặt một vài câu hỏi. Hỏi vậy muốn Đạo thống nhất phải làm sao? Muốn Đạo thành phải làm sao? Khi Đạo thành rồi phải làm gì nữa? Đó là ba câu hỏi chánh mà các vị hướng đạo cùng toàn thể môn đồ nghiệm xét tự trả lời. Tuy nhiên Bản Đạo cũng chỉ sơ một vài điểm cụ thể.

Câu thứ nhất, nếu muốn Đạo sớm thống nhất thì tự mình phải thống nhất lấy mình trước đã. Các hiền thử xem chính tự bốn tánh mỗi người lăm đời đời, vui buồn không nhất định sớm tính vậy, trưa toan khác, chiều lo ra. Trong khoảng thời gian một ngày mà thay đổi như vậy tự mình bội tín lấy mình. Thử hỏi người thứ hai với toàn Đạo trong một phái còn khó hơn nữa là cùng các chi phái khác. Vậy thì mình phải tự mình đừng bội tín với mình trước đã. Khi hội họp bàn tính việc đạo thì luôn theo dõi ngày đêm, đặt hết sự lo âu vào đó mới mong thành tựu chớ nếu khi hội họp tính vậy rồi về

nhà làm khác hoặc không nhớ tới nữa thì than ôi bao giờ nên việc!

Điểm thứ hai: Muốn Đạo thành phải làm sao? Nên nhớ rằng: Mười hai năm khai Đạo, mười hai năm kế giáo Đạo, mười hai năm sau thành Đạo. Trong tam thập lục niên sở định, khi giai đoạn đầu mà các hướng đạo đã làm được thì đến giai đoạn hai Đạo thành rất dễ. Thành đây không phải là thành Tiên tác Phật cõi gió theo mây. Thành đây là nguồn gốc Đạo phải trở về nguyên thủy của nó. Khi mới khai như thế nào đến ngày qui nhứt như thế ấy, không còn phân biệt màu sắc phái chi, thì hiện thời cần phải giữ y sự hành Đạo từ lễ nghi hình thức đến kinh sách luật lệ phải y khuôn.

Điểm thứ ba: Hỏi khi Đạo thành hình rồi các Hướng đạo phải làm gì kia chứ? Hay là lúc bấy giờ tròn sứ mạng để ngồi không tọa hưởng ơn thiên bố ban, nào xe ngựa ruộng vườn, tàu bay? Không phải vậy, khi Đạo thành là giai đoạn còn phải hết sức nặng nề nữa.

Vì đạo Cao Đài khai mở tại Việt Nam, tuy gốc tại Việt Nam nhưng lý đạo phải tổng quát trong Tam giáo thì ít nhứt nữa chơn lý đó phải là căn bản cho ba nhà Nho, Thích, Đạo, không phải để cho người Việt tu, phải gieo rắc cùng năm châu bốn biển, đó là lời tiên tri Đức Chí Tôn ngày sơ khai Đạo. Đó cũng ước vọng duy nhứt của môn đồ, nhưng hỡi ôi! Nếu nhắc đến đoạn cùng thì Bản Đạo thấy biết bao sự gay, biết bao sự phải thực hành. Nếu muốn biểu dương giáo lý Cao Đài là qui Tam giáo, nó phải đòi hỏi đến sự học thức rộng rãi từ văn chương đến pháp đạo, phải thông rành luật lệ ngọn ngành trong Tam giáo rồi còn phải đòi hỏi đến sinh ngữ nữa. Ví dụ một khi đoàn Hướng đạo Cao Đài đi ngoại quốc đến một sắc dân nào, cố nhiên phải đòi hỏi sinh ngữ ấy... Đó, các hiền Hướng đạo thấy trách nhiệm quan trọng dường bao! Con đường nhứt định phải đến nhưng bao giờ sẽ đến? Vậy thì điều căn bản của điều thứ ba là sau đây ai là người thiết (XEM TIẾP TRANG 28)



# tâm linh

## TRÊN ĐƯỜNG TIẾN HÓA

### ■ THIÊN CHÍ

Những năm cuối của thế kỷ XX có nhiều nhà nghiên cứu đã tiên đoán rằng thế kỷ XXI sẽ mở sang một kỷ nguyên mới, đó là kỷ nguyên của tâm linh. Nếu đúng như thế, quả rất mừng, vì chúng ta là những người có đức tin, đang cố gắng rèn luyện tâm linh của mình để được tiến hóa. Nhưng để thật tự tin và đức tin được vững vàng, chúng ta tự hỏi đó có phải là những suy diễn hay những ảo tưởng vô căn cứ của một số nhà nghiên cứu không?

Thật ra, nếu xét kỹ lịch sử nhân loại cũng như quá trình văn minh thế giới thì luận cứ trên cũng không có gì mới lạ. Bởi vì “Vật cùng tất biến” và “Âm cực Dương sinh.” Hai câu nói ngắn ngủi ấy tuy đơn giản nhưng là những nguyên lý, những quy luật chi phối toàn thể vạn vật, vạn sự trong vũ trụ. Vũ trụ dịch biến, tinh thần và vật chất tất cả đều nằm trong quy luật ấy, lặp đi lặp lại theo thời gian bằng những chu kỳ không ngừng nghỉ, nghĩa là cùng rồi biến, biến rồi thông, tạo thành lịch sử, mà lịch sử là

gì? Lịch sử là cuộc biến thiên, là hành trình tiến hóa của vạn vật chúng sanh.

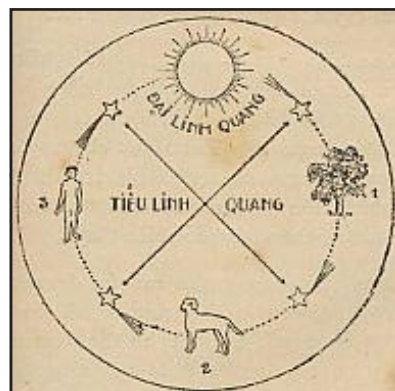
Trên đường lịch sử, vạn vật và chúng sanh đánh dấu những bước thăng tiến của mình, thì lịch sử là một chuỗi dài của con đường tiến hóa, nhưng tiến hóa là gì? Và tiến hóa bằng cách gì, tiến hóa bằng cách nào? Nếu nói tu hành để tiến hóa tâm linh, thì tâm linh là gì?

Trước hết chúng ta xem xét con đường tiến hóa theo giáo lý Đại Đạo. Người học Đạo đều biết: Đức Chí Tôn Thượng Đế, và các đấng Đạo Tổ khai Đạo tại thế gian là muốn chỉ dạy cho nhơn loại đường giải thoát, mà muốn giải thoát phải có quá trình tiến hóa, nghĩa là phải có công trình, có nỗ lực của bản thân, mỗi chủ thể mới tiến hóa. Nên, giáo lý Đại Đạo xác nhận luật tiến hóa trong vũ trụ đã đặt nền tảng trên hai nguyên lý: nguyên lý thứ nhất là “Thiên Địa vạn vật nhứt thể” và nguyên lý thứ hai là “Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn.”

Như vậy, vũ trụ bao gồm hai thực tại, hữu hình và vô hình; hai thực tại đó có cùng một bản thể (theo nguyên lý thứ nhất).

Nhưng vũ trụ không đứng yên mà vận động và biến hóa, cuộc biến hóa này làm cho vạn vật sinh ra, hủy diệt và tái sinh liên tục, tạo thành thiên hình vạn trạng tưởng chừng như hỗn độn, không có mục tiêu nhưng thực sự nó tuân theo nguyên lý thứ hai nói trên nghĩa là “Nhất bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn.”

Vậy theo giáo lý Đại Đạo, cuộc tiến hóa có một chu trình và chu trình ấy chính là con đường tiến hóa như trên sơ đồ (hình 1). Chúng ta thấy, từ Thái Cực Đại Linh Quang phóng xuất ra những tiểu linh quang. Lý Thái Cực Âm Dương tác động vào trong bản thể của vũ trụ để hình thành ra những vật chất sơ khai tức là kim thạch, kể đến từ kim thạch có sức sống trở thành ra



thảo mộc, rồi động vật. Trong quá trình này, theo kinh Đại Thừa Chơn Giáo, vạn vật tiến hóa từ chỗ giác hỗn đến có sanh hỗn, chừng nào vạn vật tiến hóa lên tới con người thì lúc đó mới có linh hồn. Do đó, vòng tiến hóa này không chỉ nhấn mạnh ở những hình ảnh của kim thạch, thảo mộc, động vật và con người mà còn cho thấy sự tăng trưởng tâm linh từ giác hỗn, sanh hỗn lên đến linh hồn.

Nhìn lên sơ đồ, chúng ta lại có một suy nghĩ nữa là tại sao từ Đấng đầy đủ các sự tốt đẹp, toàn tri toàn năng lại sinh ra những vật thể đầu tiên là cát bụi, khoáng sản vô tri mà không phải là sinh ngay ra con người hay những bậc “con Trời” có năng lực và phẩm chất siêu việt? Để giải đáp, cần nhớ tới khái niệm vô hình, hữu hình và vô ngã, hữu ngã của vũ trụ luận Đại Đạo. Trong tổng thể vũ trụ, miền vô hình thuộc về khu vực phi vật chất, không có vật thể mà bao gồm vô lượng chủ thể thiêng liêng đã và đang tiến hóa vượt khỏi miền hữu hình. Các Đấng ấy đã hữu ngã hóa, đã đắc Đạo từ bốn thể Đạo vô ngã và phụng sự cho thiên cơ của Đấng Thượng Đế Chí Tôn, là Đại Linh Quang hay Thái Cực.

Cho nên những chủ thể thiêng liêng đã tiến hóa cao trên miền vô hình, tùy theo cấp bậc có thể là chư Phật, Tiên, Thánh, Thần... Vậy nếu

chúng ta xét đơn thuần về mặt tạo dựng, thì các nguyên tố vật chất cát bụi, kim thạch được sanh ra trước tiên, nhưng nếu xét về mặt tiến hóa thì chúng ở ngoài biên cương của vũ trụ xa xôi thuộc miền hữu hình chứ không phải ở trong miền vô hình, gần trung tâm Thái Cực Đại Linh Quang theo nấc thang tiến hóa. Chúng ta có thể hình dung điều đó trên hai sơ đồ dưới đây:

Tuy nhiên, ngay trong miền hữu hình là một môi trường vô biên để vạn vật học hỏi, rèn luyện, phụng sự không ngừng để tiến hóa. Cuộc tiến hóa này sẽ thúc đẩy các cá thể thăng tiến hoàn thiện dần dần từ thể xác đến tinh thần. Phân biệt miền vô hình và miền hữu hình không có nghĩa là phủ nhận, không công nhận giá trị của miền hữu hình.

Tại thế gian, sự hoàn thiện đến hình thể con người là cao nhất, nhưng về tinh thần sẽ thăng tiến từ sanh hỗn lên giác hỗn rồi linh hồn, nhưng nấc thang tiến hóa không dừng lại tại đây. Đẳng trình tiến hóa vẫn còn tiếp diễn, mặc cho bao lần thay căn đổi kiếp trên chiều dài tiến hóa tâm linh. Trên đẳng trình tiến hóa, không biết thời gian là bao lâu tùy theo mức độ, trình độ tiến hóa của mỗi cá thể hướng về đích điểm của mình chính là Thái Cực Đại Linh Quang.

Đến đây trước khi chúng

ta nói đến con đường tiến hóa của tâm linh chúng ta, hãy tìm hiểu tâm linh là gì?

Các tôn giáo và các giáo lý thường đề cập đến tâm linh như “đời sống tâm linh”, “tiến hóa tâm linh.” Nói đến đời sống tâm linh là chỉ sinh hoạt nội tâm, và nói đến tiến hóa tâm linh là để chỉ quá trình phát triển năng lực tinh thần của chủ thể. Như Đức Lê Đại Tiên dạy rằng “tâm linh phải trong sạch sáng suốt và bình đẳng như nhiên ngô hầu thể hiện thái độ hành vi hoàn toàn đạo đức.”<sup>1</sup> Cho nên nếu chưa thể hiện thái độ hành vi hoàn toàn đạo đức thì chưa đánh giá được mức tiến hóa tâm linh mà mức tiến hóa tâm linh trước tiên được đánh giá bằng sự trong sạch, sáng suốt; tâm linh phải trong sạch sáng suốt nghĩa là nó không đương nhiên sáng suốt mà phải nỗ lực, rèn luyện. Tóm lại phải vong ngã, phá chấp mới được bình đẳng như nhiên. Và Đức Cao Triều Phát dạy rằng “Các em hãy củng cố lại tâm linh, tư tưởng của mình đi, để hợp cùng bạn Đạo ở bốn phương lo xây dựng nền tảng Đại Đạo.” Như vậy, nếu không có nỗ lực, không có sự phấn đấu, không có công trình thì chủ thể mang mặc tâm linh đó, đầu

---

1. Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, Tuất thời, mừng 9 tháng 5 Tân Hợi, 02-6-1971.

muốn thực hiện sứ mạng cũng không thể thực hiện.

Kể đến, Đức An Hòa Thánh Nữ có nói “Thiên ân sứ mạng là nấc thang cứu phẩm tam thừa càng tu càng tiến, càng tiến càng tăng trưởng tâm linh giác huệ cho đến khi thoát nghiệp trần về cùng khối Đại Linh Quang chừng đó là hoàn tất.”<sup>2</sup> Vậy tâm linh là gì? Tâm linh là ánh sáng phản chiếu của tâm xuyên qua lẽ sống và cuộc sống. Nếu sống không nhập thế, không độ đời, không hoàn thành sứ mạng vi nhân ở đời, không xuyên qua cuộc sống ở tại thế gian thì tâm linh không tiến hóa. Thế nên cuộc sống có ảnh hưởng đến tâm linh và ngược lại tâm linh có ảnh hưởng đến cuộc sống. Tâm là chơn không bất tăng bất giảm bất biến; còn tâm linh là cái dụng của tâm, cái dụng đó sẽ đưa chủ thể đi vào trường biến thiên để bồi đắp công trình mà tiến hóa.

Cuộc tiến hóa là một quá trình thanh lọc tâm linh, là quá trình củng cố tâm linh. Thanh lọc, củng cố và tăng trưởng tâm linh trên suốt quãng đường trong kiếp sống của mình hiện tại và nếu chưa đủ thì tiếp theo những kiếp sau mới gọi là tiến hóa. Thước đo thành quả của quá trình ấy

là gì? Là thái độ, hành vi hoàn toàn đạo đức, là tinh thần đại đồng, là sứ mạng, là trí huệ, là huệ giác. Cho nên, Phật nói: “Lìa thế gian không có Niết bàn.” Có nghĩa, thế gian như là một môi trường phát huy công dụng của tâm linh. Nếu không vận dụng được sứ mạng của mình ở tại thế gian, không vận dụng được ý nghĩa của cuộc đời mình ở tại thế gian thì không có Bồ đề mà cũng không có giải thoát hay Niết bàn. Để hiểu rõ công năng của tâm linh trên đường tiến hóa, ta hãy nghiên cứu thêm phạm trù Tánh, Tâm được lý giải trong Đạo Học Chỉ Nam.

Theo sách Đạo Học Chỉ Nam, Tánh tuyệt đối là cái khởi đầu, vô sanh bất diệt, là điểm tiến hóa cao nhất, gọi là tánh tuyệt đối; mà tánh là bản thể là căn bản của con người. Thực tại thường trụ, hồn nhiên, thiên lý vốn có một không hai là tánh tuyệt đối này. Tánh đó chơn thật và thiêng liêng ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt. Nghĩa thứ hai là tánh tương đối, tánh tương đối là khi tánh gồm có hai chữ Tâm (心) và chữ Sanh (生) kết hợp lại thành chữ Tánh (性). Sanh hay Khí là sự sống, và Tâm hay Lý là lẽ thật. Như vậy, khi bắt đầu bước vào Tánh tương đối là đã có Tâm đi cùng với Sanh, tức Lý và Khí 心 (lý) + 生 (khí) = 性 (tánh).

Như vậy, tu là gì? Tu là Hậu

thiên trở về với Tiên thiên, cần khẳng định điều đó; nói cách khác, từ thiên hình vạn trạng trở lại nguyên lý tối sơ nghĩa là từ vạn thù quay về nhứt bản. Nên có câu “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bản.” Thành thử chữ tánh ban sơ vốn có một mà sau sinh ra làm hai là tâm và sanh hay là lý và khí, mỗi bên có phần Tiên thiên và Hậu thiên. Khi vào trong môi trường tương đối thì tánh gồm cả tánh Hậu thiên và Tiên thiên; Tâm cũng có Tâm Tiên thiên và Tâm Hậu thiên. Và Sanh là khí tức là sự sống, sự sống đó cũng có phần Tiên thiên và phần Hậu thiên.

Theo Đạo Học Chỉ Nam, Tâm Hậu thiên và Sanh Hậu thiên kết hợp gọi là Tánh Hậu thiên; còn Tâm Tiên Thiên và Sanh Tiên Thiên hợp lại gọi là Tánh Tiên thiên. Chính con người tu là để chuyển Hậu thiên trở lại Tiên Thiên; trong cõi tương đối này khi chúng ta tu hành tiến bộ tức là chúng ta đi từ Tánh Hậu thiên đến Tánh Tiên Thiên. Chính từ Tánh Tiên thiên này ta sẽ vận dụng được tâm linh để tiến hóa.

TÂM ⇔ Tâm Tiên thiên – Tâm Hậu thiên

SANH ⇔ Sanh Tiên thiên – Sanh Hậu thiên

TÂM Tiên thiên + Sanh Tiên thiên = TÁNH Tiên thiên

TÂM Hậu thiên + Sanh Hậu thiên = TÁNH Hậu thiên

Tánh Tiên thiên tương đối,

2. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời 14-5 Canh Tuất, 17-6-1970.

theo Đạo Học Chí Nam, còn cần phải đôn đốc để cho bản tánh con người được phát huy, xuất hiện cho trọn vẹn hết khả năng làm người mà tiến vào cõi Thánh... Như vậy, Tâm linh là Tánh Tiên Thiên tức là một thực thể, dưới thì làm chủ được tình thức, còn trên thì hiệp nhứt được với Trời, với Đạo với Tánh tuyệt đối. Do đó Thánh giáo có câu này:

“Tâm trái khắp trần đầy lẽ sống,  
Tâm nhiệm mầu luân động vạn năng;  
Thường thường bất giảm bất tăng,  
Bất thiên bất ỷ công bằng vô tư.”<sup>3</sup>

Chúng ta đã tìm hiểu tâm linh là gì và có thể đưa tâm linh vào trong sơ đồ của những nấc thang tiến hóa tâm linh ở trong các cõi.

Theo Đại Thừa Chơn Giáo, vũ trụ từ vô hình đến hữu hình gồm có bảy cõi và linh hồn có bảy thể tương ứng. Bảy cõi ở trong vũ trụ nếu nói từ thấp đến cao gồm hạ giới, trung giới, thượng giới, cõi bồ đề, cõi tứ tượng, cõi lưỡng nghi, cõi Thái Cực và tương ứng với các cõi này thì các thể là thể xác, thể phách, thể vía, hạ trí, thượng trí, kim thân, Tiên thể, tới Tiên thể là cao nhất.

1	CÔI THÁI CỰC	TIÊN THỂ
2	CÔI LƯƠNG NGHI	KIM THÂN
3	CÔI TỬ TƯỢNG	THƯỢNG TRÍ
4	CÔI BỒ ĐỀ	HẠ TRÍ
5	CÔI THƯỢNG GIỚI	THỂ VÍA
6	CÔI TRUNG GIỚI	THỂ PHÁCH
7	CÔI HẠ GIỚI	THỂ XÁC

Qua bảng trên, nấc thang tiến hóa tâm linh tương ứng với cõi tứ tượng và thể thượng trí có thể nói đạt đến điểm chơn ngã và chơn tri, có ý thức đại đồng. Đó là chỗ rất quan trọng, từ đó chúng ta thực hành sứ mạng Đại Thừa, chúng ta thi hành Thiên Đạo và bắt đầu nhảy vượt để tiến hóa lên trên. Đây là bước tiến hóa quan trọng từ phàm nhân thành Thánh nhân.

Đối với giáo lý Đại Đạo, nấc thang này là nấc thang của bậc Nguyên nhân sứ mạng hay là

3. Đạo Học Chí Nam, chương II, tiết 3: Tánh là Nhân bản.

của con người Đại Đạo. Bởi vì Đức Chí Tôn dạy rằng, “người mà theo lý thiên nhiên, biết dụng công phu, nghịch chuyển tình khí giao cảm với Nguơn thần cho thành Tiên Phật, dứt bỏ hồng trần thì người ấy là bậc Nguyên nhân.”<sup>4</sup> Đức Chí Tôn còn dạy một câu đơn giản hơn: “Nguyên nhân là Nguyên khí chất Tiên thiên giáng sanh làm người.”<sup>5</sup>

Như vậy, nếu một bậc gọi là Nguyên nhân đang hành đạo ở vị trí “Nguyên nhân” thì bậc đó là sự kết tụ của nguyên khí chất Tiên thiên giáng sanh làm người. Giáng sanh làm người nhưng người đó hành Đạo bằng nguyên khí chất Tiên thiên của mình. Không phải đương nhiên có sự kết tụ của nguyên khí chất Tiên Thiên, nhưng đó là bậc đã tiến hóa đến mức kết tụ nguyên khí chất Tiên Thiên để tiếp tục làm sứ mạng ở cõi trần gian này tức Con người Đại Đạo. Theo thông Thiên học gọi con người này là “L’ Homme éternel” (thuộc Thể Thượng trí, Corps mental supérieur, Higher Manas)<sup>6</sup> là con người muôn thuở muôn phương. Con người Đại Đạo ở trong vị trí này là gì? Là “tự sáng chói điểm Đạo để phá tan những cái tối tăm dày đặc sai lầm phân ly.”<sup>7</sup>

Và hơn nữa, chủ thể ở giai tầng này được ưu thế cảm ứng với những chủ thể tâm linh ở giai tầng trên để thọ bẩm cái tâm đặc nhất, bác ái, đại đồng. Thật ra con người Đại Đạo chưa hoàn toàn đặc nhất, bác ái, chưa hoàn toàn có tâm đại đồng. Chính vì nhờ cảm ứng với các chủ thể tâm linh tiến hóa cao hơn mà vận dụng được lòng bác ái, tâm đại đồng đó để hành xử, để xây dựng đời Thượng nguơn Thánh đức. Nên Đức Giáo Tông gọi con người đó là “người làm

4. Đại Thừa Chơn Giáo, Cao Đài Đại Đạo – Chiếu Minh, Trước Tiết tàng Thơ, Thủ Thiêm – Gia Định. Phần thứ ba, Mục Lý Thiên Nhiên và Lý Tự Nhiên.

5. Sđd – footnote 4.

6. Tham khảo [http://www.anandgholap.net/Seven\\_Principles\\_Of\\_Man-AB.htm](http://www.anandgholap.net/Seven_Principles_Of_Man-AB.htm).

7. Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, Rằm tháng 10 Kỷ Mùi (04-12-1979).

cho kẻ thù nên thân, người ghét trở nên bạn.”<sup>8</sup> Ấy là phẩm chất của con người Đại Đạo, là người thấy “chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất túc.”<sup>9</sup> Một câu rất đơn giản để chỉ người vận dụng được lòng bác ái và tâm đại đồng để thực hiện sứ mạng đối với nhơn sanh.

Đến đây chúng ta bước sang câu hỏi rằng “Làm thế nào để tâm linh chúng ta tiến hóa được?”

Trước khi giải đáp theo giáo lý Đại Đạo chúng ta khảo sát lại giáo lý của các tôn giáo trước trong Nhị kỳ Phổ Độ, như Lão Trang. Theo Lão Trang, muốn tiến hóa tâm linh thì thực hiện quá trình rèn luyện để tiến hóa, gồm các bước:

- Phải trị thân;
- Phải tâm trai;
- Phải huyền đồng.

Thế thì “trị thân” là gì? Là trong quá trình tu luyện, Lão Trang cho rằng trước hết phải chế ngự bản thân của mình, phải kiềm chế giác quan khỏi bị ngoại cảnh cám dỗ, giai đoạn này Lão Tử gọi là “bảo phác”, “phản phác”; còn Trang Tử gọi là “trị thân.”

Trước khi nói chữ “trị thân” nên thử cắt nghĩa chữ bảo phác

và phản phác, là gì? Là quay trở lại giữ gìn bản tính thuần thành, mộc mạc và trừ bỏ những gì làm mệt mỏi thể xác và rối loạn tâm hồn. Chữ “phác” đó là thuần thành, là mộc mạc. Đạo Đức Kinh chương XII, Lão Tử viết “Thánh Nhân vị phúc bất vị mục” có nghĩa Thánh Nhân vì bụng mà không vì mắt, tức là “bất dục dĩ tịnh” nghĩa là “không ham muốn để cho lòng được yên tịnh”, còn ở trong Thiên Tại Hựu của Nam Hoa Kinh thì Trang Tử có viết một câu chuyện như thế này:

“Hoàng Đế mới thừa cùng Quảng Thành Tử: Thừa Ngài, tôi nghe rằng Ngài đã đạt đến chí Đạo tức là Ngài đã đạt Đạo, thì dám hỏi phép trị thân của Ngài như thế nào và làm sao có thể trường cửu được? Quảng Thành Tử bèn vùng dậy mà nói (chữ “vùng dậy” này rất là hay, nghĩa là ổng rất là tâm đắc, hỏi đúng ý ổng): Câu hỏi rất hay, người đừng nghe, đừng nhìn, lấy tĩnh lặng mà ôm ấp cái thần.”

Đừng nghe, đừng nhìn tức là trị thân, tức là giới hạn lại cái phần hướng ra ngoài, mà phải quay vào trong, “lấy cái tĩnh lặng mà ôm ấp cái thần thì hình hài nhiên hậu sẽ hẳn hoi” đó là câu trả lời của Quảng Thành Tử. Bước qua giai đoạn thứ hai của quá trình rèn luyện tâm linh theo Lão Trang, là giai đoạn tâm trai hay là hư tâm. Đã làm chủ được ngũ quan, bảo

tồn được thần khí, đạo gia đi đến giai đoạn hư tâm hay là tâm trai. Hư Tâm là vượt lên trên tri thức thông thường, không dựa vào hình tướng, vào đối tượng hay là suy luận phân biệt nữa. Trang Tử viết về tâm trai hay hư tâm như sau bằng một câu chuyện có tính cách ngụ ngôn giữa Nhan Hối và Đức Khổng Tử:

Nhan Hối hỏi thầy mình như thế này:

– Dám hỏi thầy, chay tịnh của lòng là như thế nào?

Thầy Trọng Ni, tức là Đức Khổng Tử đáp:

– Hãy chuyên nhất cái trí của mi, không nghe bằng tai mà nghe bằng lòng; mà không nghe bằng lòng mà nghe bằng khí.

Chúng ta nhớ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn nói hành Đạo bằng tâm không bằng hành đạo bằng trí, mà hành đạo bằng trí cũng chưa bằng hành đạo bằng khí; hành đạo bằng khí chưa thâm sâu bằng Thần. Cho nên, trong ngụ ngôn Đức Trọng Ni nói phải chuyên nhất cái trí, không nghe bằng tai mà nghe bằng lòng tức là bằng tâm thức, không nghe bằng tâm thức của mình mà phải nghe bằng khí, tức là bằng thần thức của mình. Chỉ có Đạo là hợp được với Hư không, và Hư không là phép chay tịnh của lòng. Như vậy, Tâm trai là phép chay tịnh của lòng; phải lắng lòng, phải yên tĩnh thì mới đạt được Tâm trai vậy.

8. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Tuất thời 14 tháng giêng Canh Thân (29-02-1980).

9. Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 13 tháng 8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

Bước qua bước thứ ba, giai đoạn sau cùng, tức là huyền đồng với Trời Đất, cũng Trang Tử đặt ra câu chuyện Nhan Hối hỏi Khổng Tử:

– Thưa thầy Trời và Người hợp nhất có nghĩa là gì?

Thầy Khổng Tử đáp rằng:

– Người là Trời mà Trời cũng là người, sở dĩ người mà mất Trời là tại cá tính của mỗi người.

Mình lấy cá tính của mình mà che lấp đi thì đâu còn là người và Trời, nghĩa là người và Trời bị ngăn cách bởi cá tính. Cho nên, Thánh nhân an nhiên, tất nhiên là không có cá tính, không có tư tâm để cho hỗn hòa với đại thể, đại thể chính là Trời Đất, vũ trụ hay là Trời.

Đã hiểu theo Lão Trang, thì trong Tam Kỳ Phổ Độ, pháp môn tiến hóa tâm linh của đạo Cao Đài dạy cũng không khác. Cao Đài dạy đi từ luyện kỹ, đến quy tâm, đến thực hành sứ mạng Đại Thừa. Luyện kỹ là muốn tìm đến chỗ chơn không vô ngã. Muốn đạt đến chỗ nắm máy thiên cơ Tạo hóa riêng của mình thì phải luyện kỹ cho thuần thành, mà muốn luyện kỹ cho thuần thành thì phải trau dồi cho đầy đủ Thần lực.

Phải dẹp hết mọi vọng niệm, dục vọng và trừ mọi khảo đảo. Dẹp khảo đảo không phải là dẹp bỏ đối tượng. Như Huỳnh A khảo đảo tôi, tôi được loại trừ Huỳnh A, cấm Huỳnh A gặp tôi, nhưng tôi phải khắc phục chính tôi, có như vậy thì công phu luyện kỹ của chúng ta mới đi đến chỗ viên dung, như Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy. Ôn Trên giải thích: Kỹ là niệm thôi, như vậy luyện kỹ là khắc chế cái niệm

hay là cái vọng niệm của mình cho được thuần thành, phải trau dồi cho có thần lực để chế ngự mọi vọng thức.

Bước thứ hai là quy tâm, nếu muốn luyện kỹ mà ngó ra ngoài, muốn so đo, muốn trách móc, muốn háo thắng thì không thể luyện kỹ được mà phải hướng tâm, phải quy tâm tức là hướng nội, hướng về tâm linh, tức là từ Vạn hướng về Nhất. Thánh giáo có dạy:

“Còn một việc lòng ham mộ Đạo,  
Muốn tìm ra cơ tạo huyền vi,  
Dặn lòng hai chữ trí tri,  
Hướng về tâm nội quy y đắc thành.  
Đạo làm người hóa sanh đã đạt,  
Đạo Phật Tiên nắm chắc trong tay,  
Nhân quang linh động hằng ngày,  
Soi vào tâm nội nhận ngay đạo Trời.”

Đó là quá trình quy tâm, chúng ta đi cúng, tịnh hằng ngày tức là “nhân quang linh động hằng ngày, soi vào tâm nội nhận ngay đạo Trời.” Dù không đến chùa thất, ngồi ở nhà, cũng nhân quang soi rọi hằng ngày, tức là chúng ta tự quay vào trong, tự xem xét mình, tự ý thức chính mình, mình hiện nay là ai, mình là vọng thức hay là mình là chơn ngã. Quy tâm, quy Nhất để đạt được lòng bao dung bác ái, cho nên quy tâm với tâm hạnh đại thừa chính là sứ mạng Đại Thừa tận độ chúng sanh. Do đó, Đức Vô Cực Từ Tôn dạy về sứ mạng Đại Thừa và Thiên Đạo Đại Thừa như sau:

“Đại Thừa pháp con ôi giản dị,  
Do âm dương thần khí vận hành,



Trong cơn động tịnh khinh thanh,  
Lắng lòng tư dục Đạo lần hoàng dương.  
Tâm Đạo giữ lập trường Thiên Đạo,  
Thiên Đạo là toàn hảo, toàn chơn,  
Bao la trùm khắp vô ngần,  
Háo sanh đức cả tình thương vạn loài.”<sup>10</sup>

Đại Thừa pháp là gì? Là lắng lòng tư dục, nhưng Đại Thừa pháp hay là Tân pháp hay là Thiên Đạo chúng ta còn hiểu mông lung. Nên Đức Mẹ kết luận rằng phải đạt tới chỗ “Háo sanh đức cả tình thương vạn loài.” Cho nên quy tâm là để có lòng bao dung, để đạt đến tình thương vạn loài. Và tâm phải có sanh mà tâm–sanh đạt tới chỗ tâm–sanh Tiên thiên mới có tình thương. Lúc ấy tâm linh sẽ tiến hóa; ngược lại, tâm không có đức thì không tiến hóa. Nên Ôn Trên còn dạy rằng, nếu tu vô niệm, không phản Hậu thiên trở lại Tiên thiên thì cũng không đạt mục đích, bởi vì khí Tiên thiên là yếu tố sanh hóa ra tình thương.

Chúng tôi đã cố gắng trình bày với quý vị “Tâm linh trên đường tiến hóa” qua những mục các đường tiến hóa theo giáo lý của Đại Đạo, tìm hiểu tâm linh và làm thế nào để tâm linh tiến hóa. Tới đây xin tạm kết luận như thế này:

Thứ nhất, con đường tiến hóa tâm linh đi từ cõi hữu hình đến cõi vô hình. Ý này có vẻ tầm thường, nhưng chúng ta phải khẳng định: tiến hóa tâm linh không chỉ ở tại thế gian này; tiến hóa tâm linh phải nối tiếp từ hữu hình sang vô hình, phải bước sang cõi tâm linh thiêng liêng và không trở lại cõi hữu hình. Như vậy trong cõi hữu hình vẫn có tiến hóa nhưng cần khẳng định rằng tiến hóa là đi từ hữu hình tới vô hình. Tiến hóa tâm linh trong cõi hữu hình và tiếp diễn không ngừng trong cõi vô hình, chứ không phải tiến hóa từ hữu hình tới vô hình mà thôi.

Đích điểm tiến hóa chính là Thượng Đế. Và càng thô trọng, càng sai biệt, càng phức tạp, càng ô trọc, càng hiểm ác thì càng xa Thượng Đế. Còn

càng thanh cao, càng đồng nhất, càng đơn giản, càng thiện lương thì càng gần Thượng Đế.

Điểm thứ ba chúng ta có thể rút ra trên con đường tiến hóa tâm linh là: quá trình tiến hóa sản sinh ra những chủ thể ngày càng hoàn hảo toàn diện và càng ngày càng tăng trưởng đạo đức, lòng bác ái, vị tha. Cho nên, chủ thể đó, hay là hành giả đó hay là con người đang cầu mong sự tiến hóa đó phải chúng tỏ sự tăng trưởng đạo đức và lòng bác ái vị tha. Nghĩa là mức độ tiến hóa luôn gắn liền với thái độ, hành vi đạo đức và gắn liền với giá trị thống hợp đại đồng.

Nếu chúng ta có thái độ, hành vi đạo đức trong phạm vi tôn giáo chúng ta, mà việc làm từ thiện đó không đạt được giá trị thống hợp đại đồng với tất cả chúng sanh, tất cả các thực thể cứu thế kỳ ba trên thế gian này thì cũng chưa phải là tiến hóa tâm linh.

Điểm thứ tư, nói một cách khái quát, tiến hóa là Hậu thiên trở về với Tiên thiên. Ôn Trên nói rằng “nếu chỉ tu vô niệm mà không trở về với khí Tiên thiên thì không làm sao đạt được mục đích được.”<sup>11</sup> Khí Tiên thiên diễn tả một thực tại mà chúng ta rất khó hiểu, rất mơ hồ. Nhưng nếu chúng ta biết rằng, từ khí Tiên thiên này, người ta trở nên thanh cao hơn, người ta trở nên đại đồng hơn, người ta trở nên có tình thương bao la hơn thì đó là hệ quả của sự đạt đến khí Tiên thiên viên mãn vậy.

Điểm cuối cùng cần nhấn mạnh là: con đường tiến hóa tâm linh là con đường quy nguyên mà cũng là con đường sứ mạng. Nếu không có sứ mạng thì không thể quy nguyên; mà quy nguyên được, tiến hóa được thì cũng chính nhờ làm tròn sứ mạng. Bởi vậy, từ tánh tuyệt đối phóng xuất xuống tánh tương đối, tánh tương đối phải có tâm hiệp với sanh tức là phải có tâm Tiên thiên hiệp với sanh Tiên thiên nghĩa là phải có cuộc đời, phải có cuộc sống, phải có tình thương thì mới tiến hóa được vậy. ■

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợi thời 14–8 Tân Dậu (11–9–1981).

11. Đạo Học Chi Nam, sđd.



# tịnh thủy bình

## QUAN ÂM BỒ TÁT

### ■ THANH BÌNH

**Đ**ức Quan Âm luôn song hành cùng nhân thế, từ Nhất kỳ, qua Nhị kỳ, đến Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Quan Âm Bồ Tát là một vị cổ Phật, thành đạo từ Nhất Kỳ Phổ Độ. Theo Thánh giáo Tam Kỳ Phổ Độ thì Ngài là Từ Hàng Đạo Nhân biến thân từ thời Phong Thần đời nhà Thương, cách nay gần 4000 năm. Ngày nay chúng ta biết đến Ngài do kinh sách Phật giáo lưu lại.

Quyền năng vô hạn của Ngài, công đức vô lượng của Ngài được ghi lại ở rất nhiều

kinh, qua nhiều sự tích, với nhiều danh hiệu.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm giải thích về hạnh tu của Ngài, với danh hiệu Quán Thế Âm.

Theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì bất cứ hạng người nào trong chúng sanh, bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ lúc nào hễ cầu đến Ngài, niệm danh hiệu Ngài, thì được cứu ngay. Nếu cầu Ngài với một danh hiệu thuộc về một phân thân nào của Ngài, thì Ngài xuất hiện theo phân thân đó để cứu độ.



Ngài còn có danh hiệu Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Âm Bồ Tát vì Ngài có lời nguyện: “Nếu hiện tại, tôi có thể làm nổi những việc lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh, thì ngay bây giờ đây thân tôi hãy phát sanh đủ ngàn tay và ngàn mắt.”

Quả như vậy, Ngài phát lời thệ nguyện vừa xong thì hiện đủ ngàn tay, ngàn mắt.

Do oai lực vô biên cùng với lòng thiết tha cứu khổ, cứu nạn chúng sanh, Đức Quan Âm Bồ Tát được Đức Thượng Đế Chí Tôn trao trọng trách Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Giáo Tổ Thích Ca trong Tam Kỳ Phổ Độ. Ngoài ra, Ngài còn là Chủ tịch Hội Đồng Chư Thánh Mẫu Nữ Vương, diu dẫn nữ phái.

Quyển năng vô hạn, công đức vô lượng, oai lực vô biên, đảm nhận nhiều trọng trách, nên trong kinh sách Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài có rất nhiều danh xưng như: Quan Âm Bồ Tát, Quan Âm Như Lai, Phổ Đà Bồ Tát, Từ Hàng Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Bồ Tát, Nam Hải Ngạn Thượng Quan Âm Như Lai, Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai...

Trong số văn, danh hiệu của Ngài là: Nam Hải Ngạn Thượng Quan Âm Đại Sĩ Từ Hàng Phổ Độ Thiên Tôn.

Đối với người Việt Nam, hình ảnh Đức Quan Âm đứng giữa Nam Hải khi thì biển lặng, khi thì biển cuộn cuộn

sóng, tay cầm Tịnh Thủy bình, tay cầm nhánh dương rất gần gũi, rất quen thuộc.

## **TỊNH THỦY BÌNH CÓ Ý NGHĨA NHƯ THẾ NÀO?**

Bình là Tâm, tâm chủ sự muôn việc. Thủy cũng là tâm, mà là dụng của tâm. Tịnh thủy có nghĩa tâm thanh tịnh.

Tâm người vốn thanh tịnh. Nhưng vào đời Tâm bị ô nhiễm, bị vẩn vù án che, nên người tu giữ tâm thanh tịnh để tìm lại bản thể tuyệt đối, chủ nhưn ông, vốn liếng tự hữu,.. và dùng tâm đó hòa mình vào cuộc sống, làm ngọn đuốc soi đường cho bản thân, làm dòng suối ngọt ngào đem đến nguồn sống cho muôn loài. Đó là:

“Chỗ về, ngàn suối, muôn sông,

Nơi ra, ứng hợp thời không bốn mùa.”<sup>1</sup>

Như vậy, Tịnh Thủy bình là Tâm thanh tịnh vừa là cứu cánh người tu, là “chỗ về”, là Trời, là Đạo, vừa là công đức người tu, là “nơi đi ra”, là Nhân của người, là tình thương.

## **TỊNH THỦY BÌNH GIÚP ÍCH GÌ CHO NGƯỜI TU?**

Tịnh Thủy bình là tâm pháp. Tâm pháp giúp người tu tự chủ trong cuộc đời. Tâm pháp để khẳng định giá trị chủ thể tự do của con người trong trời đất, khả năng quyết định

sự tiến hóa của con người. Dù sống trong nghiệp lực bủa vây, nhưng chính con người phải biết tự giải thoát mình.

Đức Phật Thích Ca trên 40 năm lao nhọc chuyển pháp luân, với muôn kinh ngàn điển cũng chỉ là ngón tay chỉ trăng.

Dù có thêm luật Đại Ân Xá trong Tam Kỳ Phổ Độ, nhưng Đức Thượng Đế Chí Tôn dạy rằng: “Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên choặng.”<sup>2</sup>

Tâm pháp giúp người tu gần gũi các Đấng Thiêng Liêng: Người tu trong Tam Kỳ Phổ Độ là tu hành trong Luật Cảm Ứng. Trời và người có một mối liên hệ vô cùng mật thiết. Con người giữ tâm thanh tịnh để thấu ngấm khoảng cách giữa Trời và người, do tâm bị ô nhiễm, do khối phàm tâm dục vọng quá lớn ngăn cách. Cho nên giữ tâm thanh tịnh là hướng thượng, là hoàn hảo hóa bản thân, là phân thanh lóng trước để bộ máy nhân thân được tinh vi, điểm tâm linh được linh hoạt, hầu giao cảm với các đấng Thiêng Liêng, để được diu dẫn hộ trì, được nằm trong vòng tay che chở của các đấng Thiêng Liêng. Sự cảm ứng này vô cùng nhạy bén, Đức Quan Âm dạy “Nếu

1. Minh Lý Thánh Hội, Thánh Huấn Quan Âm Bồ Tát, tr.174.

2. TNHT, 15 Avril 1927 (Phú Nhuận).

một niệm lành khởi lên, thì Tiên Phật mười phương cũng ứng theo mà trợ lực.”<sup>3</sup>

Ngược lại, nếu không cẩn thận, tâm không vững vàng, để ngoại cảnh xen vào, dục vọng nổi lên, không những gây sóng gió cho đời, mà bản thân cũng thành kẻ chiến bại. Công đức tu hành phút chốc tiêu tan.

Đó là ảnh hưởng hữu hình. Còn phần vô vi, vẫn có đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu giữa nhân tâm với cõi âm. Mối liên hệ này vô cùng nguy hiểm. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy như sau:

“... Còn phần vô hình, biết bao âm hồn chiến sĩ tử nạn oan tình, họ cũng hằm hằm chờ dịp để rửa hờn.

Họ là những bóng quế hồn ma, không thể nào báo thù rửa oán, nên chờ khi tâm người nào có dịp mở trống hướng đi bạo sát, thì họ liền vừa (thừa) gió bẻ măng, rót chế thêm dầu cho lửa lòng bùng cháy.

Chẳng những kẻ âm nhơn mượn tay trả oán, mà đám ấy chứa đầy tham sân si, đương sục sôi ví như nín thở, chưa có dịp để bùng dậy cho nhẹ lòng.

Nếu người sống hiện tiền mà lòng tham lam tật đố, mê loạn chớm khởi lên, kẻ ấy (âm hồn) gặp cơ hội hòa vào trợ lực, mà sự hung dữ một phần hóa nên mười, mười lăm, hai mươi. Thật là nguy hại.”<sup>4</sup>

Đức Quan Âm dạy thêm:

“Công đức Trời nào có riêng tư, như mưa xuống tràn khắp bốn phương, kẻ biết hứng lấy thì có, không hứng thì không. Hứng nhiều hay ít, là do sức chứa của mỗi người lớn hay bé mà ra.

Có kẻ tâm lượng hẹp hòi thì hồng ân có chảy đến, cũng không đọng lại được bao nhiêu. Còn kẻ lòng rộng như biển sông, thì đâu cũng dồn về đó.”<sup>5</sup>

Do đó, muốn được thường xuyên nằm trong ân điển cứu độ của các đấng Thiêng Liêng, muốn trở thành một hạt trong chuỗi bồ đề xâu bằng dây tình thương của các đấng Thiêng Liêng, người tu phải biết cách đón nhận ơn Trời, bằng những việc làm cụ thể:

Đức Quan Âm dạy: “... Dầu ở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, dầu cư sĩ tại gia, hãy tạo cho mình một tư tưởng, hãy chọn cho mình một việc làm khả dĩ gọi là tư tưởng trong lành, việc làm đạo đức thanh cao thánh thiện. Đó là tự mình đã tạo cho mình có những phương tiện diệu được, có đạo linh phù hộ mạng, và cũng có được nhịp cầu thông cảm cùng Phật Tiên Thánh để được hộ trì dắt dẫn ở kiếp hiện sanh và thoát thai thánh hóa ở kiếp lai sanh.”<sup>6</sup>

“Để bút khuyên trong khắp trẻ già,  
Đang khi khổ hải vạn trùng ba;  
Lòng trần lắng dịu cho thanh tịnh,  
Tâm thánh cảm thông cõi Phật Đà.”<sup>7</sup>

Tịnh Thủy Bình là lấy tịnh chế động, giúp con người sáng suốt. Bên trong thanh tịnh, bên ngoài mới thông. Đức Quan Âm dạy:

“Người tu biết đạo, Thiêng Liêng thường khuyên nên lấy tịnh chế động, lấy thiện chế ác, lấy phải chế trái.

Một sự kiện xảy đến cho mình, dầu ngoại cảnh hoặc nội cảnh cũng có nguyên nhân của nó. Từ cái nhân đưa đến cái quả.

Con người phải sáng suốt bình tĩnh vượt lên trên tất cả, sẵn sàng tiếp nhận và chế ngự mọi sự kiện ấy...

Hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, luôn luôn kiểm điểm nội tâm, kiểm chế lòng mình như đang đi trên chiếc cầu vồng bằng ván mỏng bắc qua đại dương không tay vịn.

Nếu sơ hở một chút, là không phân biệt được

3. Minh Lý Thánh Hội, Thánh Huấn Quan Âm Bồ Tát, tr.62.

4. Minh Lý Thánh Hội, Thánh Huấn Quan Âm Bồ Tát, tr.62.

5. Minh Lý Thánh Hội, Thánh Huấn Quan Âm Bồ Tát, tr.11.

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Quan Âm Bồ Tát, 06-4 Giáp Dần, 1974.

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Quan Âm Bồ Tát, 16-6 Canh Tuất, 1970.

cái nào là thiện với ác, thanh với trược, ích kỷ với vị tha, chánh tín với mê tín.”<sup>8</sup>

“QUAN chiếu vào tâm, thấy nhiệm mầu,  
ÂM thanh lóng rõ, chỗ cao sâu;  
NHƯ như mới thiết, tham thiên địa,  
LAI đảo đàng trung, để mấy câu.”<sup>9</sup>

Tịnh Thủy bình là Thiên Địa chi tâm: giúp con người sống trong tình thương. Tịnh thủy là tình thương, là nước cam lồ. Muốn dòng nước chảy mãi không ngừng, không ngăn ngại, muốn tình thương bao la thấm nhuần khắp chốn, thì tâm phải không có giới hạn. Đức Quan Âm ví:

“Thương thân mình, thương gia thế tôn tử,  
dung lượng tình thương đó như dung lượng nước ở dấu chơn trâu.

... tình thương quốc gia dân tộc, dung lượng bằng dung lượng vũng nước ao hồ.

... tình thương nhân loại như nước chồn đại dương.”<sup>10</sup>

Nếu tâm còn giới hạn trong cái ta, là còn phân biệt, còn cạnh tranh.

Dầu là tình thương, mà còn giới hạn thương bản thân ta, thương gia đình ta... thì tình thương đó chưa phải là dòng suối thanh lương đem lại an bình cho mọi người, mà có khi còn là nguyên nhân của cạnh tranh,.. dẫn đến đối đầu, hủy diệt.

“Ở gia đình thì vợ chồng, anh em cãi vã, đánh đập xé xài thân xác, đến cùng chòm xóm, cạnh tranh đến chỗ hạ thủ bất nhượng. Giữa tình này cùng tình khác, cạnh tranh đưa đến chỗ giặc chòm. Giữa quốc gia này cùng quốc gia khác, thì vì cạnh tranh ắt đưa đến chỗ tàn sát không gớm tay! Từ đó là mầm lòi cuốn thế giới vào cuộc nguy vong. Chính vì chỗ thiếu tình thương, hoặc tình thương nhỏ hẹp, tuy khinh

thường, nhưng nó là mầm non, cội rễ phát sinh ra đại cuộc.”<sup>11</sup>

## HÌNH THÀNH TỊNH THỦY BÌNH NƠI MỖI NGƯỜI

Tịnh Thủy bình giúp người tự chủ và gần gũi với các đấng Thiêng Liêng. Tịnh Thủy bình giúp con người sáng suốt, phân biệt chánh tà trong cuộc sống. Tịnh Thủy bình giúp con người sống trong tình thương.

Vậy muốn có Tịnh Thủy bình phải có phương pháp. Muốn qua sông phải nhờ bè. Đến một lúc nào đó, cuộc đời chỉ còn một mình đối diện với ngọn đèn và đếm nhịp thời gian qua hơi thở. Người Cao Đài có pháp môn Tam Công.

Đức Quan Âm dạy:

“Kinh xưa đã nói: Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật, chiếu ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách. Chư hiền nên hiểu là: cái xác thân kết tụ bởi ngũ uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức và tứ đại giả hợp đều không có chi cả, chỉ có pháp môn tu hành là công phu, công quả, công trình được thực thi sâu xa rốt ráo mới độ được mình, được mọi kẻ, giải thoát khỏi những khổ ách luân hồi nơi chốn trần gian.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ... không có cái pháp Ba La Mật, nhưng thay vào đó cái pháp Tam Công, cũng là đầy đủ lắm rồi. Thực hành được Tam Công là chứng được đạo quả mà Phật thường cho là Bồ Tát hạnh.”<sup>12</sup>

Như vậy pháp môn Tam Công của Cao Đài là pháp môn Đại Thừa. Và nói cách khác, pháp môn Đại Thừa chính là pháp môn Bát Nhã Ba La Mật, mà chiếc Tịnh Thủy bình của Đức Quan Âm Bồ Tát, chan rưới nước cam lồ xuống thế gian không bao giờ dứt, là biểu tượng của pháp môn Đại Thừa vậy.

Người Cao Đài, mới nhập môn, người giữ

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời Mừng 2 Thánh 4 Kỳ Dậu (17-5-1969).

9. Minh Lý Thánh Hội, Thánh Huấn Quan Âm Bồ Tát, tr.57.

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hườn Cung Đàn, Tý thời 14 rạng Rằm tháng 5 Ất Tỵ (01-6-1965).

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hườn Cung Đàn, Tý thời 14 rạng Rằm tháng 5 Ất Tỵ (01-6-1965).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh Thất Tân Định, Ngọ thời mừng 2 tháng 9 Tân Hợi (20-10-1971).

đạo, cấp bực tiểu thừa thực hành đủ Tam Công: Giữ giới luật, là phần công trình; nhường cơm xẻ áo, là công quả; cúng kính là công phu: thân nghiêm túc quì trước thiên bàn để điều thân, mắt nhìn Thiên Nhân để tâm không loạn động, là điều tâm, là trụ thần, miệng đọc kinh nhiếp nhàn để điều khí.

Như vậy, người Cao Đài đầu ở lớp học nào, đầu ở cấp bực nào cũng đang hình thành Tịnh Thủy bình của mình. Tịnh Thủy bình này có rộng lớn, có hiệu quả hay không tùy trình độ tu học, tùy quá trình loại bỏ cái ta của mỗi người.

Con người tìm cho mình Tịnh Thủy bình, tâm thanh tịnh vốn có là trở về đời sống tâm linh, để có quân bình, thăng bằng trong cuộc sống, không có nghĩa là:

“... Đi tìm hạnh phúc trong cõi hư vô vĩnh cửu, chốn niết bàn cực lạc, trong khi nhơn sanh còn nghèo đói bệnh tật dốt nát kỳ thị chia rẽ, người bóc lột người trong cảnh mạnh được yếu thua, bất công xã hội. Nếu phần thân sanh hiện hữu như thế, chắc gì phần tâm linh được miễn tuệ siêu thoát.”<sup>13</sup>

Trước sự thịnh hành của văn minh vật chất, quả đất trở nên quá nhỏ bé chật chội với con người, những sự đối đầu phân ly làm cho người với người ngày càng xa cách nhau, dẫn nhân loại đi đến bờ hủy diệt; con người phải trở lại đời sống tâm linh để đem lại thăng bằng cho cả hai phương diện tâm linh và nhơn sinh.

Cho nên đối với sứ mạng Kỳ Ba của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Âm dạy: “Cái sứ mạng to tát ấy không nhứt thiết phải dùng đến thế lực hùng mạnh, khí cụ tối tân, tài ba xuất chúng, mà lại rất cần đến nội tâm của mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi dân tộc... Vì đó phải đem lại sự quân bình cho cả hai, tâm linh và

nhơn sanh. Có được sự quân bình ấy thế giới mới hòa bình, nhơn loại mới an vui thanh trị.”<sup>14</sup>

## KẾT LUẬN

Trong số hàng ngàn pháp khí cứu độ chúng sanh mà chúng ta thấy pho tượng Đức Quan Âm ngàn tay ngàn mắt đang cầm, thì Tịnh Thủy bình là bảo pháp tiêu biểu nhất cho đại nguyện cứu khổ của Ngài.

Vì chiếc bình kia là cái Tâm không, tâm vô sai biệt thì dòng nước kia mới chảy mãi không ngừng. Dòng tịnh thủy sẽ dập tắt lửa dục vọng, sân si, phiền não. Tịnh thủy là lương dược chữa bệnh trần, cũng là nước Ma Ha rưới nhuần tâm pháp cho người tu. Người đời cầu Bồ Tát mà không có tâm tịnh, thì tịnh thủy không đến được. Cầu dứt phiền não, mà còn chấp trước, tịnh thủy không thấm vào được. Cầu được phước đức, mà còn ôm chầm của cải, không phát tâm bố thí, thì tịnh thủy bị ngăn ngại. Cầu được trí huệ mà còn bảo thủ tư tâm, ngã kiến thì tịnh thủy không có chỗ chứa.

Mong sao mỗi người tu tập hạnh Bồ Tát để đón nhận được dòng tịnh thủy từ Tịnh Thủy bình của Đức Quan Âm, hay hơn nữa tự trang bị được một dòng tịnh thủy trong tâm thanh tịnh hằng thường, để góp thêm một tay một mắt, vạn tay vạn mắt, vào Pháp thân thiên thủ thiên nhãn của Ngài, để đồng thực hiện sứ mạng tận độ chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Đó cũng chính là đại nguyện của Đức Quan Âm Bồ Tát:

“Ta Muốn cho đời thoát khổ nguy,  
Soi đường đạo lý dạy tu trì;  
Vượt qua bể dục, tham sân ái,  
Thoát khỏi rừng tình, hỷ nộ si.  
Sang cõi Thượng ngươn, triều Thánh đức,  
Lên bờ giác ngộ, yết Từ Bi;  
Khắp trong vạn loại đều an hưởng,  
Lập định Càn Khôn, buổi hạ kỳ.”<sup>15</sup> ■

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Vĩnh Nguyên Tự, Ngô thời, mừng 3 tháng Giêng Giáp Dần (25-01-1974).

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Chơn Lý Đàn, Tuất thời, mừng 01 tháng 4 nhuận Giáp Dần (22-5-1974).

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, mừng 1 tháng 4 năm Đinh Mùi (09-5-1967).



# NGỌC TRÌ

## LÊN ĐƯỜNG TU

### NGỌC TRÌ LÀ AI?

Trong việc hành công, miệng con người không gọi là khẩu mà gọi là Ngọc Trì (ao ngọc). Trong miệng có hai suối nước là Ngọc tuyền, xuất phát cam lồ là Ngọc dịch, đây là Tiên dược của hành giả chỉ có khi thanh tịnh trong thời thiền.

Cơ thể con người có một cấu tạo đặc biệt, mắt của chúng ta cho được mà miệng không cho được. Cho nên miệng là ta, ta là miệng. Ngọc Trì là chính chúng ta trên đường tu, tuy hai mà một. Ngọc Trì lên đường tu là cách nói hình tượng nhân cách của chủ đề CĂN NGÔN.

Đạo Trưởng Huệ Lương có kể chuyện về thời khai Đạo tại Thánh thất Cầu Kho. Trong một thời cúng, các Đấng Tiên Khai đang đọc kinh trên bửu điện thì dưới trù phòng có tiếng cãi cộ lớn tiếng. Tiên bối Đoàn Văn Bản bước xuống bếp khuyên giải: “Xin chị để cho các anh lớn dặng lễ xong rồi có

chuyện gì thì chờ phân xử.” Bà tiếp tục hét: “Không chờ gì hết!” rồi tự nhiên nín luôn.

Sau đó, mỗi ngày người ta thấy bà đánh một dấu phấn ở gốc cột. Đủ ba năm bà mua một hủ tương đến gặp Ngài Đoàn Văn Bản, chỉ vào hủ tương rồi chỉ ra hương Vừng Tàu. Ngài Đoàn Văn Bản hỏi: “Chị muốn chúng tôi đưa chị ra Long Hải gặp anh lớn Nguyễn Ngọc Tương phải không?”; bà gật đầu.

Ngài Đoàn Văn Bản mua vé xe đò, đưa bà ra quận Đất Đỏ vào gặp ngài Nguyễn Ngọc Tương (lúc bấy giờ Ngài đang làm chủ quận Đất Đỏ). Sau khi nghe tự sự, Đức Nguyễn Ngọc Tương mời Ngài Đoàn Văn Bản và đương sự cùng lên cúng thời ngọ. Trước khi xả đàn, Đức Nguyễn Ngọc Tương lấy nước âm dương, cầu nguyện Ôn Trên và đưa cho bà uống, ngay tức thì bà nói ngay: “Con xin cảm ơn Ôn Trên tha tội, từ đây con xin căn ngôn, căn hạnh.”

Chúng ta tu, miệng chúng ta phải tu theo, đó là Ngọc Trì lên đường tu.

### TÂM QUAN TRỌNG CỦA TÁC PHONG ĐẠO HẠNH NÓI CHUNG, CĂN NGÔN NÓI RIÊNG

Tiền là một đại lượng để định giá hàng hóa, còn con người thì làm sao phán xét. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Pháp, lữ, địa, tài đầy đủ cả,

Hạnh, đức, tâm trị giá con người;

Thiên ân sứ mạng vào đời,

Cao minh quảng đại hơn người phàm phu.”

Giá trị con người, nhất là người tu, được Ôn Trên và mọi người xét ở hạnh, đức, tâm. Đối với quý vị có phẩm trật “Thiên ân sứ mạng” thì tiêu chí đánh giá khắt khe hơn (cao minh quảng đại hơn người phàm phu).

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “Khi xứng đáng tài năng, phẩm hạnh, đức độ, tự nhiên quyền hạn của mình sẽ được đàn em kính nể mến yêu.”<sup>1</sup>

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Nhâm Tý (20-11-1972).

Trong Thập Thanh Điều, Đức Ngô Minh Chiêu dạy đầu tiên là:

“Một xin giảm khẩu bố con,  
Hai xin chánh kỹ cho tròn hóa nhơn.”

Vì vậy cần ngôn là việc đầu tiên của tác phong đạo hạnh.

### **MIỆNG ĐỂ ĂN UỐNG**

Chỉ một cái miệng mà đã có ba trong năm giới cấm:

“Nhất bất sát sanh.

Tứ bất tửu nhục.

Ngũ bất vọng ngữ.”

Cái tệ nhất trên đời là cái ăn. Ông bà ta dạy:

“Miếng ăn là miếng tội tàn,

Mất đi một miếng, lộn gan lên đầu.”

Ăn là nguồn gốc của tội lỗi. Đức Chí Tôn dạy: “Thầy sanh ra các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành. Các con lại không chịu, nghe điều cấm dỗ, mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền cầu lợi.”<sup>2</sup>

Muốn không bị đọa, phải trường chay. Muốn không bị đày, phải tuyệt dục. Trường chay tuyệt dục là điều kiện nền tảng của chơn đạo giải thoát.

Hành giả ăn để mà tu chứ không phải tu để mà ăn, vì thế người tu phải tịnh hóa bữa ăn bằng kinh, chú. Hành giả tu trì ăn không quan tâm đến ngon hay dở.

#### **ẨM THỰC GIẢN DỊ, THANH ĐẠM.**

Đối với việc ăn uống, hành giả dùng thanh đạm, để dành thời gian tâm trí lo tu. Không những tiết thực mà khi cần phải tuyệt thực trong một thời gian. Tịnh sĩ hành pháp tốt thì “thần đủ ít ngủ, khí đủ ít ăn”.

Một lần, tại Thánh tịnh Kim Thành Long, sau cuộc lễ, Đức Mẹ giảng đàn, hỏi các vị trụ

phòng có hiểu đề tài thuyết minh giáo lý trong hội là chi không?” Rồi Đức Mẹ trả lời thay “Mẹ biết các con mắc lo nấu ăn cho nên không biết tên đề mà cũng không được dự nghe!” Như vậy, Đức Mẹ có ý nhắc nhở chúng ta cần phải dành thì giờ để nghe hiểu giáo lý chứ không phải chỉ biết lo việc ăn uống.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Về ẩm thực: tự túc hoặc được sự giúp đỡ của tập thể nhưng cần nhứt là phải giản dị và thanh đạm.”

### **MIỆNG ĐỂ NÓI**

Ngôn là nói trực tiếp, ngữ là nói gián tiếp. Lưỡi là dụng cụ của lời nói, tùy người chủ sử dụng mà nó làm thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp. Chúng ta phải dùng lời nói tích cực.

#### **LỜI NÓI CẢI HÓA MỘT ĐỜI NGƯỜI.**

Một lời nói cải hoá một đời người, ấy là lời vàng, lời ngọc. Lê Khiết, một thời làm chỉ điểm cho thực dân Pháp. Cụ Phan Bội Châu viết sách, chỉ mặt vạch tên hấn để đồng bào, đồng chí cảnh giác. Hữu hạnh thay, tiếng nói của con người trung chính cả cuộc đời hy sinh cho nước, cho dân đã giúp Lê Khiết giác ngộ. Khiết tìm cách bắt liên lạc với nghĩa đảng và toàn tâm toàn ý đòai công chuộc tội hết quãng đời còn lại. Khi Pháp đưa Khiết ra pháp trường, trước phút đầu lia khỏi cổ, ông hướng về đồng bào nói “cái vết nhơ của thân tôi nửa đời trước nay được đem dòng máu nóng ở cổ này rửa sạch, thật là một điều vinh hạnh.”

#### **LỜI NÓI CỦA HIỀN GIẢ QUÍ HƠN VÀNG, NGỌC.**

Con người quý nhau, không phải ở vàng bạc, mà ở lời hay, lẽ phải. Đức Khổng Tử khi viếng nhà Chu, đến hỏi lễ với Đức Lão Tử. Lúc Ngài ra về, Đức Lão Tử tiễn chân:

“Tôi nghe nói người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức xin có lời này để tiễn ông.

Kẻ thông minh và sâu sắc là gắn với cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn.

2. TNHT, Bất du đạo, năm 1925 (Mậu Thìn).

Kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác.

Người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang, không gặp thời thì như cỏ bồng xoay chuyển. Tôi nghe nói: người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si. Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng lòng ham muốn nhiều. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi.”

Đức Khổng Tử cảm ơn, ra đi bảo học trò: “Con chim ta biết nó bay, con cá ta biết nó lội, con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy ta có thể dùng lưới để săn, đối với loài lội ta có thể dùng câu để bắt, đối với loài bay ta có thể dùng tên để bắn, đến như con rồng cõi mây, cõi gió ta không sao biết được. Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?”

#### LỜI DẠY CỦA CÁC ĐẮNG THIÊN LIÊN LÀ TIÊN DƯỢC.

Từ xưa đã có lời truyền “địch không lỗ có duyên mới biết, đòn không dây vô phước khó nghe” để nói về thiện duyên của người tu được trực tiếp nghe lời dạy của các Đấng Vô Hình qua huyền diệu Tiên gia. Đối với hành giả, lời dạy này là Tiên dược để giải thân bệnh, tâm bệnh.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “Điều mà Bản Tăng mừng hơn hết là đạo hữu ý thức được lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn cũng như lời khuyến ái của Nguyệt Điện Tiên Cô. Đó là hai vị tiên dược đã, đang và sẽ giúp cho đạo hữu phục hồi sinh lực.”

#### LỜI NÓI CỦA ĐÀN ANH LÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ ĐÀN EM VỮNG TIẾN.

Đối với thường nhân, lời nói đem đến hòa ái, hợp tác, tương trợ. Đối với hàng sứ mạng lời nói là động lực để đàn em tiến bước. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy Đạo Trưởng Huệ Lương: “Hiển sĩ cần nên lưu ý đến trách nhiệm hiện hữu của Thiêng Liêng đã ban. Tuy nhiên với sức yếu tuổi già, nhưng người lãnh đạo không phải như

người hành đạo. Cần đức độ, cần một lời nói, một sự thăm viếng, khuyên nhủ, cũng đem đến tinh thần dũng mãnh làm mức tiến cho các em.”

#### ĐIỀU KIỆN NÓI:

- Suy nghĩ kỹ; cổ đức khuyên “trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần”.

Một lời nói được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ tạo nên tác dụng cộng hưởng, lời nói tốt ảnh hưởng gấp đôi, ngược lại cũng thế. Chúng ta phải cẩn thận khi phát ngôn.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “Mỗi một người trong thế gian khi lòng được an định, tâm được hướng thượng, sẽ tiếp nhận được luồng thanh khiết ấy, nói ra những lời vàng ngọc, tinh thể ngộ chơn. Có khi chính mình mà mình cũng không biết rằng đó là lời truyền của chư Tiên Phật.

Trái lại, nếu không phải là hàng thiện lương, đã có sẵn tư tưởng xấu, tâm tà tánh độc, thì đó là miếng đất tốt cho ma vương ác quỷ dụng võ gieo rắc tai họa cho nhân gian và cho chính bản thân của người ấy.

Vì việc hệ trọng như vậy, nên đầu mùa xuân này, Bản Tăng dặn dò chư đạo hữu phải luôn luôn tập lòng thanh tịnh, tư tưởng thanh cao hướng thượng, hằng nghĩ điều đạo đức, hằng nói lời đạo đức, giúp đời cứu chúng, nhứt là phải cẩn hạnh cẩn ngôn để hiểu câu “Họa tùng khẩu xuất”.<sup>3</sup> Đó là món quà đầu năm Bản Tăng xin tặng vô điều kiện chư đạo hữu.”

- Lời nói đó phải thi hành được: “Điều gì chưa làm mà nói, đó là vọng ngữ”. Nói và làm đi đôi, đó là tri thuyết hành hợp nhất.

Ưu điểm của người tu là ít nói, nghe nhiều. Đức Minh Đức Đạo Nhơn dạy con của Ngài: “Điều cần nhứt là phải giữ tác phong đạo hạnh cho đúng với cương vị của Thường Vụ. Cẩn ngôn ít nói mà hiểu nhiều đó là ưu điểm. Con nên nhớ, đừng bao giờ thêm ý kiến vào một việc nào đã được hoàn thành hay đã được đề nghị

3. Người xưa dạy rằng bệnh từ miệng mà vào, họa từ miệng mà ra.

đầy đủ mọi tình lý để trên thương mến, dưới kính phục. Sứ mạng trọng đại ở tương lai rất cần một người gương mẫu từ mọi việc.”

Có cần ngôn thì lời nói và việc làm đi đôi, tạo được tín nhiệm nói mọi người và đạo sự sẽ thành công. Đức Chí Tôn dạy:

“Thượng Đế vị nhân sanh mà khai đạo pháp để con cái của Thầy học hỏi và hành theo đúng chánh pháp, đến ngày công quả viên mãn, sẽ trở về hiệp nhứt cùng Thầy. Lúc bấy giờ các con là Thầy, là Phật, Tiên, Thánh, Thần. Đó là đường lối tuyệt đích của Đạo.

Còn trước cơ đạo ngày nay, các con muốn thành, trước nhứt lòng con phải thành. Thành để hành cho đúng, không cãi cạnh, không thêm bớt, không chia rẽ, dụng đức hy sinh để cảm hóa cho nhau.

Các con đừng e ngại không người dắt lối đưa đường, chỉ ngại cho lòng con chưa thành. Khi lòng con đã thành, tri, thuyết, hành như nhứt, thì các con sẽ thấy lý siêu việt đến với các con, là ngày mà cây Phổ Thông Giáo Lý đơm bông kết quả.”<sup>4</sup>

• Nói sao để mình không bị tổn đức, mình không thành hèn nhát, nói sao cho người được thành đạt, cho người yêu mến mình. Tựu trung một lời nói ra phải: cần cho người, cần cho mình, cần cho mọi người. Đức Đồng Phương Chương Quán dạy:

“... Lời tục Việt Nam có nói: “Nói hay hơn hay nói”, nhất là những người được gọi Sứ mạng thiêng liêng cần phải cẩn trọng lời nói, nên Thánh xưa có dạy: “Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần” để chi? Để xét kỹ, lời sắp nói ra sẽ nên được việc gì, sẽ mất việc gì?

Nếu nói để ta được người mất là tổn đức. Nếu nói cho người được cao thẳng mà ta phải bái phục là nịnh hót ươn hèn. Nếu nói cho người ta giận mà nên việc thì câu nói ấy là bạc, là vàng. Nói cho người ta giận để lánh xa, tranh thù chước oán thì lời nói ấy là tên là giáo.

4. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ.

Những lợi hại kể sơ qua chư hiền đệ có lẽ hiểu nhiều hơn.”

Cẩn ngôn là làm chủ, chiến thắng được khẩu nghiệp của hành giả, một yếu tố quan trọng trên đường tu. Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Ng. L. rất tin Trời tưởng Phật,  
Đã dày công xây đắp tương lai;  
Nhưng còn kém một việc này,  
Cẩn ngôn, cẩn hạnh tương lai vững vàng.”

Đức Phật dạy “khẩu hoà vô tranh”. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Vật chất hữu hình thì vô thường, chỉ có danh nghĩa như tâm mới là đáng kể. Phải biết xây dựng bồi đắp làm quán trọ cho hành giả dừng chân trên đường về Thánh đức. Một thân làm nên, ba thân nhờ hưởng.

Các cháu nhớ lời Lão dạy. Đừng đại dột tranh chấp nhau từ lời ăn tiếng nói trong khi cuộc đời còn nhiều cơn phong bão, quỷ ma còn cám dỗ giựt giành.

Tiền của có mất, các cháu còn kiếm lại được. Nếu để đánh mất lương tâm chơn tánh sẽ bị trầm luân, khó quay trở lại.”

Trong bài Niệm Hương, chúng ta đã đọc mỗi ngày “Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp”. Tín là một trong ngũ thường<sup>5</sup> của Thánh đạo. Người xưa dạy “nhân vô tín bất lập” (người không giữ lời nói thì không làm được chi cả). Đức Khổng Thánh dạy:

“Tín thì chẳng mỗi khi sai chạy,  
Tín hứa rồi thì phải làm y;  
Tin nhau chẳng trễ hạn kỳ,  
Tín là đức độ nhớ ghi một lời.”<sup>6</sup>

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo ban cho một bài giáo huấn để xây dựng tập thể:

“GIÁO hóa nhưn sanh trước dạy mình,  
TÔNG truyền chơn chánh bảo niềm tin;  
ĐẠI đồng cốt yếu gìn cương kỷ,  
ĐẠO đức cần lo kỷ luật gìn.

5. Ngũ thường gồm nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

6. Hườn Cung Đàn, 01-9 Nhâm Dần.



THÁI quá lộng ngôn<sup>7</sup> tiêu đức hạnh,  
BẠCH y ác ngữ<sup>8</sup> mất tâm linh;  
KIM niên nếu chẳng vô nề nếp,  
TINH quỷ trong lòng sẽ phát sinh.”

Lời dạy rất minh bạch, chúng ta tô đậm các ý chính:

Dạy mình thể hiện sự quyết tâm của chủ nhân ông, trừng trị các thói hư tật xấu của gia nhân (nhân, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý). Có dạy mình, gia đình mình thì mới nói đến giáo huấn tha nhân vì xây dựng được niềm tin cho tập thể.

Đại đồng trong tổ chức không có nghĩa là phóng túng, không hàng ngũ, mất trật tự. Cho nên Ông Trên dạy “quí hồ tinh, bất quí hồ đa” (thà ít mà tốt). Kỷ luật là sức mạnh của tập thể, tổ chức nào cũng vậy.

Đạo phục là thiết giáp hữu hình, phải cấu tạo bằng đạo hạnh thật nhất là cẩn ngôn. Một lời nói bất thiện, trái đạo làm tiêu mòn đức<sup>9</sup> hạnh, mất phẩm giá người tu và cá nhân ấy không thể dạy dỗ ai hết.

Chúng ta phải lập tức tự kiểm để sửa mình ngay từ giờ phút này.

**ĐỨC CHỈ TÔN DẠY:**<sup>10</sup> “TẠI SAO CẤM “VỌNG NGŨ?”

“Thầy đã nói rằng nơi thân phạm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ

7. Lộng có hai nghĩa, một là chơi giỡn, hai là khinh lờn. Lộng ngôn là lời nói chót nhả, lờn giỡn, không nghiêm túc, vượt quá giới hạn của mình.

8. Ác ngữ, ác ngôn: chửi rủa, nói điều độc dữ, lời nói làm hại người. Trong bài Sám Hối Văn đọc khi nhập tịnh có câu “lộng ngôn, ác ngữ lời sàm dệt thù”.

9. “Phù Tiên Xuân, tôi chào chư Thiên mạng, đạo hữu. Hôm nay tôi lai đây là nhờ có Đức Quan Thánh dẫn dắt nhập về thăm quê cảnh, đã lâu quá rồi. Này vợ, tôi nói với vợ tu thì phải lập công bồi đức, tịnh dưỡng tinh thần đừng có nói nhiều quá nó tổn hết thần lại thêm mất đức. Tôi lai đây về cho vợ tôi biết, chết rồi nó không có mất, mất làm sao được, chỉ lấy công quả ở thế gian mà chuộc tội, tội ở thế gian không thể nào qua được. Tôi nói đây phải nghe đừng có cãi lời của ông Trời mà bị phạt nghe. Thôi tôi không được phép ở lâu, nhờ vợ tôi chuyển lời nói với mấy đứa nó tôi thăm nó. Thôi tôi đi à!” – Đạo lý số 14, Huần Cung Đàn 30-7 Bính Ngọ 1966.

10. Năm Mậu Thìn (1928).

cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhút nhút điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa phán xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải giữ gìn các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi là “lộn lương tâm” là đó.

Bởi vậy chư hiền, chư Thánh Nho nói rằng: “Khi nhơn tức khi tâm”. “Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã”<sup>11</sup>. Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh. Thầy đã nói chơn linh ấy đem nạp vào Tòa phán xét từ lời nói của các con, dầu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội hình cũng đồng một thể. Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đảnh, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể. Các con khá nhớ! Thăng.”

Người giữ chức vụ phát ngôn ý kiến của tập thể chứ không phải tư ý của mình thì mới trọn danh phận. Đức An Hoà Thánh Nữ dạy “Từ đây sắp đến Tệ Nương bảo cho, nếu còn có kẻ thị phi bên mình thì khẩu đảo vẫn còn, sẽ đưa đến thất bại. Người lãnh đạo phải nghe chung, làm chung, nói chung để tránh khỏi sai lầm bởi riêng tư tình cảm.”

Ngôn là một trong tứ đức của người phụ nữ từ ngàn xưa. Đối với nữ tu, ngôn còn được Ông Trên quan tâm dạy dỗ. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Tịnh thân, tịnh ý tạm nên công,

Tịnh khẩu xem còn chữa vện xong;

11. “Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã”: Đã gây tội với Trời thì làm thế nào cầu nguyện được.

(XEM TIẾP TRANG 32)

# nhật ký khóa tịnh

## HẠ CHÍ MẬU TÝ 2008

### ■ HUỆ Ý

Mùa tu Hạ chí năm Mậu Tý, tịnh viên Cơ Quan được nghe giảng về hai chữ “Quyết Tâm.”

### NGÀY 27-5 MẬU TÝ

#### THẾ NÀO LÀ QUYẾT TÂM?

Một thiền sinh được sư phụ cho nhập thất. Hết bảy ngày, thầy đến thăm và lắc đầu “con hãy phấn đấu thêm thất nữa.” Thời gian trôi qua, hết thất thứ hai, thiền sinh cũng chưa đạt chút kết quả nào cả. Trước khi bước vào thất thứ ba, sư phụ dặn học trò “nếu sau bảy ngày, con không đến trình thầy, thì thầy biết con đã nhảy xuống sông rồi!” Tức là phải quyết tâm trong việc tu học, nếu không kết quả thì nhảy sông chết đi.

Bởi vì “sinh tử sự đại, tấn tốc vô thường” (sống chết là việc lớn, nó tới không biết lúc nào). Vì vậy, việc làm của người tu là giải quyết được vấn đề sinh tử của chính mình trước khi tắt thở, chứ không chờ khi chết mới biết.

Quyết tâm tức là chuyên tâm dồn hết thời gian, tâm huyết, sức lực, để tu đạt kết quả. Người xưa dạy “chuyên tâm như xú, vạn sự bất biện” (chú tâm vào một việc, đó là cách giải quyết của mọi việc).

### NGÀY 28-5 MẬU TÝ

Vì sao chúng ta phải quyết tâm công phu cho được kết quả?

#### QUYẾT TÂM ĐỂ TỰ CỨU MÌNH.

Đức Ngô Đại Tiên dạy “ngô thân bất độ hà thân độ?” (cứu mình chưa được nói cứu ai).

Đức Mẹ dạy:

“Con hỡi! Đường nào đạt đạo cơ?

Chỉ đường trung nhưt phục nguyên sơ;

Nghìn xưa Giáo tổ đều do đó,

Chúng quả độ đời tỉnh giấc mơ.”

“Đạo mầu huyền nhiệm lắm con ơi!

Chúng quả rồi con sẽ độ đời,

Luyện kỹ tu công đừng gián đoạn,

Mới mong vững bước cuộc đầy vui.”

Tu chúng, công phu, tu có kết quả, nói chung, là trách nhiệm của mỗi tín đồ Cao Đài. Mỗi tín đồ phải độ được 12 người. Độ đây không phải là rủ ren, biểu tiền bạc, mà tự mình tu cho có kết quả, dù chưa trọn vẹn thì cũng đôi ba phần cho người khác thấy, tin tưởng mà hành theo. Kết quả này là những kinh nghiệm tâm linh. Kết quả công phu hiện trên thân tâm: cái nhìn dễ mến, lời nói dễ thương, hành động dễ cảm.

Người xưa từng dạy:

“Thính kỳ ngôn ngữ,

Quan kỳ mâu tử;

Bạch nhân giả hung,

Hắc nhân giả thiện.”

nghĩa là:

“Nghe lời nói của người,

Trông con mắt của họ;

Mắt trắng là dữ,

Mắt đen là lành.”<sup>1</sup>

Muốn công phu có kết quả phải làm sao?

Con người là một bệnh nhân. Thân bệnh thì dùng thuốc để trị. Tâm bệnh thì dùng pháp để trị. Ôn Trên dạy:

1. Minh Đạo gia huấn, câu 41.

“Tu là thuốc chữa bệnh trần,  
Thiên là đoạn diệt tham, sân, dục tình.”

Bệnh có hết hay không do lương y định đúng bệnh, cho đơn đúng thuốc, bệnh nhân uống đúng liều lượng. Lương y dạy mỗi ngày uống bốn cử thuốc, bệnh nhân uống ba cử nên bệnh cứ dây dưa. Tương tự như thế, nếu chúng ta một ngày chỉ mới thiền 3 thời 4 thời ngày, thì làm sao đạt được kết quả như Ôn Trên mong muốn.

### **QUYẾT TÂM ĐỂ GÓP PHẦN VÀO VIỆC ĐỘ THA NHÂN**

Muốn cứu mình và độ người Ôn Trên dạy:

“Có đạo pháp mới có quyền pháp.

Đạo pháp phải tương xứng với trách vụ.”

Đức Chí Tôn dạy “người đi trước rước kẻ đi sau.” Chúng ta có quyết tâm chứng đắc mới xây dựng được môi trường lành mạnh để cứu người, Ôn Trên mới có thêm cán bộ để mở thêm tịnh đường, khóa tu.

### **NGÀY 29-5 MẬU TÝ**

#### **QUYẾT TÂM VÌ THỜI GIAN CẦN VÀ ĐỦ?**

Trồng cây một năm mới có thể tin cây sống hay chết. Không có việc gì mà kết quả chỉ một sáng một chiều. Cho nên dù đã quyết tâm cũng cần thời gian và sức khỏe, vì vậy cần có kế hoạch rõ ràng để phấn đấu cho kịp tiến độ.

Chẳng hạn như muốn lấy bằng tú tài thì phải học mười hai năm. Sáu tuổi bắt đầu học thì mười tám tuổi hoàn tất. Học lực từ trung bình trở lên thì có thể kịp tiến độ, nếu kém thì phải thêm hai, ba năm nữa. Càng trẻ tu sớm dễ thành công vì tuổi cao lần, chơn dương mất dần, công phu khó khăn hơn.

### **NGÀY 01-6 MẬU TÝ**

Quyết tâm để có hàng ngũ mà kế sách tâm linh của cá nhân phù hợp cùng kế sách tâm linh cơ Đạo.

Kế sách tâm linh của mỗi người không những phải phù hợp với phần qui luật tiên thiên chính mình và hàng Thiên ân sứ mạng

còn phải khớp với kế sách tâm linh của cơ Đạo (Thiên cơ) nên Ôn Trên dạy chúng ta quyết tâm công phu.

Đức Ngô Đại Tiên là một trường hợp điển hình. Năm 1920 Đức Ngô còn giữ trai kỳ 2 ngày một tháng, Đức Chí Tôn dạy Ngài tiến lên thập trai để thọ pháp. Đức Ngô còn đi làm việc nên định sẽ bạch lại với Đức Chí Tôn. Nào ngờ khi hầu đàn kế tiếp (mùng một Tết Tân Dậu 1921), Ngài chưa kịp trình ý kiến, Đức Chí Tôn đã gõ cơ dạy Ngài “tam niên trường trai.” Đức Ngô lay vâng mệnh và xin Đức Chí Tôn hộ trì.

Đó là nhơn tâm phù hợp với Thiên ý. Kế sách tâm linh của Đức Ngô được điều chỉnh cho khớp với Thiên cơ.

Trường hợp của Đức Bác Nhã Thiển Sư, Đức Nguyễn Ngọc Tương và nhiều Đấng Tiên khai cũng thế. Hai Ngài đang làm công chức cao cấp thì Đức Chí Tôn dạy phế đời hành đạo. Hai vị đã vâng lời và trở nên hai Thiên ân sứ mạng trong guồng máy Thiên cơ của Đức Chí Tôn.

#### **CÒN CHÚNG TA THÌ SAO?**

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Thiên cơ thế sự định phân rồi,

Chờ đợi con người đạo đức thôi;

Cội cả mưa xuân khoe sắc thắm,

Tàn cao nắng hạ vượt lưng trời.

Hộc hồng chấp cánh muôn phương lộng,

Kinh ngạc vẫy vùng khắp biển khơi;

Sứ mạng Thiên ân tua gấn bó,

Nên ta, nên đạo, mới nên đời.”

Chúng ta nguyện và phấn đấu thực hiện.

### **NGÀY 02-6 MẬU TÝ**

Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy chúng ta thăng tiến và tích cực, nghĩa là gì?

Muốn cho máy bay nhanh hơn và cao hơn thì:

Động cơ phải mạnh hơn (đây là tích cực).

Bỏ hành lý không cần thiết cho máy bay nhẹ hơn – đây là thăng tiến.

Ôn Trên khuyên chúng ta cả hai cách:

Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo để bỏ bớt

hành lý cho thân tâm mình được nhẹ hơn – đây là thắng tiến.

Minh thế, lập thế bất thối chuyển với quyết tâm cao hơn để nâng sức đẩy của động cơ, tìm nhiên liệu tốt hơn, mạnh hơn cho động cơ – đây là tích cực.

### NGÀY 03-6 MẬU TÝ

**QUYẾT TÂM TU CHỨNG ĐỂ CÓ ĐƯỢC VIÊN MINH TẬP THỂ.**

Môi trường hữu hình lẫn vô hình đang có sự vô minh tập thể.

Môi trường sống vật chất bị xấu đi do thuốc trừ sâu rầy, diệt cỏ, khí CFC, khí carbonic... gây ô nhiễm không khí, đất, nước.

Môi trường tinh thần bị khủng bố. Sau khi một thanh niên Nhật dùng dao tấn công 7 người, chính phủ Nhật hoảng sợ tăng cường

biện pháp an ninh vì nhiều thanh niên khác (có cả nữ) tung tin trên mạng sẽ thực hiện tương tự.

Báo Tuổi Trẻ báo động về hiện tượng emo, tức là cắt cổ tay để tìm cảm giác mạnh đồng thời khủng bố người khác: cha mẹ, anh em, bạn bè, người yêu...

Môi trường vô hình cũng chưa dương siêu âm thối. Các âm nhân tập hợp để tác động vào người sống, tạo nên vô vàn tai nạn và tội ác xảy ra ngày càng nhiều trên khắp mọi nơi.

Nhân loại đang bị bao trùm trong môi trường vô minh tập thể.

Ơn Trên dạy chúng ta quyết tâm tu chứng để có được lưới thiêng tập thể giải bầu khí vô minh tập thể hầu xây dựng cảnh thanh bình cho cả hai cõi sắc không. Chúng ta quyết tâm để hoàn thành lời dạy của Ơn Trên.■

## Quá trình đóng góp của báo chí Cao Đài cho văn hóa đạo đức dân tộc

(TIẾP THEO TRANG 5)

Thánh thất Đà Nẵng (1938): Trích đoạn về Đại đồng (Fraternité Universelle) đăng trên Tạp chí Đại Đồng năm 1938, quyển 1, trang 9-25, nguyên văn tiếng Pháp và bản dịch Việt ngữ:

“Depuis ces dernières années, on parle beaucoup de reconstruction sociale, de rénovation de la civilisation. Certes, la politique, la sociologie, la philosophie peuvent toutes guider, mais elles ne peuvent générer l’impulsion qui mettra

en branle ce mouvement. Nous ne pouvons puiser en nous l’énergie et l’inspiration nécessaires pour convertir les paroles en actes féconds. Aussi nous faut-il un Instructeur pour nous montrer comment appliquer les internes principes à ce monde moderne avec ses problèmes et ses complications; pour nous donner l’inspiration qui nous rendra capables de faire des antiques vérités le guide pratique de nos vies; pour nous enseigner la Fraternité Universelle, pour

dire “la parole de paix qui fera cesser aux peuples leurs querelles”; pour dire “la parole de fraternité qui fera comprendre aux castes et aux classes en lutte qu’elles sont un”, et pour réaliser l’Union, la Paix, la Fraternité, non point telles qu’on peut les trouver actuellement, au sein d’une confrérie unie par une même foi religieuse, mais dans une vaste communion des peuples, unifiant et spiritualisant les nationalités et les religions diverses.”

Bản dịch của tác giả Nguyễn Phan Long:

“Mấy năm sau này, người ta bàn bạc đã nhiều đến sự chấn hưng xã hội, sự chấn chỉnh nền văn minh. Thật vậy, các khoa như quốc sự, xã hội và triết lý

có thể diu dắt đường; nhưng không thể tạo ra cái mãnh lực để làm cho phong trào chấn hưng kia hoạt động đặng.

Chúng ta không thể cậy nơi ta cái nghị lực và cái cảm hứng rất cần yếu cho sự đổi lời nói ra sự làm có kết quả.

Bởi vậy chúng ta cần có một vị Chưởng Giáo để chỉ cho chúng ta rõ phải làm thế nào mà thật hành các giáo lý ấy cho đời kim thời nầy với những vấn đề và những điều mắt mủ của nó để ban cho chúng ta cái cảm hứng mà nó sẽ làm cho chúng ta lấy cái chơn lý tối cổ kia làm tiêu chuẩn cho đời chúng ta; để dạy ta đức bác ái, đại đồng; để công bố “lời Hòa bình” hầu dứt tuyệt những mối bất hòa của các sắc dân; để xướng lên lời bác ái hầu làm cho các giai cấp đang kinh chống nhau biết rằng cả thầy đều là “một” và làm cho

hiển hiện sự “hiệp nhất”, sự “hòa bình”, đức “bác ái”, không như “hiệp nhất, hòa bình, bác ái” mà ngày nay người ta còn thấy trong những hội đoàn, nhỏ nhen một lòng một dạ vì một đạo; mà là trong cuộc hiệp tâm hiệp trí gồm cả các sắc dân, làm cho liên hiệp và nâng tinh thần của chư quốc và tất cả tôn giáo lên cao.”<sup>3</sup>

Như thế, trong thời gian 67 năm (1928–1975), các tạp chí Cao Đài đã đóng góp rất lớn vào công cuộc truyền bá giáo lý Đại Đạo, tư tưởng đại đồng bác ái, thông tin sinh hoạt tôn giáo... Ngoài ra, việc phổ biến thánh giáo bằng văn xuôi, thi phú quốc ngữ trác tuyệt của tạp chí Cao Đài còn làm giàu đẹp thêm cho di sản tiếng Việt.

3. Tư liệu của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Từ sau 1975, tuy chưa có tạp chí Cao Đài nào xuất bản, nhưng nhiều kinh sách, tập văn hay kỹ yếu của các Hội Thánh Cao Đài, Cơ quan đạo, cũng đã được phổ biến nội bộ các thánh sở hay trong toàn đạo.

Hiện nay, trước nguyện vọng chung của tín đồ khắp nơi, giới Chúc sắc Hướng đạo của các Hội Thánh Cao Đài đã nhất trí thành lập một Cơ quan ngôn luận chung. Để tiếp tục quá trình truyền thông văn hóa đạo đức rất đáng tự hào của tiền nhân, người đạo Cao Đài chúng ta phải mạnh dạn gánh lấy trách nhiệm một khi thời cơ đã đến.

Nhìn lại lịch sử báo chí Cao Đài như trên, chúng ta tin tưởng chắc chắn sẽ thành công, chỉ cần có quyết tâm và chân thành hợp tác phụng sự nhân sanh, hoằng dương Đại Đạo. ■

## Đạo phải trở về nguyên thủy... (TIẾP THEO TRANG 7)

tha vì chơn lý Đạo thì nên tìm học những nhu cầu mà Bản Đạo vừa tạm sơ qua. Sự học phải đòi hỏi cấp bách, nếu thời kỳ này không thực hiện được thì Thượng Đế buộc lòng phải đem chánh pháp giao cho một dân tộc khác, rồi chừng ấy con cái Đức Cao Đài hiện tại sẽ ăn năn nhưng quá muộn. Sứ mạng cao cả của người Hướng đạo luôn luôn nặng nhọc nhưng vui về đạo lý, thích về tinh thần, hăng hái vì sứ mạng thiêng liêng, chớ không phải tọa hưởng vật chất hồng trần là nơi sông mê bể khổ.

Điểm phụ: Nên nhớ điểm này nữa, nếu hướng đạo vì sứ mạng thì nên quên mình, quên

cả chức vụ quyền thế từ đạo lẫn đời mới cảm hóa được lòng người. Xem gương Thượng Đế đủ quyền năng thưởng phạt, nhưng vì cảm hóa nhân loại để đem trường giáng bút, lời lẽ ni non thì lý nào thế gian lại đi ngược với gương ấy nếu thực hiện được điểm ấy cũng quan trọng cho bước đường hành đạo vậy. [...]

THI

Canh chấy lời chỉ cũng vừa xong,  
Hướng đạo làm gương trụ cốt nòng,  
Toàn tất môn đồ nơi chí hướng,  
Giã từ rút điển lại non bông.  
Thăng. ■



# NHỊ VỊ TIỀN BỒI

*Ngọc Chương Pháp Trần Văn Thụ (1857–1927)  
Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (1890–1947)*

## ■ HUỆ NHÂN

Nhị vị Ngọc Chương Pháp Trần Văn Thụ (Thái Lão Sư Trần Đạo Minh) và Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch) là hai vị tiền bối của Vĩnh Nguyên Tự, cũng là hai vị tiền khai của đạo Cao Đài.

Nhắc đến nhị vị là nhắc đến Vĩnh Nguyên Tự, mà nhắc đến Vĩnh Nguyên phải nhắc đến Thái Lão Sư Lê Đạo Long (1843–1913). Ba vị có sự liên hệ thân thuộc: Thái Lão Sư Lê Đạo Long (Lê Văn Tiếng) là thân phụ của Ngài Lê Văn Lịch. Ngài Trần Văn Thụ là nhạc

phụ của Ngài Lê Văn Lịch. Nhị vị Lê Văn Tiếng và Trần Văn Thụ ngoài tình thông gia còn là tinh sư đệ đồng môn.

Cách đây đúng 100 năm (Mậu Thân, 1908), ngôi chùa Vĩnh Nguyên Tự đã được Ngài Lê Văn Tiếng xây dựng sau 32 năm thọ đạo với Ngài Di Minh Tử Ngô Đạo Chánh, lúc này Ngài Lê đã 65 tuổi và tu đến phẩm cao nhất của Minh Đường: Thái Lão Sư, đạo danh là Lê Đạo Long.

## VÀI ĐÒNG TIỂU SỬ

Trước khi xây dựng Vĩnh Nguyên, Thái Lão Sư Lê Đạo

Long đã có uy tín khắp vùng qua gương lành tu hành đạo đức, Ngài Trần Văn Thụ là một nhà giáo, vào năm Đinh Mùi (1907) đã tìm đến Ngài Lê xin thọ giáo tu hành. Năm ấy, Ngài Trần Văn Thụ đã “ngũ thập tri thiên mạng”, 50 tuổi.

Tiểu sử ghi lại, Ngài Trần Văn Thụ người làng Đức Hưng, tổng Dương Hòa Hạ, hạt Gia Định (nay là xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè). Địa danh nghe tưởng xa, thật ra chỉ cách Vĩnh Nguyên con rạch Cần Giuộc. Là một trong những vị đầu tiên theo học Đạo với Ngài Lê Đạo Long, Ngài Trần Văn Thụ rất chuyên tâm tu hành nên một thời gian sau, Ngài trở nên trưởng đồ của Ngài Lê Đạo Long và khi Thái Lão Sư Lê Đạo Long đăng Tiên (từ năm 1913), Ngài được kế nhiệm phẩm Thái Lão Sư, Đạo danh là Trần Đạo Minh.

Ngài Trần Văn Thụ có người con gái tên Trần Thị Khá (1889–1942). Năm 1910, hai gia đình Lê–Trần kết thông gia, Ngài Lê Văn Lịch phối ngẫu với bà Trần Thị Khá, từ đó tình cảm càng trở nên thân thiết.

Ngài Lê Văn Lịch sanh vào ngày 01–9 Canh Dần (1890) tại Cần Giuộc. Từ nhỏ đến khi trưởng thành, Ngài sống cạnh cha (là Ngài Lê Văn Tiếng, một gương đạo hạnh mẫu mực). Đến năm 1908, từ khi Ngài Lê Văn Tiếng xây dựng ngôi Vĩnh Nguyên Tự,

người thanh niên 19 tuổi Lê Văn Lịch đã hòa mình hẳn vào môi trường đạo đức. Môi trường ngày càng thuận lợi hơn khi ngôi Vĩnh Nguyên lúc ấy được nhiều người tín nhiệm, chọn làm chỗ đến tu hành, chùa tập hợp nhiều người tài đức. Với tất cả yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa ấy un đúc dần, khiến người thanh niên Lê Văn Lịch phát tâm ham mộ tu hành. Từ đó, Ngài chuyên chú tiếp thu giáo lý, giáo pháp Minh Đường, đồng thời với Hán học, y lý Đông phương... Và Ngài luôn được thân phụ, lúc này đã tu đến phẩm Thái Lão Sư quan tâm chăm sóc.

Đầu năm 1913, Thái Lão Sư Lê Đạo Long đăng Tiên, như đã nói, Ngài Trần Đạo Minh kế tục làm Thái Lão Sư điều hành cơ đạo tại Vĩnh Nguyên. Nền Đạo tại đây tiếp tục phát triển hanh thông hơn nữa khi Ngài Lê Văn Lịch cầu sám bước vào đường Thiên đạo (khoảng năm 1920) tiếp tục đạo nghiệp gia đình (năm ấy Ngài vừa bước qua tuổi 30).

## **VĨNH NGUYÊN TỰ QUY HIỆP CAO ĐÀI**

### **SƠ LƯỢC DIỄN TIẾN.**

Sự kiện Vĩnh Nguyên Tự quy hiệp Cao Đài, không phải do ngẫu nhiên, mọi việc đã được cơ Trời sắp đặt một cách rõ ràng và chặt chẽ:

Năm 1924, Ngài Nguyễn

Ngọc Tương, người mộ đạo Minh Sư từ lúc làm Tri huyện Hòn Chông (Hà Tiên), chuyển về làm chủ quận Cần Giuộc.

Năm 1925, Ôn Trên độ dẫn “Nhóm Xây Bàn” gồm chư vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang tại Saigon, quý Ngài trở thành nòng cốt nhánh Phổ Độ Công Truyền của đạo Cao Đài. Nhân sự nhóm này phát triển mạnh ngay sau đó, quy tụ nhiều nhân sĩ trí thức gia nhập. Cuối năm 1925, Nhóm này độ dẫn được Ngài Nguyễn Ngọc Tương nhập môn vào Đạo. Từ đây, dinh quận Cần Giuộc hầu như trở thành một nhà đàn, có cấu cơ độ dẫn như sanh nhập môn, hành đạo (vài tháng sau, khi ông Hội đồng Nguyễn Văn Lai ở Tân Kim nhập môn, nhiệm vụ chánh của đàn Cần Giuộc chuyển về Tân Kim).

Ngài Nguyễn Ngọc Tương từng học đạo Minh Sư nên khi về Cần Giuộc đã thường đến Vĩnh Nguyên Tự đạo đàn.

Từ khi nhập môn Cao Đài, Ngài Nguyễn Ngọc Tương thường xuyên thông báo với Ngài Lê Văn Lịch về những buổi hầu đàn huyện diệu, điều đó khiến dần dần tạo nên niềm tin nơi người chủ chùa Vĩnh Nguyên trẻ tuổi này. Trong một buổi đàn tại dinh quận đầu năm 1926, sau khi Ngài Nguyễn Ngọc Tương trình bạch về tâm đạo của

Ngài Lê Văn Lịch lên Ôn Trên, Thấy dạy:

“Hảo Thánh tâm, hảo Thánh tâm,

Lịch, Ta thâu nạp người làm môn đệ.

Nó lập đàn Ta sẽ cho cha con gặp nhau mà dạy biểu nó...”

### **BUỔI ĐÀN CƠ ĐẦU TIÊN TẠI VĨNH NGUYÊN TỰ.**

Ngày 20 tháng giêng Bính Dần (04.3.1926), lần đầu tiên một buổi hầu đàn được thiết lập tại Vĩnh Nguyên Tự, trong sự chờ đợi háo hức của mọi người. Nhị vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan, có mặt quý Ngài Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Tương...

Đầu tiên, Đức Chí Tôn giảng, ban lệnh: “Lịch, Ta cho Tiếng là cha người nhập cơ. Trung, Tương đứng.”

Ngay sau đó, Ngài Lê Văn Tiếng giảng đàn, xưng danh và dạy bằng tiếng Hán Việt.<sup>1</sup> Nội dung lời dạy có mấy ý quan trọng:

Ngài Lê Văn Tiếng đã được Đức Thượng Đế ban ơn cho học Đạo với Đức Thái Ất Chơn Quân và tu đạt quả vị là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

Đức Như Ý dạy Ngài Lê Văn Lịch phải tụng giáo Đức Cao Đài. Cao Đài chính là Đức

---

1. Chúng tôi đã trích đầy đủ và dịch ra tiếng Việt, in trong quyển Tiểu sử Vĩnh Nguyên Tự.

Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng hạ trong kỳ cứu độ này.

Lời dạy của Đức Như Ý có câu: “Đạo thị vô vi tức hữu vô hình chi sự giáo hóa.” Có nghĩa là Đạo vốn là vô vi nên cần được sự giáo hóa của các Đấng Thiêng Liêng vô hình. Ngụ ý nói phải tin vào huyền diệu cơ bút của nền tôn giáo Cao Đài. Điều này vốn không lạ gì với các vị học đạo Minh Sư.

### VĨNH NGUYÊN TỰ DỨT KHOÁT CHUYỂN QUA CAO ĐÀI.

Qua buổi đàn hôm 04-3-1926 ấy, một sự chuyển động lớn trong nội bộ Vĩnh Nguyên Tự đã xảy ra, tựu trung tranh luận về vấn đề: “Vĩnh Nguyên Tự cần giữ nguyên đường lối tu hành theo Minh Đường là một mối đạo xưa, đã và đang có rất nhiều uy tín... hay chuyển hẳn qua một nền Đạo mới chưa được nhiều người biết đến.”

Chúng ta biết rằng, từ trước năm 1913, tức là trước khi đăng Tiên, Thái Lão Sư Lê Đạo Long đã hướng dẫn cho rất nhiều người vào đạo Minh Đường tu hành. Tiến đạo lên đến phẩm cao nhất là Đại Lão Sư, ngoài Ngài Trần Văn Thụ (đạo danh là Trần Đạo Minh) còn có các vị như Nguyễn Chánh Sắc, Trương Thiện Thành, Nguyễn Đạo Chí, Võ Nhựt Thận, Nguyễn Đạo Căn... cấp thấp hơn một chút còn nhiều vị khác nữa. Các vị này phần đông đã lập chùa riêng ở nơi

địa phương mình nên đều có ý không muốn thay đổi, vẫn yêu cầu tiếp tục tu hành như xưa.

Tuy nhiên, với lòng quyết tâm trọn tin nơi Đức Cao Đài, Ngài Lê Văn Lịch trong vai trò chủ chùa, đã quyết định thay đổi, từ Minh Đường chuyển qua Cao Đài, sau khi nhận được lời dạy của phụ thân. Quyết định của Ngài Lê Văn Lịch chắc chắn đã có phần dựa theo lời tiên tri của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long trước khi liêu đạo: “Nơi đây là Thập Nhị Khai Thiên, cơ quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàng khai chánh giáo chơn truyền.”

Còn một yếu tố quyết định nữa, Ngài Lê Văn Lịch đã được sự đồng ý của Thái Lão Sư Trần Đạo Minh. Trong vị thế vừa là trưởng đồ của Ngài Lê Đạo Long, vừa là nhạc phụ Ngài Lê Văn Lịch, nếu Ngài Trần Đạo Minh phản đối, kéo theo sự phản đối của nhiều người khác trong gia đình, chắc chắn là mọi việc sẽ gặp nhiều khó khăn. Thế nhưng, nhờ Thái Lão Sư Trần Đạo Minh vui vẻ thuận lòng, Vĩnh Nguyên Tự chuyển qua Cao Đài từ đầu năm 1926. Những người phản đối ra đi.

Hôm nay tưởng niệm lại, nếu chúng ta thử đặt mình vào trường hợp Ngài Lê Văn Lịch và Trần Đạo Minh lúc đó, sẽ thấy sự việc trong thực tế không hề đơn giản. Thế nhưng khi xưa, chỉ qua một lần hầu đàn thôi, chỉ một

lần tiếp xúc với Ngài Lê Đạo Long, qua ngọn thiên cơ, nhị vị đã đặt trọn niềm tin vào Đức Cao Đài.

Nhìn lại giai đoạn lịch sử này của Vĩnh Nguyên Tự, chúng ta chỉ có thể kết luận là, nhị vị đã nhận nhiệm vụ từ thiên đình xuống thế gian, ổn định vào vị trí, đến đúng lúc cần thiết Ôn Trên có Thiên lệnh, thế rồi nhị vị trở thành “cán bộ cốt cán” của Đức Cao Đài.

Những diễn tiến đều thuận lợi tiếp theo đó minh chứng cho nhận định trên.

Ngày 28 tháng 2 Bính Dần, tức là hơn một tháng sau ngày hầu đàn, Ngài Lê Văn Lịch thượng Thánh tượng thờ Đức Chí Tôn.

Trước đó, ngày 3 tháng 2, chỉ 12 ngày sau khi Ngài Lê Văn Tiếng giáng đàn, do đã tin vào Thánh tâm của Ngài Lê Văn Lịch, Đức Chí Tôn ban lệnh cho ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phải nghỉ phép một tuần để xuống Vĩnh Nguyên Tự học đạo pháp.

Ngày Rằm tháng 3 Bính Dần, Ngài Lê Văn Lịch thọ phong Ngọc Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, cùng lúc với Ngài Lê Văn Trung thọ phong Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngài Phạm Công Tắc thọ phong Hộ Pháp.

Với công đức lớn của mình, ngày 10-9 Bính Dần (16-10-1926), Đức Chí Tôn ban ơn cho Ngài Trần Văn Thụ thọ phẩm



Ngọc Chưởng Pháp, Thiên sắc là Nho Tông Khai Hóa Tuyến Đạo Thiên Sư Đại Đức Đại Từ Đại Hòa Đạo Sĩ (ghi theo Đạo Nguyên Chánh Nghĩa).

## CÔNG ĐỨC CỦA NHỊ VỊ THỜI KHAI ĐẠO

Những hoạt động tích cực của nhị vị trong thời Khai Đạo đã được ghi rõ trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyến và Đạo Sử (do Tiên Khai Hương Hiếu kết tập). Ở đây, chỉ xin nêu lên hai công quả khá nổi bật của nhị vị:

### CHỌN KINH XUNG TỤNG ĐỨC CHÍ TÔN VÀ TAM GIÁO ĐẠO TỔ.

Khoảng giữa năm Bính Dần, Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ Ngài Ngọc Lịch Nguyệt chọn và ổn định kinh cúng tứ thời. Đây là một trọng trách dành cho trang thanh niên 37 tuổi nên chắc chắn Ngài đã hỏi ý kiến Thái Lão Sư Trần Đạo Minh. Kết quả là các vị đã chọn được bốn bài kinh xung tụng từ kinh Minh Sư, vốn do Ôn Trên đã giảng cơ ban từ trước bên Trung Hoa trở nên bài kinh xung tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và ba bài kinh xung tụng Tam giáo Đạo Tổ; đơn cử là bài “Đại La Thiên Đế...” được Đức Phù Hựu Đế Quân (Lữ Tổ) giảng đàn ban ngày mồng 1 tháng 9 năm Tân Mão (1891).

Các bài kinh nhựt tụng này được toàn thể tín đồ Cao Đài tụng đọc hằng ngày từ đó đến nay.

### SOẠN TÂN LUẬT.

Pháp Chánh Truyền do Ôn Trên ban. Tân Luật do con người soạn trình Ôn Trên duyệt. Đại diện cho con người trong nhiệm vụ lớn lao này là chư vị chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài (từ Chánh Phối Sư trở lên) Hội Thánh đầu tiên của Đạo. Trải qua 3 đợt trình dâng Tân Luật với nhiều biến động về mặt nhân sự, cuối cùng Tân Luật cũng đã được soạn xong vào Rằm tháng giêng Đinh Mão (1927). Thời gian soạn Tân Luật trọn đủ trong ba tháng đại lễ Khai Minh Đại Đạo tại chùa Gò Kén. Ngay sau đó, Tân Luật đã được Đức Chí Tôn duyệt ban hành.

Và rồi, đúng bốn tháng sau lễ Khai Minh Đại Đạo, vào 14 tháng 5 năm Đinh Mão, Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ đăng Tiên.

Công trình của nhị vị Ngọc Chưởng Pháp và Ngọc Đầu Sư, xuất thân từ Vinh Nguyên Tự, cùng với công lao của các bậc Tiên Khai khác, xây dựng nên nền tảng đạo Cao Đài buổi đầu sẽ còn mãi với thời gian. Đoàn hậu bối đi sau như chúng đệ tử luôn ghi nhớ và noi theo những gương sáng ấy...■

## Ngọc trì... (TIẾP THEO TRANG 24)

Cố gắng trau dồi câu tứ đức,  
Cẩn ngôn hằng nhựt phải nằm lòng.”<sup>12</sup>

### MIỆNG ĐỂ TU

TỊNH KHẨU: KHẨU KHAI THẦN TÁN.

“Khẩu khai thần tán.” Chúng ta lưu ý, khẩu khai không chỉ hại khí, mà quan trọng là hại thần. Hành giả thực hiện được việc tịnh khẩu là có một bước tiến rõ rệt trên đường tu. Hành giả phải tịnh khẩu để “tôn thần dưỡng khí.”

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Thứ đến là tịnh khẩu, phản quang nội chiếu... Đây là điểm trọng yếu của tịnh sĩ thường xuyên lưu ý.”

Tịnh tam nghiệp là điều căn bản của hành giả trên đường tu, nhất là tịnh khẩu. Quyết tâm tịnh khẩu, hành giả sẽ làm chủ và tích lũy được thần khí để luyện kỹ hành công.

### KẾT LUẬN

Đạo hạnh tác phong là đệ nhất pháp môn của người tu, trong đó cẩn ngôn là một phần quan trọng. Ngọc Trì đã cùng chúng ta bước vững chắc trên đường về huyền phố. Hãy chăm sóc Ngọc Trì và phát huy yếu tố tích cực của người bạn ấy.■

12. Minh Lý Thánh Hội, 01-01 Tân Hợi.

# ĐẠO CAO ĐÀI

*với chiến sĩ trận vong tiểu đoàn 307*

## ■ ĐẠT TƯỜNG

**N**gày 5 tháng 7 năm 1948, Tiểu Đoàn 307, binh đội chủ lực cơ động của Mặt Trận Việt Minh tại Nam bộ được thành lập, hoạt động khắp lục tỉnh Nam kỳ. Một lực lượng quân sự chính qui, tập hợp các thành phần chiến sĩ ưu tú cả Nam Trung Bắc và mọi thành phần tôn giáo.

Những chiến công hiển hách “đánh đâu được đấy” của Tiểu Đoàn 307 vang dội khiến cho “bao nhiêu quân Pháp run rẩy sợ hãi”, mỗi khi nghe tiếng kèn xung trận vang trên đồng trống, dầu vào đêm khuya hay tờ mờ sáng, vì họ hiểu rằng một trận chiến ác liệt đang tới và phần thảm bại khó tránh khỏi!

Nhạc sĩ Công giáo Nguyễn Hữu Trí phó ban quân nhạc Khu 8, đã đồng cảm với lời cùng nhịp mạnh mẽ của bài thơ Cửu Long Giang, một thi phẩm của Nguyễn Bính và ca khúc bất hủ Tiểu Đoàn 307 đã ra đời.

Một số Đạo trưởng ở Thánh tịnh Nguyệt Thanh Quang – Gò Công thỉnh thoảng cũng nhắc lại một số sự kiện đã diễn ra nơi Thánh tịnh trong thời khói lửa đạn bom qua hai cuộc chiến kháng Pháp và Mỹ.

Hình ảnh của những chiến sĩ Tiểu Đoàn 307 được bốn đạo chăm sóc vết thương, bảo vệ và tạo điều kiện để có thể mau chóng trở lại với đơn vị là những hình ảnh luôn khắc sâu trong tâm bốn đạo.

Tháng 7 năm nay, kỷ niệm tròn 60 năm ra đời của Tiểu Đoàn 307 Anh Hùng lực lượng vũ trang, chúng ta hãy nhìn lại với góc độ riêng của người tín hữu Cao Đài qua cơ bút để ghi nhận một khía cạnh của Thần đạo trong bốn phạm công dân đồng hành cùng toàn dân trên đường tranh đấu giành lại độc lập cho non sông tổ quốc.

•••

Mùa Trung Ngươn tháng 7 năm Quý Tỵ 1953, tại Thánh tịnh Tam Thanh – Cao Minh Quang ở Long An, Ôn Trên dạy thực hiện ba ngày đại lễ cầu siêu Chơn Giác Đồng Đăng Thiên Hoa Đài Vị từ ngày rằm cho đến giờ Ngọ ngày 17.

Vào ngày Rằm Trung Ngươn tháng 7, một nghi thức vớt vong đã được thực hiện với một chiếc ghe lớn được chèo từ Thánh tịnh ra sông Vàm Cỏ rồi trở lại. Trên ghe, một bàn hương án được thiết kế với bài

vị “Cô hồn uống tử” và lễ phẩm đầy đủ, các chức sắc chức việc cùng ban lễ thực hiện nghi thức “dẫn vong” về nơi đại hội Đồng Đăng Chơn Giác.

Đêm đến vào giờ Tý rạng 16, hai ban cơ được lập. Nơi ban cơ trước Thiên Bàn, Đức Thần Hoàng Bổn Cảnh báo đàn Đức Thích Ca và Đức Thái Thượng giáng trước khi Đức Chí Tôn dạy Đạo. Còn nơi bàn cơ ở bàn Hộ Pháp có Đức Mẹ giáng.

Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy linh hồn mỗi trẻ.

Giờ nay Thầy giáng đàn để chúng Chơn Giác Đồng Đăng của các con đã gom góp tinh thần duy nhất, hầu theo tiếng gọi thiêng liêng để làm tròn sứ mạng Chơn Giác Đồng Đăng kết quả mỹ mãn.

Thầy có lời ban ân chung toàn tất, khá lắng nghe chương trình nghi thức hành sự ngày thập lục:

Mẹo thời: tiểu lễ;

Tỵ thời: thuyết pháp, bình Thánh giáo;

Ngọ thời: đại lễ;

Mùi thời: thuyết pháp, bình Thánh Giáo;

Thân thời: hiến tổ quốc;

Dậu thời: tiểu lễ, vọng tấu hỷ cúng chiến sĩ đài;

Tuất thời: đọc bài cảm tạ;

Hội thời: lập năm ban cơ nổi liền nơi trung điện hiệp chung. Năm bàn kế tiếp xoay quanh để tiếp các chơn vong hồi tỉnh nhập đạo vô vi, để mô tả tâm sự gia quyến mỗi nơi nghe.”

Theo sắc lệnh đã tiếp nhận, vào 9 giờ đêm hôm sau, 5 ban cơ đã được thiết lập trong cùng một lúc để đón nhận sự ban ơn của Thiêng Liêng.

Khởi đầu, nơi chánh điện có 4 ban cơ được sắp xếp cùng 1 ban cơ ở trên gác Hiệp Thiên Đài. Nhưng khi bắt đầu giáng điển, tại ban cơ ở trước Thiên bàn, Đức Huỳnh Đức Đế Quân giáng cơ dạy điều chỉnh lại cho đúng Thiên ý:

“THI

HUỲNH đạo lộ bày khắp thế gian,  
ĐỨC lành lo lập buổi đời tàn;  
ĐỂ tâm trau sửa gây phong hóa,  
GIÁNG điển ĐỒNG Đẳng sắc Phụ Hoàng.

Lão Đế Quân chào chư phận sự đàn trung đẳng đẳng, giờ nay lão Đế Quân giáng đàn để chỉnh lập các ban cơ.

Vậy chư phận sự bộ phận Hiệp Thiên Đài phân ban chung quanh chánh điện, nên hiểu chớ đừng lầm, phải tả hữu lưỡng ban tiền Hộ Pháp, chư hiền khá thành tâm tiếp lĩnh, Lão kiếu.”

Sau đó, 5 ban cơ được sắp đặt trở lại với phía trước có 3 ban và phía sau có 2 ban. Một ban trước Thiên bàn, một ban trước bàn thờ Đức Quan Âm và trước bàn thờ Đức Quan Thánh một ban khác. Còn nơi bàn thờ Hộ Pháp, hai bên phải trái có 2 ban với vị thế đồng tử hướng về bàn thờ chữ Khí.

Trong cùng một lúc 5 chiếc đại ngọc cơ quay đều và viết để cho các Đấng Thiêng Liêng giáng đàn dạy đạo, sau đó một số vong linh được Ở Trên ban ân giáng cơ báo tin kết quả siêu độ!

Các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ đêm thứ nhì gồm có: Đức Di Lạc, Đức Lý Giáo Tông, Ông Địa, Đức Linh Quang Bồ Tát, Đại Lão Thượng Tôn, Đức Quan Âm, Đức Lê Sơn Thánh Mẫu, Đức Quan Thánh. Nơi ban cơ trước Thiên bàn,

Pháp Đàn là ngài Huệ Đức, đồng tử Tuế Tinh Tử, chứng đàn là Chưởng Pháp Nguyễn Bửu Tài.<sup>1</sup>

Sau khi Đức Huỳnh Đức Đế Quân xuất cơ thì Đức Di Lạc lâm đàn dạy đạo điểm danh một số chúc sắc và đạo hữu.

Và sau đó cho một số vong linh chiến sĩ Tiểu Đoàn 307 nhập cơ trong đó có cả một vài chúc việc phái Tiên Thiên đã bỏ mình khi tham gia kháng chiến: “Giờ nay Phật Tôn giáng đàn chứng lễ ân xá oan hồn toàn cả châu lưu trong hang cùng đường xa thẳm được đắc thành chánh quả mà tâm tu trên đường thiên lý vô vi.”

Khởi đầu, một cán bộ cấp Khu bộ thuộc phân khu 8 tên Dương Văn Vương giáng cơ báo tin vui được đắc vị “Trung Thần Ái Quốc”.

“Tiếp điển:

THI

DƯƠNG gian thảm khổ ó người ơi,  
VĂN (g) vắng tai nghe quả lấp nhôi;  
DƯƠNG (V) thể cam đành nơi uất hận,  
KHU đàn nường khiêu đạo trau giỏi.  
BỘ binh cứu thế hồn xa vắng,  
PHÂN hướng quản gì kiếp sống thoi;  
KHU đáo tiền trình gieo giống tốt,  
TAM phương ngào ngạt kiếp sanh rồi.

Tôi kính chào chư quý vị Thiên sắc lưỡng ban đồng đẳng. May thay! Tôi được ân lành chan rưới trong thời kỳ đại xá này.

Kỳ công oanh liệt của tôi đã biểu dương tinh thần cho cả nhân loại. Tiếng gọi đồng bào vì tổ quốc, vì non sông, vai mang oằn oại, vác súng để lập kỳ công danh ư hậu thế. Nhưng phải thời cơ tàn tạ, tôi phải ly trần thâm khốc, nơi cảnh vật vờ hồn linh vắng vẻ.

Nay nhờ chữ trung thành nên Đấng Tạo Hóa ban ân cho tôi là “Trung Thần Ái Quốc”. Nay tôi mà về chuyện văn nơi đây rất cảm ơn toàn cả đạo đồng. Tôi xin kiếu.”

1. Năm 1956, Ngài Huệ Đức đảm nhiệm nhiệm vụ Hộ Pháp, còn Ngài Nguyễn Bửu Tài được nhơn sanh bầu vào phẩm Giáo Tông của phái Tiên Thiên.

Kể đến, một Đại Đội Trưởng tên Trần Văn Rìa báo tin nhờ sự cầu siêu của bốn đạo trong kỳ đại hội nên hồn linh được hưởng ân xá tiêu điều nơi nhàn lạc:

“Tiếp điển:

THI

TRẦN cảnh đeo đai lối giả trò,  
VĂN minh tùy thế lắm phần lo;  
RÌA công chiến sĩ đời khâm phục,  
NHẬP định nương cơ tránh lửa lò.

Tôi xin chào quý vị Thiên Phong Chúc Sắc lãnh sứ mạng của các Đấng Thiêng Liêng để lập kỳ Đại Hội.

Tôi được ân xá tiêu điều, tôi lấy làm cảm xúc. Xưa sanh tiền tôi đã lãnh một phần trọng trách “Đại Đội, Đoàn 307”. (Một là) Vì thời cuộc éo le, hai là phải chịu với cảnh nắng táp sương sa nơi trường kịch chiến mà hồn linh tôi phải vật vờ sớm đầu gành chiều cuối bãi. Nay nhờ ngọn phướn đưa linh hồn tôi để được tìm nguồn nhàn lạc. Vậy tôi cảm cảnh toàn cả, tôi xin kiếu.”

Tiếp theo, vong Nguyễn Duy Hải đã lãnh trọng trách Đại đội trưởng tiền tuyến báo tin nhờ công đức cầu nguyện cùng âm ba tiếng chuông vang dội nên nay hồn linh hồi tỉnh nhập đạo hưởng siêu thoát:

“Tiếp điển:

THI

NGUYỄN một dạ thành mạnh tiến lên,  
DUY tha nên nghiệp vững tâm bền;  
HẢI lòng nhiệt huyết qua trường khổ,  
NHẬP đạo kỳ công mới tuổi tên.

Tôi xưa kia mạnh tiến trên làn sóng dữ, đã bao năm tranh đấu để đem lại cho xứ sở quê hương một nguồn hạnh phúc. Nhưng sự ước vọng chưa thành thì hồn linh tôi phải chịu dưới cảnh thăm sâu xa vắng.

Tôi lãnh một phần trọng trách về phần tiền tuyến Đại đội 307. Nay tôi vừa đặng hồi tỉnh theo tiếng chuông đánh thức, tôi rất cảm đội ân quý vị đại đức, tôi xin kiếu.”

Sau đó, Nguyễn Văn Chơi, một đạo hữu ở

Thánh tịnh Kim Thành Long (Chợ Gạo – Tiền Giang) khi xưa đã từng công quả điển ký Hiệp Thiên Đài, tham gia kháng chiến rồi bị bắt tù đày bỏ mình chốn xa quê hương. Và Nguyễn Văn Điều, một đạo hữu khác cũng đã công quả thuộc bộ phận Hiệp Thiên Đài cũng bị bắt giam cầm nơi hải đảo, lâm bệnh ngặt nghèo nên bỏ mình nhưng nay đã được siêu thăng. Các vị được ân ban lai đàn báo tin cho gia đình và bốn đạo:

“Tiếp điển:

THI

NGUYỄN đã dày công với đạo mầu,  
VĂN tài lo đạo trước công sâu;  
CHƠI xa cảnh thế thành chơn quả,  
GIANG sắc Phụ Hoàng tỏ trước sau.

Tôi chào quý vị đạo đồng đàn trung.

Tôi là Nguyễn Văn Chơi, về phận sự điển ký Hiệp Thiên Đài, đã bao năm vưng theo tiếng gọi Thiêng Liêng mà lập nhiều công quả.

Nhưng vì thời cơ bất định nên phải vào Dũ Lý xa quê hương, lia con xa vợ. Tôi lấy làm đau đớn nhưng tôi tưởng nhớ lại, dầu tôi ưu sầu cho mấy đi nữa cũng chẳng qua luật Tạo Công dĩ định.

Nay tôi được hưởng cảnh tiêu điều đắc thành chánh quả bằng Thánh huy hoàng.

[...] Vậy Mào Nhựt Tinh, anh đem lời này về cho thê tử tôi nơi cảnh Kim Thành Long<sup>2</sup> nghe anh. Tôi chờ đàn khác sẽ chuyện vãn nhiều, tôi xin kiếu./

Tiếp điển:

THI

NGUYỄN có tâm thành buổi trước kia,  
VĂN minh bao quản mãi trau tria;  
ĐIỀU hòa một mối lo nguồn Đạo,  
GIANG linh bề trên mới đặng về.

Tôi là Nguyễn Văn Điều, về phần bộ phận Hiệp Thiên Đài. Tôi vì sự quăng đời dồn dập với lối đạo cam go trên lập trường cứu rỗi, tôi phải vào sanh ra tử nơi chốn Dũ Lý, bao phen xa xăm

2. Thánh tịnh Kim Thành Long ở huyện Tầm Vu tỉnh Long An.

đầy đọa nơi núi non mịt mù ngàn trùng sóng gió.  
Gặp phải thời kỳ phong tố, lâm bệnh ngặt nghèo  
nên tôi ly trần thoát hóa.

Nhờ ân lành Đại Từ Phụ cho tôi lai đàn luận  
đàm trong trường đạo đức, vậy sau tôi sẽ chuyện  
văn thêm. Tôi xin kiếu. [...]”

Sau cùng, vong linh của nhiều chiến sĩ Tiểu  
Đoàn 307 được nhập cơ báo tin vui nay đã siêu  
thoát nhờ được hưởng “Tam Kỳ Trung Nguơn”:

“Tiếp điển:

BÀI

NGUYỄN VĂN TRÒ hồn nay đã rảnh,  
Nương điển quang lấp lánh chuông chùa;  
Nhờ ơn đại xá tâm tua,  
Trở về nẻo thiện già nua tĩnh nhàn.  
NGUYỄN VĂN NGỘT đây trang chiến sĩ,  
Nay ly trần thố tử hồ bi;  
Nhờ ơn Đại Đức huyền vi,  
Nay tôi đang hưởng Tam Kỳ Trung Nguơn.  
PHAN VĂN TƯ nhiều cơn sôi nổi,  
Lắm tai nạn như đội bên tai;  
Nhờ ơn Đại Đức Cao Đài,  
Hồn linh mới đang ngàn ngày siêu vong.  
CAO MINH HỒNG đại đồng tranh đấu,  
Vì tổ tiên nơi dấu nam tài;  
Quyết đem gang tất cả hai,  
Đem nguồn lợi chùng sa tai chiến trường.  
LÊ VĂN TÁM bị thương nên thác,  
Nay nhờ lòng thiết đặt trai đàn;  
Hồn linh hưởng cảnh thanh nhàn,  
Nương theo cửa Khổng đêm hằng ngày lo.  
NGUYỄN VĂN KHÁ dẫn đo nào quân,  
Nổi đầu lòng rẽ bạn chia yên;  
Trần ai là cảnh nào phiền,  
Tĩnh hồn nương bóng đạo Tiên trở về.  
NGUYỄN VĂN TRI ủ ê thảm trạng,  
Nay nhờ ân lai láng Phụ Hoàng;  
Cho tôi hồn đang hưởng an,  
An nơi đồng nội an toàn tịnh tu.  
NGUYỄN VĂN KÝ bao thu xa vắng,  
Nổi đầu lòng xa bạn lìa quê;  
Trăm phần thảm khổ tái tê,

Vì đời tiếng gọi sa nê chiến trường.

NGUYỄN VĂN CHIÊU nhiều thương vết tích,

Nay trở về khảng khí hồn linh;

Cậy nhờ Đại Đức đạo Huỳnh,

Dang tay cứu vớt vong linh được vào.

TRẦN THỊ BẢY lụy đau nữ giới,

Phải lâm nguy thời đại chiến tranh;

Bấy lâu nương ở đầu gành,

Ngày nay nương bóng Tam Thanh gọi nhờ.

TRƯƠNG ĐÌNH SĨ chực chờ trước gió,

Nghe tiếng chuông đặng có hồi tâm;

Bấy lâu đã thác xa xăm,

Cũng vì tiếng gọi phải lâm khốn nạn.

HUỲNH VĂN THÁI cũng trang tuấn kiệt,

Mạnh tiến lên sương tuyết chẳng màng;

Lo đời thoát cảnh lâm than,

Nay đây đã rảnh tâm đàng ẩn nương.

HUỲNH VĂN TƯ trên trường mạnh tiến,

Đã bỏ mình xác hiện sông sâu;

Nhờ cơ đại xá Đạo mầu,

Vớt vong cứu vãn tôi âu tỉnh hồn.

Tôi xin kiếu.”

Trong cùng thời gian đó, nơi ban cơ trước  
bàn thờ Đệ Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Quan  
Thánh giảng cơ thuyết đạo giảng dạy về lý đạo  
câu siêu, ý nghĩa và kết quả của lễ Chơn Giác  
Đồng Đăng nói chung vào mùa Trung Nguơn  
mỗi năm. Và đặc biệt cho năm Quý Tỵ 1953, trong  
đó có nhấn mạnh đến những buổi thuyết minh  
giáo lý của chư chức sắc theo lời dạy của Thầy đã  
giúp cho các vong linh chiến sĩ và bốn đạo đã bỏ  
mình vì tổ quốc tự hồi, bươn bả trở bước công  
quả để kịp thời thọ ân hồng siêu thoát.

“Đế Quân chào Thất Đấu, đấng đấng Thiên sắc  
lưỡng ban. Lão thừa sắc chỉ Từ Lành giáo thuyết  
phô khai, hữu hạnh trùng lai tam giang thống  
nhứt, đánh lễ Đức Từ Lành hầu đem cả chí hướng  
tinh thần hòa lẫn kỳ hội Chơn Giác Đồng Đăng  
được tiến triển cho cả vạn linh. Ân hồng các vong  
linh tiền bối chiến sĩ trận vong trong bãi tha ma  
vì mùi chung đỉnh dưới ngọn cờ đất Việt tổ quốc  
đền non sông, chẳng sá thân bầy thược.

Ngày giờ Tòa Tam Giáo ân xá, luật Tạo hóa  
rưới nhuận ân ban cho cả vong linh hồi đầu  
hướng thiện, theo lá tràng phang thức tỉnh trở  
về căn xưa vị cũ, sớm hối hận vào địa vị tân  
phong. Cũng nhờ chí hướng Thiên phong được  
dồi dào cầu khẩn thiết lập trai đàn.

Vâng Thánh chỉ Đức Từ Lành nên chẳng sá  
thân khó nhọc để kiến trúc cho cả vong linh  
khỏi chốn nguy vong thời kỳ trụy lạc, lần nẻo  
thống khổ bi quan, hỗn yếu tử vất vợ giữa dòng  
lượn sóng, tùy theo luồng gió đẩy đưa.

May sao hữu phước gặp kỳ Ân Xá, đồng cả  
trở về nghe những lời sám hối, tiếng kệ gọi bên  
tai dường như tỉnh giấc huỳnh lương. Các vong  
linh được cứu vớt khỏi trầm luân khổ hải.

#### THI

Nhờ bởi Thiên phong chí đại đồng,  
Đem đường phụng thánh Đức Thiên Công,  
Chư vong hối hận kỳ ân xá,  
Hướng thiện nghe kinh hiệp một lòng.

#### THI BÀI

Tiếng vội thúc chuông ngân hồn tiến,  
Nghe lệnh truyền tự biến đồng nhau,  
Mau chơn lần lượt chen vào,  
Trống hồi thức tỉnh trước sau các hồn.  
Hồn chiến sĩ bảo tồn phụng thánh,  
Sắc Thiên Hoàng núp vịn tường thông,  
Các vong chiến sĩ hiệp đồng,  
Thời kỳ ân xá quả công ban truyền.  
Nơi Tam Thanh ân Thiên sắc tú,  
Hội Đồng Đăng cư xử ban hành,  
Các hồn uống tử tường rành,  
Nghe chuông với mõ đồng thanh phản hồi.  
Kỳ ân xá mau bởi hối hận,  
Vì liễu thân mạng vạ oan hồn,  
Oan hồn yếu tử thường tồn,  
Trở về ngôi cũ Chí Tôn sắc truyền.  
Nhờ Thiên phong vâng liền Ngọc Đế,  
Lập trai đàn dục bệ cầu siêu,  
Thuyết minh giáo lý sớm chiều,  
Các vong đồng đẳng khắc khêu một lòng.  
Ngày ân xá tân phong Tiên Bối,

Vì mạng vong tự hối lo tròn,  
Đồng thời ứng cử đài son,  
Nghe qua sắc lệnh năng bòn chút công.  
Đời hưng vong tang bồng thể thái,  
Chiến sĩ bởi tứ hải sơn hà,  
Ngày nay gặp Hội Kỳ Ba,  
Đồng bào xã hội con nhà Việt Nam.  
Hội Đồng Đăng Kỳ Tam ân xá,  
Thọ ân hồng bươn bả lối đường,  
Tiến hành trời bước theo bươn,  
Lần đua công quả khoa trường Long Hoa.  
Các vong linh nghe đà chuông mõ,  
Ngày tháng qua nhấp nhố Huỳnh Lương,  
Ân hồng sắc tú khoa trường,  
Đồng nhau tiến cử níu nường sự hành.”

Buổi đàn độ đáo hôm đó được thực hiện bởi  
quý vị Đại Thiên Phong của Hội Thánh Tiên  
Thiên theo sắc lệnh ân ban của Đức Chí Tôn có  
đến 5 ban cơ hành sự trong cùng một lúc với  
sự tham gia công quả hỗn hợp các thành phần  
Hiệp Thiên Đài của Hội Thánh Tiên Thiên cùng  
bộ phận thông công của Cơ Quan Cao Đài Hiệp  
Nhứt tại Tam Giáo Điện Minh Tân như sau:

- Pháp Đàn Phối Sư Huệ Đức trấn thủ 2 ban cơ với Chơn Đồng Tuế Tinh Tử trước Thiên Bàn và Minh Sơn nơi bàn thờ Quan Thánh cùng sự chứng đàn của Chuồng Pháp Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài và Chánh Phối Sư Táng Môn Tinh.
- Pháp Đàn Nữ Phối Sư Dung trấn thủ ban cơ nơi bàn thờ Đức Quan Âm với sự tham gia hành sự lần lượt của 2 nữ Chơn Đồng Kim Linh và Huệ Khiếu Quang cùng sự chứng đàn của Nữ Đầu Sư Ngà và Nữ Phối Sư Bạch Lan Tiên.
- Pháp Đàn Phối Sư Diễn trấn thủ 2 ban cơ tả hữu nơi bàn thờ Hộ Pháp với sự tham gia hành sự của 2 Chơn Đồng Minh Sơn và Nguyệt Thanh. Chứng đàn là Giáo Sư Thơm.

Các vị Diễn Ký cho 5 ban cơ gồm có: Minh Chơn, Bạch Sắc, Diệu Chơn Minh, Hồng Quang,

Chơn Hương, Trương Minh Trạch, Thới, Kim Quang, Trần Trí Viễn.

Cho đến tháng 7 năm 1954 hiệp định đình chiến Genève ra đời, chính phủ Pháp mới chính thức rút quân khỏi Việt Nam. Thế mà đại đàn cầu siêu trong ba ngày vào thời điểm Trung Ngươn Tháng Hội của năm Quý Tỵ 1953, với sự chứng lễ của quý chức sắc Đại Thiên phong của Hội Thánh Tiên Thiên đã phản ảnh yếu tố Thần đạo của đạo Cao Đài, cầu siêu cho các chiến sĩ và bổn đạo đã tham gia đấu tranh nơi đồng bằng Cửu Long và đóng góp xương máu để giành lại độc lập cho non sông tổ quốc như lời dạy của Đức Quan Thánh.

“Tiền Trung Hậu tạo thành thiết lập,  
Vạn linh hồn phẩm cấp mau lên;  
ĐỒNG ĐẰNG dựng bảng kê bên,  
Tân phong THẦN VỊ nêu tên ban truyền.  
Các vong linh Huỳnh Tuyền đặc vị,  
Hội Đồng Đẳng huyền bí Tam Giang;  
Thuyết minh giáo lý, trai đàn,  
Chiêu hồn chiến sĩ hùng trang phản hồi...”■



Dem lý đạo hiện bày thật tướng,  
Tùy cơ duyên mà chuông căn lành,  
Khấp cùng tam giới chúng sanh,  
Tình thương Vô Cực sẵn dành rưới chan.  
Hội Bàn Đào mấy ngàn năm lẻ,  
Góc trời Nam mở hé cơ mầu,  
Trao tay sứ mạng nữ lưu,  
Lòng từ gieo rải năm châu hưởng nhờ.  
Nguyên tánh Đạo Đồ Thơ sẵn có,  
Cơ hội dành ai đó lập công,  
Học câu Thiên Hóa hướng đồng,  
Muôn hoa đua nở vườn hồng thắm tươi.

ĐỨC QUAN ÂM BỔ TÁT, CHƠN LÝ ĐÀN, TUẤT THỜI, 28-7 GIÁP DẦN, 14-9-1974.■

giới thiệu

# KINH ĐẠO NAM

## ■ THIÊN CHÍ

### NGUỒN GỐC

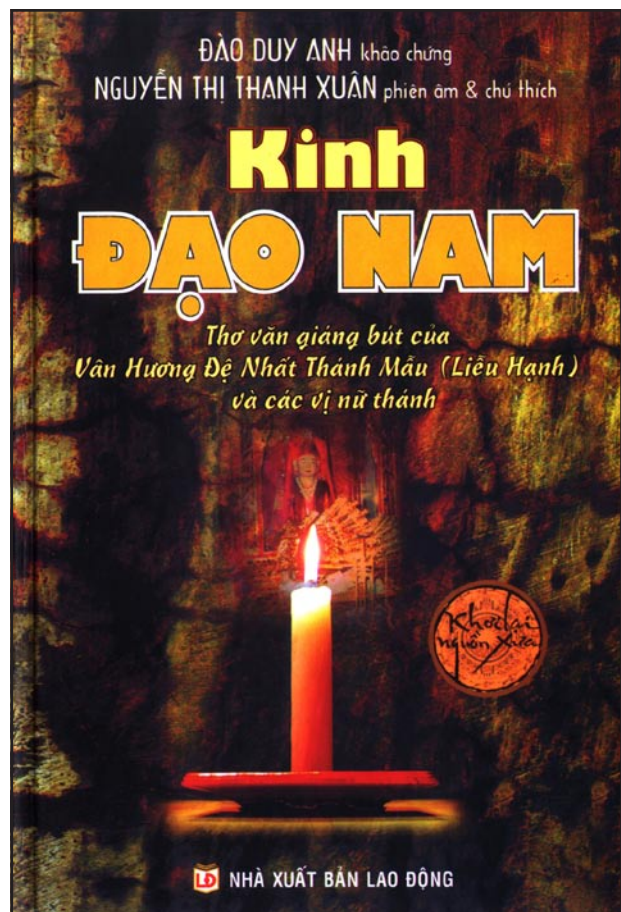
“Hưng Thiện đàn” ở Nam Định miền Bắc Việt Nam do Tiên Thánh giảng bút, in ngay tại đàn bằng chữ Nôm trên giấy dó, ra đời vào tháng 9, tháng 10 năm 1923, được học giả Đào Duy Anh sưu tầm.

Hình thức quyển kinh xuất bản năm 2007: Khổ sách 14cm x 20cm;

ĐÀO DUY ANH khảo chứng; NGUYỄN THỊ THANH XUÂN phiên âm & chú thích.

KINH ĐẠO NAM

Thơ văn giảng bút của Vân Hương Đệ Nhất



QUYỂN KINH ĐẠO NAM DO NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XUẤT BẢN NĂM 2007.

Thánh Mẫu (Liễu Hạnh) và các vị Nữ Thánh.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - 2007

## NỘI DUNG

Sau Lời nhà xuất bản là Lời nói đầu và mục “Khảo sát văn bản và đôi điều suy nghĩ” của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân. Trong phần “Đôi điều suy nghĩ”, có một đoạn đặt thẳng vấn đề “mê tín hay không mê tín” như sau:

“Cho tới nay, cũng như nhiều bản kinh khác, kinh Đạo Nam không được giới nghiên cứu chú ý với lý do đơn giản: coi là mê tín dị đoan, không chính danh. Nhưng chính điều này lại luôn gây tranh cãi: thế nào là mê tín dị đoan? Và kinh Đạo Nam có phải chỉ là mê tín?”

“Theo tôi, ngược lại, kinh Đạo Nam có nội dung bài trừ hủ tục, bài trừ mê tín. Có thể dẫn chứng rất nhiều: tục thờ nhảm “cúng cả bờ tre, gốc dứa”, mê tín, đồng bóng, lập đàn cầu đảo, gọi hồn gọi cốt quàng xiêng đến mất mạng, tục đốt vàng mã phung phí “đem tiền nỡ đốt ra tro”... rồi đến tệ nạn rượu chè, hút xách, cờ bạc; tranh tụng... Nếu nói trong cuộc vận động bài trừ tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa mới hiện nay, kinh Đạo Nam, trước ta gần một thế kỷ, vẫn còn mang đầy đủ tính thời sự thì cũng không có gì là quá đáng.”

“Chưa nói đến sự ra đời của bản kinh lạ lùng này cũng

không dễ giải thích [...] Tôi tin rằng có sự trợ lực nào đó của yếu tố ngoài con người. Có thể là Mẫu đã hóa thân xui khiến cây bút – cành đào chuyển dịch theo tâm nguyện của mình. [...] Điều đó vẫn còn là huyền bí. Vì không thể lấy kiến thức hữu hạn của con người để đem đo với cái vô cùng của tự nhiên.”

Kế đến là mục “Tìm hiểu phong trào thiện đàn đối với cuộc vận động ái quốc – Kinh Đạo Nam” của học giả Đào Duy Anh, đoạn mở đầu viết như sau: “... Việc lập thiện đàn để khuyến thiện là việc có từ lâu trong xã hội phong kiến nước ta... Tại các cung quán, những nơi thờ cúng của Đạo giáo, như cung Thiên trường tỉnh Nam Định, quán Linh Tiên tỉnh Hà Tây, quán Trấn Vũ, đền Ngọc Sơn ở Hà Nội (đền Ngọc Sơn do văn hào Nguyễn Văn Siêu dựng từ đời Minh Mạng), thường có những bản kinh Đạo giáo, đặc biệt là kinh Âm chất, kinh Văn Xương Đế Quân, kinh Quan Thánh Đế Quân để đọc giảng cho thiện nam tín nữ nghe... Ngay ở tỉnh thành Nam Định thì có Đồng Lạc Khuyến Thiện đàn do chính tổng đốc Nam Định Phạm Văn Toán cùng với một nhà đại thương là La Quý Chấn lập nên năm 1904. Ở đây Văn Hương Đệ Nhất Thánh Mẫu, cùng Đệ Nhị Đệ Tam Thánh Mẫu đã giảng kinh

Minh Thiên. Tương truyền Nguyễn Thượng Hiền làm đốc học Nam Định bấy giờ có đề câu đối ở đàn rằng:

“Liệt điện tài hoa, mạc thán sinh thiên vô diệu pháp;

Từ hàng độ chúng, tu tri giác thế hữu chân kinh.”

Cuối mục này, là nhiều trích đoạn văn thơ của các đàn do chư Thánh và Thánh Mẫu giảng bút, như Đệ Nhất Thánh Mẫu giảng ca, Phạm tướng quân (Ngũ Lão) giảng ca, Dao Trì Vương Mẫu giảng ca, Hoàng tống đốc (Diệu) giảng thơ.

Bài tựa của Văn Hương Thánh Mẫu:

“Tựa rằng: Sông Nhị núi Nùng, nước bốn nghìn năm văn hiến; con Hồng cháu Lạc, dân hai mươi triệu đồng bào.

Trời báu của xinh, bể bạc rừng vàng, đồ sản vật một miền Đông Á; đất thiêng người giỏi, trai tài gái mạnh, tiếng anh hùng lừng cội viêm phương.

Trẻ con kia ông Đồng Thiên Vương, ngựa sắt xông trời, dẹp giặc Ân mà báo thù cho nước, đàn bà nọ là Trưng nữ chúa, quần hồng đua sức, đánh thẳng Tô mà trả nghĩa cho chồng.

Rừng Chi Lăng Lê Thái Tổ dấy quân, đầu Liễu Thăng treo ngược mũi gươm thần, giặc Minh ấy gà vừa phải cáo;

Sông Bạch Đằng Trần Đại Vương ra trận, máu Ô Mã đầy dòng nước bạc, quân Nguyên kia chim đã sợ cung.

Ấy những hào kiệt anh hùng,



mượn ngòi bút giải bày sơ lược, còn những kẻ nhân chí sĩ, ở sử xanh chép kể muôn nghìn.

Hỡi ơi, gương trước chưa mờ, chuyện xưa còn nhớ.

Kìa thành Thăng Long, kia núi Ngũ Hồ, nước non vẫn nước non nhà?! Này họ Hồng Bàng, này Tổ Lạc Long, dòng giống nguyên dòng giống cũ.

Xưa sao thế mà nay sao thế, toan vạch trời hỏi một đôi câu; khôn đường sao mà dại đường sao, để cực Mẹ đến trăm nghìn nỗi.”[...]

#### NỘI DUNG CHÍNH CỦA KINH ĐẠO NAM GỒM 2 TẬP:

- Tập CÀN gồm 10 chương do các Thánh Mẫu, Nữ Thánh, Quan Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân... giảng bút dạy sĩ nông công thương với các chủ đề: (1) Mở rộng học vấn, (2) Rõ luân thường, (3) Khuyến siêng nghề nghiệp, (4) Tiết kiệm tiền của, (5) Sửa đổi hủ tục, (6) Tu thiện đạo, (7) Mở rộng giao thiệp, (8) Hợp đoàn thể, (9) Trọng giống nòi, (10) Ái quốc.

- Tập KHÔN gồm 3 chương do các Nữ Thánh dạy nữ phái qua các chủ đề: (1) Tại gia tòng phụ, (2) Xuất giá tòng phụ, (3) Chống chết theo con.

#### NHẬN XÉT VỀ QUYỂN KINH ĐẠO NAM

Về việc xuất bản quyển kinh: có lẽ đây là lần đầu tiên sau 1975, quyển kinh được xuất bản (2007) bằng chữ quốc ngữ dưới tựa đề “Kinh Đạo Nam, Thơ văn giảng

bút của Vân Hương Đệ Nhất Thánh Mẫu (Liễu Hạnh) và các vị Nữ Thánh”.

Kinh ra đời năm 1923 (bằng chữ Nôm) tại Hưng Thiện đàn thuộc xã Hạc Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định do ông Nguyễn Ngọc Tĩnh là một nhà nho thi Hương không đỗ (1915), về quê cầm kê (thủ cơ) cho đàn Hưng Thiện. Theo tìm hiểu của cụ Đào Duy Anh thì đàn này đã được thành lập từ năm 1912. Như vậy, trước khi cơ bút Cao Đài ra đời vào những năm của thập niên 20 đầu thế kỷ xx ở miền Nam, thì từ thập niên 10 đã xuất hiện nhiều thiện đàn ở Bắc kỳ và các tỉnh Thanh Nghệ (theo cụ Đào Duy Anh) sử dụng cơ bút tiếp xúc với các đấng Thiêng Liêng để ra kinh.



HÌNH BÌA BẢN GỐC KINH ĐẠO NAM. HÀNG CHỮ TRÊN: HƯNG THIỆN ĐÀN; HÀNG CHỮ GIỮA: ĐẠO NAM CÀN TẬP.

Theo sự tìm hiểu tại chỗ của cụ Đào thì cách “phụ tiên” (cầu tiên) ở các thiện đàn cũng dùng cái kê (cơ) hình thức giống như ngọc cơ của đạo Cao Đài.

Những vị giảng bút tại đàn Hạc Châu như Vân Hương Thánh Mẫu, Quan Âm Bồ Tát, Trần Hưng Đạo Vương, Quan Thánh Đế Quân, Châu Xương, Trưng Vương... lại là những vị thường giảng cơ trong đạo Cao Đài sau này.

Về cách tổ chức thiện đàn, từ năm 1911, Văn Xương Đế Quân đã giảng bút chỉ thị cách bày đàn (cách thờ) : trên hết, chính giữa đặt tôn vị Ngọc Hoàng; ngoài ra còn thờ Dao Trì Vương Mẫu, Quan Âm Bồ Tát và Vân Hương Thánh Mẫu, Trần Hưng Đạo Vương, chư Thần, nữ Thần Việt Nam...

Thơ ca giảng bút trong Kinh Đạo Nam, nhất là của Đức Vân Hương Thánh Mẫu đều có văn phong tương tự như các Thánh giáo của Ngài qua cơ bút Cao Đài. Các nhà nghiên cứu văn học uyên thâm đều nhìn nhận rằng đó là những tác phẩm văn chương tuyệt bút, đạo lý sâu xa mà người thường như những vị lập đàn phụ tiên thời ấy không thể nào sáng tác được.

Nội dung của Kinh Đạo Nam là kinh khuyến thiện, lại thể hiện tinh thần phát huy văn hóa đạo đức dân tộc rất đậm nét, khiến người đọc (XEM TIẾP TRANG 47)

# CON CHÁU LÀM ÂM CHẤT CỨU ĐỘ CỬU HUYỀN THẤT TỔ

## ■ NHƯ QUỲNH

Lễ Vu Lan, tiết Trung Ngươn hay ngày rằm tháng bảy... đều là những nghi thức cúng bái của nhà Phật. Theo sử liệu cho biết, phong tục này đã có từ mấy ngàn năm về trước và đến nay vẫn còn được tôn tại một cách tốt đẹp, trang trọng hầu hết tại các nước Đông phương theo Phật giáo. Theo Cao Đài giáo, mùa Vu Lan cũng là định kỳ xá tội vong nhân, là dịp để tín hữu Cao Đài đặt hết tâm thành cùng tập thể bốn đạo tại Thánh sở nơi mình đang tu học, cầu nguyện cho tất cả vong linh, cũng như cố gắng làm thêm nhiều công quả hồi hướng cho Cửu Huyền Thất Tổ.

Đức Trung Vương có dạy:

“THI

TRUNG bày thế sự giác người mê,  
NỮ chuyển kẻ sai biết lối về;  
VƯƠNG giả sắc cùng ôm lấy phận,  
GIÁNG phân đôi đoạn tình người mê.

Trưng Nữ Vương: Chị mừng các em trung đàn nam nữ. Vậy Huệ Chiếu Minh sắp cửu phẩm nơi phía sau pháp đàn để chư chơn linh được thọ hưởng đại ân xá của Chí Tôn, cùng ngày Đại Lễ Vu Lan định kỳ xá tội vong nhân. Nay chị thọ lệnh Chí Tôn cùng Diêu Mẫu, dẫn chín chơn linh về đây để bái kiến Đức Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh...”<sup>1</sup>

Tuy nhiên, có nhiều trường hợp chơn linh thiếu phần âm chất hoặc con cháu tu hành chưa đủ âm chất nên chưa cứu giúp được cho Cửu Huyền Thất Tổ:

TRƯỜNG HỢP CHƠN LINH THIẾU ÂM

CHẤT NÊN PHẢI TRỞ LẠI PHONG ĐỒ HOẶC ĐẤU THAI CHUYỂN KIẾP:

“Tôi là Nguyễn Văn Danh xin cúi đầu lạy Đức Ngọc Hoàng, tôi chào tất cả các em cháu trong đàn, giờ tôi được Thanh Hà (tiểu đồng) diu bước. Hai cháu nội tôn Diệu, Tổng, phần số của ông đến đó là mãn số nên khiến như thế để ông trút tàn hơi.

Mừng thay! Các con cháu không gây nên tội lỗi. Tôi phải trải qua nơi âm cảnh, nay được nhập cơ là nhờ con cháu lập đại kỳ công, được Thượng Đế cho hưởng phần ân xá. Có người cầm lệnh tiến xuống Thập Điện dẫn hồn tôi đưa về non thần, dạy cách tịnh dưỡng. Tôi thấy nếu không được hưởng ân xá thì cũng khó về được non thần tịnh dưỡng, vì khi sinh tiền tôi có tiếng làm ra tiền nên cũng rất có tội đối với vô vi.

Thôi ít lời vẫn tắt khuyên tất cả tử tôn, rán lo lập công trợ lực cho chơn hồn, nếu thiếu phần âm chất thì phải chuyển kiếp. Thôi tôi có đôi lời còn các chơn hồn chờ đợi, tôi xin già từ, thăng.”<sup>2</sup>

TRƯỜNG HỢP CHƠN LINH NHỜ CON CHÁU LẬP KỲ CÔNG, ĐƯỢC ĐƯA VỀ NON THẦN TU DƯỠNG, MONG CON CHÁU TIẾP TỤC LẬP ÂM CHẤT TRỢ LỰC CHO CHƠN HỒN ĐỂ ĐƯỢC ĐẠI TỪ PHỤ BAN PHONG:

“Tôi là Nguyễn Văn Tân, cúi đầu lạy Đức Thượng Đế, mừng anh chị em nam nữ nội đàn. Tôi đã lia trần khá lâu, nhưng vì sinh tiền cũng có thọ giáo tu hành, nhưng kém phần công quả, nên phải trải qua ngục thất. May thay! May thay! Nhờ tử tôn lập đại kỳ công, nên tôi được rước về Nguyệt Cảnh để rọi căn tội phước, được phần nhẹ nhàng, nên được đưa về Châu Thiên

1. Nguyệt Thanh Quang, Tý thời 26-08 ĐĐ70.

2. Nhựt Ấn Đàn, Hợi thời 06-01 ĐĐ71.

Đài thiên đình, để phân thanh lóng trước. Nay được vậy là nhờ đại kỳ công ấy, vậy tôi xin gửi lời con trai, gái, nội ngoại tôn, rón lập công bồi âm chất để mà giúp cho chơn hồn tôi được Đại Từ Phụ ban phong. Vì giờ ít, còn nhiều vị đang ngoài chờ, tôi xin giã từ. Thăng./”<sup>3</sup>

#### MỘT TRƯỜNG HỢP KHÁC:

“Tôi là Tạ Phước Dấu, xin cúi đầu bái tạ Chí Tôn cùng Phật, Tiên, Thánh, Thần. Cháu xin chào mừng Thiên mạng tam ban trung đàn, xin quý Thiên sắc cho phép tôi được ít lời gửi về gia đình. Con xin kính lời cùng cha.

Con biết rằng con bất hiếu với thân phụ, vì kiếp sống căn duyên đã hành hạ thân con không chịu nổi, nên quyên sinh. Khi hồn rời khỏi xác vì căn số chưa đến, nên chơn hồn con vẫn vợ, thường thăm viếng cha cùng gia đình vợ con. Nhưng hồn không xác làm sao thấy dạng con, chớ hồn con đều thấy hết cha ạ!

Con cũng lắm tưởng kiếp thác là hết, không ngờ mang xác thịt coi như bức màn vô minh che kín, không biết được bên kia. Khi thác coi như đã thoát được bức màn vô minh kia, nên trông thấy biết bao là cảnh vật. Cha ôi! Con lấy làm đau khổ, cha vì con mà phải vươn mang bệnh tình, còn hằng đêm ngày cầu nguyện Chí Tôn ban đại xá cho con. Nhờ có Đại Tiên chỉ dạy tam nhứt cầu siêu vào lễ Vu Lan nhà Phật, mà con được Chí Tôn cho chư Thần đưa con về non để lo tịnh thân, phân thanh lóng trước. Nhưng Cha ôi! Con đã phạm luật Thiên điều về tội bất hiếu (tự tử) nên thiếu âm chất còn phải chuyển kiếp, con xin cha cho con gửi lại vợ con của con, nhờ cha cùng chị em giúp đỡ cho nó thành nhơn sau này. Con có đôi lời gửi về cha, vì không có đủ giờ, sau này nếu con được lệnh sẽ phân bày nhiều hơn. Vậy nhờ bác Mười gửi dùm đến tay cha cháu. Thôi cháu xin đánh lễ Chí Tôn, xin cúi đầu chào trung đàn, cháu xin xuất cơ. Thăng.”<sup>4</sup>

3. Nhựt Ân Đàn, Hợi thời 06-01 ĐĐ71.

4. Thanh Tịnh Đàn, Tý thời 02-01 ĐĐ71 “khai xuân”.

Qua lời trần tình của các chơn linh, chúng ta thấy yếu tố lập công quả, tô bồi âm chất của tự thân mỗi người (số lượng và chất lượng) là điều kiện cần thiết, quyết định được trở về non bông tu luyện thêm hay phải chuyển kiếp. Nếu phần âm chất chưa đủ thì sau khi về non bông tịnh dưỡng, phân thanh lóng trước, cũng phải chịu luân hồi chuyển kiếp trở lại thế gian để trả nợ tiền khiên. Do vậy, việc con cháu tu hành lập nhiều âm chất hồi hướng cho cha mẹ hay Cửu Huyền Thất Tổ để trợ duyên, để hiến thêm cho người thân của mình sau khi đã thoát xác là việc làm thiết thực. Phần âm chất hồi hướng không chỉ giúp cho người thân vượt qua cảnh luân hồi chuyển kiếp mà còn được Đức Đại Từ Phụ ban phong, hơn nữa là được cao thăng phẩm vị.

Nhưng làm công quả như thế nào thì mới có kết quả nhiều âm chất để cứu được cửu huyền thất tổ? Chắc chắn thanh thiếu niên chúng ta cũng có nhiều thắc mắc?

Đọc lịch sử hình thành ngôi Vĩnh Nguyên Tự, chúng ta còn nhớ lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn vào đúng ngày giỗ mừng 3 tháng chạp năm Bính Dần 1926:

“Cửu thập nhị nguyên nhân kiêm triều đọa lạc tại thế, bất thoát mê đồ, bất tri chơn đạo. Đẳng chúng bất độ, hà thể thành Đạo hồ?” (Ý nghĩa: Chín mươi hai ức nguyên nhân đang đọa lạc tại thế gian, không thoát khỏi đường mê, chẳng hiểu biết Chơn Đạo. Không độ hết những kẻ đó thì làm sao thành Đạo tại thế?)

[...] “Tu giả độ nhơn. Độ nhơn độ kỹ, độ kỹ độ Cửu Huyền Thất Tổ thị chi hiếu giả.” (Ý nghĩa: Người tu độ kẻ khác. Độ kẻ khác là độ chính mình. Độ mình là độ Cửu Huyền Thất Tổ. Đó chính là hiếu vậy.)<sup>5</sup>

Như vậy, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã nhắc nhở chúng ta phải ý thức tu học độ dẫn nhơn sanh. Độ người chính là độ mình, độ mình là độ Cửu Huyền Thất Tổ. Nhưng làm công quả

5. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Bính Dần.

để cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ với đức tin tuyệt đối vào sự công bình của luật nhân quả.

Hơn nữa, tính Đại Ân Xá – một đặc trưng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã cứu vớt biết bao vong linh. Tuy phần tự thân của mỗi vong linh chưa đủ nhưng nhờ được hưởng phần ân xá kỳ ba của Đức Chí Tôn, các vong linh được cộng thêm phần công đức của con cháu, trợ duyên cho vong linh thoát khỏi luân hồi chuyển kiếp, hầu tu tiến nơi cõi thượng. Đây là một đặc ân của Đức Chí Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ, thời kỳ ân xá mới được ân huệ này, trong khi Nhứt và Nhị Kỳ Phổ Độ: “có tu mới có hiển”.

“Quan Âm Bồ Tát. Bản Đạo mừng chung chư Thiên mạng lưỡng ban đàn tiền. Nay ngày Trung ngươn ân xá, chư Thiên mạng nguyện cầu gắng thành tâm. Lịnh Tam Giáo ban truyền ân xá, Bản Đạo báo tin lòng nguyện cầu của hiếu tử Hòa Nhơn Tâm nay được đặc ân. Phần hiển nữ Ngọc Thuột Hương, vì sanh tiền đa phần khẩu nghiệp, khi hồn lìa khỏi xác bị âm khí nặng nề khó phần siêu rỗi. Thời kỳ ân xá, con được trọng phần thành tâm nguyện cầu, gắng lo lập đức bồi công cho Mẹ được phục vị đó nghe.

Lê Văn Trí được phần ân xá cũng nhờ hiếu tử đặt tâm hành đạo từ bao năm nay, hiếu tử cần lập công bồi đức thêm cho cha được nhẹ nhàng, đó là điều ân huệ cho cha. Phần Hiệp Nhơn Tâm nguyện cầu. Vì sanh tiền thiếu phần đạo đức phụ mẫu chưa được an bề. Lòng con hiếu đạo cần lập đức thêm mới đáp bù công tu dưỡng mà chuộc tội cho song thân. Thời kỳ ân xá mới được ân huệ này, bằng ngược lại, có tu mới hiển đạt. Bản Đạo nhắn tin cứu vớt đôi phần, chư thiên mạng có lòng hiếu đạo, gắng lập công chuộc tội Cửu Huyền đều được ân xá. Vậy Thiên mạng thành tâm tiếp lịnh. Bản Đạo già từ điển hồi thượng giới. Thăng.”<sup>6</sup>

Như vậy, qua lời dạy của Đức Chí Tôn và Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn cùng

những lời trần tình của các vong linh, ta có thể thấy được việc cố gắng tu học hành Đạo, lập công quả, bồi âm chất của tự bản thân mỗi người là rất quan trọng. Vì có cố gắng tu học, lập âm chất thật nhiều chúng ta mới có thể tự cứu chính mình và làm tròn chữ hiếu của mình là cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ. Nhất là thế hệ trẻ thanh thiếu niên, với trách nhiệm và bổn phận của một người Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý chúng ta không chỉ phải tự độ mình mà còn phải góp phần độ dẫn nhơn sanh sớm biết Thấy hiểu Đạo mà tu thân lập đức. Có làm được như thế mới có thể cứu Cửu Huyền Thất Tổ.

Bên cạnh đó, một điều cũng không kém phần quan trọng trong việc giúp chúng ta lập công bồi đức, đó là sự lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của mỗi người. Không nên chọn những ngành nghề gây hại cho nhân sanh, mà ngược lại phải chọn những ngành nghề có thể giúp ích và phục vụ cho nhân sanh, như ngành y, giáo dục... Đó cũng là một phương cách để mỗi người chúng ta tự độ chính mình, độ nhân sanh và cứu Cửu Huyền Thất Tổ mình rồi vậy. ■



LÀM CÔNG QUẢ LÀ GIEO TRỒNG ÂM CHẤT.

6. Thanh Tịnh Đoàn, ngo thời 18-07 ĐĐ69.

**B**ến Tre là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long có diện tích 2.322 km<sup>2</sup>, tiếp giáp biển Đông. Phía bắc giáp Tiền Giang, tây và tây nam giáp Vĩnh Long, nam giáp Trà Vinh. Bến Tre có tám đơn vị hành chính: thị xã Bến Tre và bảy huyện: Ba Tri, Bình Đại, Châu Thành, Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày, Thạnh Phú. Thị xã Bến Tre cách thành phố Hồ Chí Minh 85km. Dân số của toàn tỉnh là 1.345.600 người, trong đó người Kinh chiếm đa số (thống kê năm 2004).

Địa hình Bến Tre bằng phẳng, rải rác có những cồn cát (tiêu biểu ở xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, có một cồn cát mặc dầu cách biển đến khoảng 15–20km) xen kẽ với

ruộng vườn, không có rừng cây lớn, bốn bề sông nước bao bọc với nhiều sông rạch. Bốn nhánh sông Tiền Giang là sông Ba Lai, sông Cổ Chiên, sông Hàm Luông và sông Mỹ Tho chia đất Bến Tre ra làm cù lao An Hóa, cù lao Bảo, cù lao Minh. Hai sông Ba Lai và Hàm Luông chảy xuyên suốt tỉnh rồi đổ ra hai cửa biển cùng tên. Sông Mỹ Tho chia ranh giới phía bắc với tỉnh Tiền Giang rồi đổ ra cửa Đại. Gần cửa sông Ba Lai nay đã được đắp đập phục vụ công tác thủy lợi trong vùng. Sông Cổ Chiên làm ranh giới với tỉnh Trà Vinh rồi chảy ra hai cửa Cổ Chiên và Cung Hầu.

Bờ biển Bến Tre dài khoảng 60km. Ngoài khơi có các đảo nhỏ như cồn Hồ, cồn Lợi...

## LỊCH SỬ

Tỉnh Bến Tre vốn là một phần của dinh Hoàng Trấn lập ra năm 1803. Năm sau đổi là dinh Vĩnh Trấn. Năm 1808 dinh này lại đổi là trấn Vĩnh Thanh. Tỉnh Bến Tre chính là vùng đất thuộc huyện Tân An (được nâng cấp từ tổng Tân An năm 1808), thuộc phủ Định Viễn (cũng được nâng cấp từ châu Định Viễn trong cùng năm), nằm trong trấn Vĩnh Thanh. Năm 1823, huyện Tân An chia thành hai huyện Tân An và Bảo An, đặt dưới phủ Hoàng An (Bến Tre ngày nay).

Năm 1832, vua Minh Mạng bỏ trấn lập tỉnh, trấn Vĩnh Thanh chia thành hai tỉnh An Giang và Vĩnh Long. Tỉnh Vĩnh Long lúc bấy giờ gồm ba phủ Định Viễn (Vĩnh Long ngày nay), Hoàng An (Bến Tre ngày nay), và Lạc Hóa (Trà Vinh ngày nay). Năm



# THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH BẾN TRE

■ ĐẠT TRUYỀN & ĐẠT LINH

1837, đặt thêm phủ Hoàng Trị, rồi đến năm 1851, bỏ phủ Hoàng An, các huyện trực thuộc nhập cả vào phủ Hoàng Trị.

Năm 1876, Pháp chia Nam Kỳ thành bốn khu vực hành chính lớn, mỗi khu vực hành chính lại chia nhỏ thành các tiểu khu hay hạt tham biện (arrondissement administratif) thì Bến Tre là hạt tham biện thuộc khu vực hành chính Vĩnh Long. Theo nghị định ngày 20-12-1899 của Toàn quyền Đông Dương đổi tên tất cả các hạt tham biện thành tỉnh thì từ ngày 01-01-1900 hạt tham biện Bến Tre trở thành tỉnh Bến Tre.

Sau khi Pháp chiếm xong Nam Kỳ, sáu tỉnh lớn được chia thành hai mươi tỉnh (về sau đặt thêm tỉnh thứ hai mươi mốt là Vũng Tàu). Một phần đất của Vĩnh Long được tách ra để lập tỉnh Bến Tre. Từ đó, bỏ cấp huyện mà chia thành quận. Tỉnh Bến Tre có bốn quận: Ba Tri, Mỏ Cày, Sóc Sãi (huyện Châu Thành ngày nay), Thạnh Phú, với 21 tổng và 144 xã. Diện tích của tỉnh là 1.501km<sup>2</sup>. Dân số có 223.405 người (năm 1910); 286.000 người (năm 1930); 346.500 người (năm 1943); 339.000 người (năm 1955).

Từ ngày 22-10-1956, chính quyền Sài Gòn đổi tên tỉnh Bến Tre thành tỉnh Kiến Hòa và gồm chín quận: Ba Tri, Bình Đại, Đôn Nhơn, Giồng Trôm, Mỏ Cày, Thạnh Phú, Hàm Long, Hương Mỹ, Trúc Giang, với 115 xã, 793 ấp (năm 1965). Năm 1970 có 119 xã. Tỉnh lỵ là Trúc Giang. Diện tích của tỉnh là 2.085km<sup>2</sup>. Dân số là 547.819 người (năm 1965); 582.900 người (năm 1970).

Từ năm 1975 tỉnh Bến Tre lấy lại tên cũ và chia thành các huyện như đã nêu.

## **NÔNG NGHIỆP**

Bến Tre là vựa lúa lớn của đồng bằng sông Cửu Long. Đất Bến Tre do phù sa sông Cửu Long bồi đắp. Hoa màu chính là lúa, hoa màu phụ cũng chiếm phần quan trọng là khoai lang, bắp, và các loại rau. Loại cây kỹ nghệ mang lại nhiều lợi ích cho tỉnh là dừa, thuốc lá, mía, ca cao.

Bến Tre có gần 40.000ha đất trồng dừa. Dừa

ở đây rất nhiều trái và trữ lượng dầu cao. Ngoài nước uống và dầu, dừa còn cho các sản phẩm khác là than dừa, vỏ dừa làm thảm dừa, dây dừa. Kẹo dừa Bến Tre là đặc sản của vùng. Một dự án trồng xen ca cao tận dụng bóng mát của dừa mới đưa vào thực hiện đang là vấn đề quan tâm của nông dân Bến Tre. Huyện Chợ Lách là nơi trồng các loại hoa kiểng, bonsai nổi tiếng.

## **DI TÍCH VÀ NHÂN VẬT**

Tại Bến Tre có nhiều di tích Phật giáo nổi tiếng như chùa Hội Tôn, chùa Tuyên Linh, chùa Viên Minh. Chùa Hội Tôn xây dựng vào thế kỷ 18 tại ấp 8, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành. Chùa Tuyên Linh xây dựng vào năm 1861 ở ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày.

Các nhân vật nổi tiếng hiện còn mộ, tháp, đài kỷ niệm ở Bến Tre là các danh nho Võ Trường Toản (?-1792), Phan Thanh Giản (1796-1867), Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) ở Ba Tri; nhà bác học nổi tiếng Trương Vĩnh Ký (1837-1898) ở Chợ Lách, nữ tướng Nguyễn Thị Định (1920-1992) ở Giồng Trôm. Đặc biệt có hai vị Giáo Tông đạo Cao Đài sanh trưởng, lớn lên và quy thiên trên đất Bến Tre là Đức Giáo Tông Cao Đài Ban Chính Đạo Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951) ở làng An Hội (nay là thị xã Bến Tre), và Đức Giáo Tông Cao Đài Tiên Thiên Nguyễn Bửu Tài (1881-1958) ở huyện Châu Thành.

## **CẦU RẠCH MIẾU – BIỂU TƯỢNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN VƯƠN CAO**

Vào ngày 02-9-2008, cầu dây văng Rạch Miếu sẽ thông xe nối liền thành phố Mỹ Tho (Tiền Giang) và Bến Tre. Đây là công trình đầu tiên do Việt Nam thiết kế và thi công với sự yểm trợ kỹ thuật của hãng vsl (Thụy Sĩ) trong việc kéo dây văng. Là cửa ngõ mở đầu quốc lộ 60 tại địa bàn tỉnh Bến Tre, cầu Rạch Miếu với mặt cầu rộng 12-15m có tổng chiều dài 2.878m gồm cầu dây văng dài 1.710m bắc ngang sông Tiền từ thành phố Mỹ Tho qua cù lao Thới Sơn (Tiền

Giang). Cầu dây văng với hai trụ tháp cao 106m, mỗi trụ đặt trên 20 cọc khoan nhồi có đường kính 2m khoan sâu xuống đất 90m. Có tổng cộng 112 bộ cáp được kéo căng, chia ra mỗi trụ kéo 56 bộ cáp, bộ cáp dài nhất 162m, ngắn nhất 43m. Cầu bê-tông dài 920m nối liền phía cù lao Thới Sơn (Tiền Giang) qua cồn Tân Vinh (Bến Tre) và từ cồn Tân Vinh qua An Khánh (Bến Tre). Cầu Rạch Miễu có vốn đầu tư 988 tỷ đồng, xây dựng trong thời gian sáu năm, là biểu tượng phát triển vươn cao của Bến Tre.

Cầu Rạch Miễu là bệ phóng để Bến Tre phát triển nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ở các khu công nghiệp mới, các khu du lịch sinh thái, các tour du lịch thăm cồn Phụng của ông Đạo Dừa Nguyễn Thành Nam (1909–1990), thăm hai vùng thánh địa Cao Đài Ban Chính Đạo và Cao Đài Tiên Thiên.

## CAO ĐÀI BẾN TRE

Sau ngày Khai Tịch Đạo 23–8 Bính Dần (1926), nhóm tiền bối khai Đạo đi về Bến Tre để truyền đạo Cao Đài gồm các vị Ngọc Lịch Nguyệt, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật, Lê Văn Hóa, Nguyễn Văn Ca, Trần Quang Minh, Nguyễn Dư Hoài, Võ Văn Lý cùng hai vị phò loan Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức đã được người dân Bến Tre hưởng ứng nồng nhiệt bằng tinh thần chân thật, đơn giản, rộng mở, hiếu đạo. Kết quả ngày nay tỉnh Bến Tre là một trong nhiều thánh địa Cao Đài:

- Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo – Tòa Thánh Bến Tre, đứng hàng thứ nhì trong nước về số lượng Thánh sở. Tòa Thánh Bến Tre có 284 Thánh sở phân bố trong 27 tỉnh, thành với 808.546 tín đồ (số liệu năm 2007), chưa kể số tín đồ của 38 Thánh sở chưa hoàn nguyên. Tỉnh Bến Tre là tỉnh có nhiều Thánh sở Cao Đài Ban Chính Đạo với 62 Thánh sở và 16 nơi bị hoại. (số liệu năm 2003).

- Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên – Tòa Thánh Châu Minh có 128 Thánh tịnh phân bố trong 15 tỉnh thành (không kể có trên 20 nơi đã bị hoại).

Tỉnh Bến Tre còn là tỉnh có nhiều thánh sở Cao Đài Tiên Thiên với 31 thánh tịnh. Cao Đài Tây Ninh có 17 Thánh thất, Hội Thánh Chiếu Minh (Tòa Thánh Long Châu) có 1 di tích. Có tổ đình của Vạn Quốc Tự (đơn lập). Tính chung, Bến Tre có tổng cộng 112 Thánh sở Cao Đài, đứng hàng thứ nhì trên toàn quốc (sau tỉnh Long An có 122 Thánh sở).

## TÒA THÁNH CAO ĐÀI BẾN TRE

Tại trụ sở Thánh thất An Hội cũ (nay tại đường Trương Định, phường 6, thị xã Bến Tre), Tòa Thánh Cao Đài Bến Tre – Hội Thánh Ban Chính Đạo không lớn, xây dựng năm 1935 trên thửa đất rộng 7,40ha do Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương hiến. Ngoài Thiên Nhân, Tòa Thánh thờ cốt tượng giống như cốt tượng thờ tại chùa Gò Kén trong những ngày đại lễ Khai Minh Đại Đạo năm 1926. Không thờ quả Càn Khôn nơi Bát Quái Đài. Đã trên 70 năm tuổi, Tòa Thánh Cao Đài Bến Tre xưa nhứt so với các Tòa Thánh Cao Đài khác. Năm 2007, Tòa Thánh đã được sửa chữa lớn để có thuận tiện hành lễ và tịnh hội hàng tháng. Phía sau Tòa Thánh là Thiên Phong Đường (nơi làm việc và tạm nghỉ ngơi của quý anh lớn). Quanh Tòa Thánh có Báo Ân Từ, Tàng Kinh Viện và Văn Minh Viện, trai đường. Nhà tu thượng thừa nam xây năm 1938. Tại vườn Kỳ Thọ, cạnh miếu thờ bà Chúa Xứ,<sup>1</sup> có nhà tịnh xây năm 1941, là nơi Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương tịnh luyện. Tịnh xá có 36 phòng tịnh nam cho những chức sắc tân phong tịnh theo định kỳ 9, 18, 27, 36, 72, 108 ngày. Nhà tu trung thừa nam,

---

1. Miếu thờ bà Chúa Xứ đầu tiên ở sát cạnh vườn hoa Kỳ Thọ hiện nay. Từ năm 1938 đến 1941, Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương tịnh ở Hiệp Thiên Đài. Qua năm 1942, Ngài dời về tịnh xá tu luyện. Ngày 15 tháng 1 (năm 1946) bà Chúa Xứ đạ đồng để nghị ông Nguyễn Văn Chí, Hội Trưởng Hội Miếu Bà Chúa Xứ dời miếu ra khỏi ruộng đất tịnh xá 85m vì nơi đây có hai lần thỉnh Thánh (Đức Giáo Tông về Tòa Thánh), có vị tiên rất lớn phẩm đi ngang trước miếu, nên bà và thuộc hạ phải đứng lâu nghinh tiếp. Khi miếu xây dựng lại vừa xong (năm 1946), bà đạ đồng lần nữa, nhắc nhở hãy xây mật miếu thờ vô trong, xây lưng ra đường lộ để mỗi lần thỉnh Thánh, bà được yên tĩnh.

nhà tu trung thừa nữ xây năm 1941. Thảo xá Hiền Cung (gồm Diêu Trì Bửu Điện thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, nhà tu thượng thừa nữ khánh thành năm 1942, và 12 phòng tịnh nữ). Bửu tháp của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương được xây phía trước Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh.

## **TÒA THÁNH CAO ĐÀI CHÂU MINH**

Vào cuối năm 1935, có lệnh đổi Thánh tịnh Châu Minh làm Tòa Thánh Cao Đài Tiên Thiên thay thế Tòa Thánh Thiên Thai ở Cai Lậy. Lạc thành năm 1956, Tòa Thánh Châu Minh của Tiên Thiên có khuôn viên rộng rãi, nhiều cây cao, tọa lạc ở mặt tiền đường, tại xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong nội ô Tòa Thánh, có Diêu Trì Bửu Điện khánh thành năm 1955, có Tòa Nội Chánh, Báo Ân Từ, Đâu Sư Đường, Định Nguyên Đường, nhà Dưỡng Lão. Bửu tháp của Đức Giáo Tông Nguyễn Bửu Tài được xây phía sau Bát Quái Đài.

## **BỬU THÁP NHỊ THIÊN GIÁO CHỦ CỦA TÒA THÁNH LONG CHÂU**

Nơi xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, ngôi bửu tháp của Ngài Nhị Thiên Giáo Chủ Võ Văn Phẩm (1888–1940) đã được tôn tạo, là một di tích quan trọng của Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh – Tòa Thánh Long Châu. Năm 1931 Ngài Võ Văn Phẩm lên Tòa Thánh Tây Ninh được Ở Trên truyền tâm pháp. Sau này Ngài lại truyền tâm pháp cho chư đệ tử và thành lập Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh – Tòa Thánh Long Châu ở Cần Thơ, nay thuộc tỉnh Hậu Giang. Lúc sinh thời, năm 1933, Ngài cho xây nơi đây ba dãy nhà đặt tên là Ngọc Thánh Hư – Trung Thiên Tự và mướn thêm các dãy phố chợ để làm nhà tịnh cho môn đệ. Hiện nay chỉ còn bửu tháp của Ngài nơi đây.

## **TỔ ĐÌNH VẠN QUỐC TỰ**

Tại xã Phú Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, tổ đình Vạn Quốc Tự được sư bà Diệu Lộc Võ Thị Ngọc Châu xây dựng, ban đầu thờ Phật.

Sau khi sư bà Diệu Lộc quy thiên, ni trưởng Diệu Minh Võ Phụng Kiều hay Võ Duy Nhứt (1901–1988) kế tục đạo nghiệp. Năm 1934 ni trưởng Diệu Minh nhập môn Cao Đài, thờ Thiên Nhân và Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn. Đến năm 1948, ni trưởng Diệu Minh lên Sài Gòn mua đất. Năm 1950 xây xong Vạn Quốc Tự Đô Thành (nay tại số 378/5 Điện Biên Phủ, quận 3) để nuôi cô nhi nữ. Chánh điện thờ Thánh tượng Thiên Nhân và phía đối diện thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn. Năm 1968 Đức Mẹ dạy chuyển văn phòng Nữ Chung Hòa về đặt tại Vạn Quốc Tự Đô Thành, nơi đây cũng gọi là Chơn Lý Đàn. Đối với cô nhi nam, ni trưởng nuôi ở Vạn Quốc Tự Hòa Hưng, số 292/21–23 Lê Văn Duyệt (nay là Cách Mạng Tháng Tám). Vạn Quốc Tự ở Bến Tre trở thành tổ đình.■

## **Kinh Đạo Nam...**

(TIẾP THEO TRANG 40)

nhớ đến quyển Minh Thiện Chơn Kinh do Đức Vân Hương Thánh Mẫu giảng cơ chủ trì, cùng với chư vị Thánh Mẫu và nhiều vị Thần Tiên khác tả kinh dạy Đạo cho nữ phái. Minh Thiện Chơn Kinh in năm Kỷ Hợi 1959, có xuất xứ tại Ngọc Linh Thánh Tịnh (huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai) thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên (độc giả có thể tham khảo kinh này trên website <http://nhipcaugiaoly.googlepages.com/minhthienchonkinh>).

Cần ghi nhận thêm rằng từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đã xuất hiện Ngũ Chi Đại Đạo tại miền Nam (Minh Sư [1863], Minh Đường [1908], Minh Thiện [1917], Minh Lý [1924], Minh Tân [1925]) mà nhiều vị chân tu có mối quan hệ đặc biệt trước khi trở thành môn đệ Đức Cao Đài Thượng Đế từ năm 1920 về sau. Nhất là qua cơ bút của các Chi Minh Thiện, Minh Lý, Minh Tân.



Giới nghiên cứu, học giả đọc quyển kinh Đạo Nam đều cho là kinh lạ, vì hiếm gặp hơn các kinh Đạo giáo hay Phật giáo truyền từ phương Bắc trong những thế kỷ trước. Hơn nữa lại là kinh do Thần Tiên giảng bút trực tiếp tại Việt Nam bằng văn chương phi phạm trong những thập niên đầu thế kỷ xx, từ các thiện đàn tổ chức rất nghiêm cẩn với mục đích xiển dương đạo đức, đề cao truyền thống yêu nước, bảo vệ tổ quốc dân tộc, khác hẳn những hiện tượng mê tín đồng bóng bất chính, vụ lợi...

Nhưng nếu độc giả đã có dịp đọc những quyển kinh của cơ bút Cao Đài mà nội dung chẳng những khuyến thiện, còn truyền đạt giáo lý Tam giáo, thuyết nhân bản đại đồng, cứu cánh tiến hóa toàn diện nhân sinh lẫn tâm linh của con người chính danh, thì sẽ thấy những kinh như kinh Đạo Nam không phải là kinh lạ, mà còn ngạc nhiên trước những quyển kinh hay Thánh giáo bằng văn thơ tuyệt bút của Thần Tiên giảng điển để mở ra một nền tôn giáo mới, nói chính xác hơn, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1926) hầu giác ngộ và cứu độ nhân loại bằng Thiên Đạo Đại Thừa. ■

TRUYỆN NGỤ NGÔN THỜI MẠT KIẾP

## THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC hai bên



■ THIÊN QUANG

Có một buổi trưa, đang ngồi học lớp Giáo Lý, Tiểu tôi ngủ gục... Thoáng một cái, Tiểu tôi thấy mình đi trên một con đường hẹp như một cái cầu khỉ, nhưng dài đến nỗi toàn bộ dân chúng trên trái đất này có thể cùng nối đuôi nhau mà đi. Không một ai biết con đường ấy bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu.

Bên trái con đường ấy chỉ toàn là rừng núi hoang vắng với sự thanh tịnh muôn đời của thiên nhiên. “Bên này buồn quá!”, Tiểu tôi nghĩ. Thế nhưng, nhìn vào một gốc đại thụ ven đường, Tiểu tôi thấy một tấm bảng rất nhỏ, ghi vồn vẹn có mấy chữ: “Thiên Đàng (Niết Bàn)”.

Bên Phải con đường, ngược lại, là một quang cảnh tưng bừng náo nhiệt. Trống kèn vang lừng, đèn đóm chớp tắt. Những tấm bảng quảng cáo hấp dẫn đua nhau nhấp nháy đèn màu với những dòng chữ bằng đủ mọi thứ tiếng trên thế giới. Dưới thấp, nơi cổng chính, là một dòng chữ uốn éo tuyệt đẹp: “Cõi A Tỳ, kính chào quý khách.” Và nổi bật trên nền trời cao, Tiểu tôi thấy liên tục chớp tắt một lời chào khá kỳ bí: “Welcome to Địa Ngục.”

Sự chênh lệch về mức độ tưng bừng của hai bên đã khiến cho hầu hết nhân loại đều thích queo qua bên phải, địa ngục, nơi mà họ tin là có thể tham gia vào biết bao trò vui vẻ.

Số người muốn vào địa ngục quá đông đảo, nên cung không thể nào đáp ứng nổi cầu. Để cân bằng cán cân cung cầu này, của

địa ngục cứ đóng kín như bưng. Trước cửa, chắc cũng có đến một trăm chàng quý sứ lực lưỡng, đứng khoanh tay, đeo mắt kính đen, bảo vệ nghiêm mật, đến nỗi ruồi bay vào cũng không lọt. Muốn vào, dù là ruồi hay người, đều phải mua vé với cái giá cao vút đến tận mây xanh. Và mỗi ngày, địa ngục chỉ bán vé có một lần duy nhất để hạn chế số người vào.

Những biện pháp đó hình như chỉ làm tăng thêm nỗi nôn nóng được vào địa ngục của phần đông nhân loại.

Thật ra, cũng có năm bảy ma vương, nhờ móc nối được với quý sứ, nên lén đem một ít vé ra bán chợ đen, nhưng mà bán với giá chỉ có tí phũ ở thế gian mới mua nổi. Thành thử, người trung lưu và hạ lưu đều đành cam phận đứng chờ, đến giờ bán vé chính thức thì ra sức chen lấn, ấu đả nhau kịch liệt, mong kiếm được một tấm vé để vào bên trong.

Ngược lại, vào thiên đàng thì dễ dàng hơn nhiều. Chẳng cần giàu nghèo, chẳng cần chờ đợi, chẳng cần chen lấn hay tranh giành. Không cửa nẻo, không tường rào. Ai thật lòng muốn vào, chỉ cần queo trái. Thế là xong.

“Nhưng mà vào thiên đàng để làm cái gì chứ!” – Một đứa bạn gắt lên khi nghe Tiểu tôi hỏi – “Mấy không thích vô địa ngục thì để tao vô một mình. Tao sẽ không mua vé giùm mày đâu!”

Thế là bạn của Tiểu tôi chạy ào vào đám đông đang chen lấn trước cửa địa ngục, dưới ánh sáng rực rỡ của một tấm bảng quảng cáo không tiếc lời câu khách: “Địa ngục – chỉ cần mua vé một lần duy nhất, quý khách sẽ được ở lại nơi đây mãi mãi.”

“Minh phải vào thiên đàng.”  
– Tiểu tôi tự nghĩ. Dù sao, đi học đạo từ nhỏ tới lớn, Tiểu tôi chưa từng tưởng tượng nổi rằng Địa ngục là chỗ mà thiên hạ có thể tranh giành nhau để vào đến mức độ như vậy.

Tiểu tôi nhìn sang bên trái. Một vị thiên sư, không phải, một vị Bồ Tát, đang ngồi bên một tảng đá, nhìn Tiểu tôi bằng một nụ cười hiền hậu. Nụ cười của vị Bồ Tát thật khó quên. Một nụ cười từ bi. “Ta đến chỗ Bồ Tát?”  
– Tiểu tôi thầm nghĩ. Nhưng bỗng nhiên, Tiểu tôi nhìn sang bên phải. Ô, một trăm gã quý sứ gác cổng cũng đang nhìn Tiểu tôi bằng những ánh mắt thân thiện kèm theo những nụ cười marketing đầy sức thuyết phục! Tiểu tôi bối rối quá, bèn tự vấn lương tâm – “Đến với ai đây, bồ tát hay quý sứ?”

Tiếng nhạc bên phía địa ngục bỗng nổi lên dồn dập và cuốn hút. Giọng nói của một quý sứ trong loa phóng thanh vang lên ầm ầm và ngọt ngào: “Địa ngục đã đến giờ mở cửa.” Và cửa địa ngục mở thật. Mọi người chen lấn để mua vé. Bất kỳ một trường hợp nào không có vé đều bị – các quý sứ tuy lịch sự nhưng

vô cùng cương quyết – mời trở ra. Một người phụ nữ, bỗng đứa bé sơ sinh, cãi với một quý sứ: “Nó còn nhỏ, mới có mười tháng, cũng phải mua vé nữa sao?” Quý sứ từ tốn bảo: “Con nít chưa lọt lòng mẹ cũng phải mua vé. Nếu không, ngày sau chúng sẽ kiện đến tận Trời xanh.”

Hừm, nghĩa là không bao giờ có thể vào được địa ngục, trừ trường hợp người ta tự nguyện mua vé vào.

Một tờ vé còn mới tinh, rớt dưới đất, không ai hay biết, nhưng Tiểu tôi may mắn (hay xui xẻo?) nhìn thấy. Chỉ trong một giây, nụ cười khó quên của vị Bồ Tát biến mất khỏi cái tâm hồn chưa được giác ngộ là mấy của Tiểu tôi. Chạy tới như một tia chớp, Tiểu tôi lượm chiếc vé, đưa cho quý sứ, rồi định chạy vào. Bỗng quý sứ giữ Tiểu tôi lại. “Chắc bị đuổi ra?” – Tiểu tôi thầm lo lắng. Nhưng quý sứ đưa cho Tiểu tôi cái cuống vé, bảo: “Giữ lại phần này, một chút có xỏ số.” Tiểu tôi ngạc nhiên, hỏi: “Sao quý sứ gì mà lịch sự quá vậy?” Quý sứ cười, đáp: “Nếu không, tớ sẽ phải ở địa ngục suốt đời.” Nghe vậy, Tiểu tôi càng ngạc nhiên hơn: “Vậy chứ quý sứ còn muốn đi đâu nữa?” Quý sứ cười: “Qua thiên đàng ở, khỏe hơn.”

Tiểu tôi ngạc nhiên: “Thiên đàng với địa ngục, bên nào hay hơn?” Nhìn Tiểu tôi bằng đôi mắt thương hại, Quý sứ nhún vai: “Tùy! Ai thích bên nào, cứ

chọn bên này.” Tiểu tôi hỏi: “Vây bây giờ muốn ra, có được không?” Quý sứ cười vui vẻ: “Thì cứ ra. Nhưng phải trả vé lại đây.” Nghĩ thấy tiếc vé, Tiểu tôi bước vào. Thế là Tiểu tôi đã ở trong địa ngục.

Bên trong địa ngục, người đông như kiến, tung bưng không biết bao trò vui vẻ. Với những nụ cười nở như hoa mùa xuân trên môi, ai nấy say mê tham gia vào hết trò này đến trò khác. “Ừa, vậy thì đâu là vạc dầu, đâu là tùng xẻo, đâu là...” – Tiểu tôi ngạc nhiên.

Tại một tụ điểm vui chơi có tên là “Bầy Gà trong sân”, người ta phải mua vé, sau đó đi ngang một chiếc máy và biến thành một con gà. Thế là người đó phải mang kiếp gà trong vòng năm phút. Tiểu tôi lên nhìn vào phần “Help” của chiếc computer điều khiển, thấy ghi rõ: “Năm phút ở đây bằng năm năm ở thế gian.” Tiểu tôi cảm thấy ớn lạnh: vậy là những người đó thật sự bị đầu thai làm gà ở thế gian, nhưng họ không biết; họ tưởng là họ đang chơi một trò chơi! Vừa lúc đó, một chú quý sứ mập mạp nhoèn miệng cười với Tiểu tôi: “Vô chơi, chú em. Đang khuyến mãi mà! Mua vé năm phút, nhưng được chơi luôn mười phút!” Tiểu tôi hoảng hồn lắc đầu quây quây: “Dạ hông, hông!”

Gần đó, Tiểu tôi thấy một một tòa nhà khổng lồ, nhiều tầng, treo bảng hiệu: “Trung tâm giải trí Cảm Giác Mạnh”.

Tiểu tôi tò mò đi vào. Tầng trệt có một bản đồ hướng dẫn du khách, gắn trên một bức tường rộng mênh mông. Những chiếc máy tự động bán vé tham gia trò chơi luôn bị những đám đông vây quanh. Khi người ta bỏ tiền vào, thì máy đưa vé ra, kèm tiền thối. Ai bỏ tiền vào thiếu, thì máy chỉ trả lại trọn vẹn số tiền, chứ không chịu bán vé.

Kể ra, máy móc của địa ngục hay thật, hoạt động đúng theo nguyên lý “Tiền trao, cháo múc”.

Tầng 1 là trò chơi “Trồng chuối ngược”, nơi đây, người mua vé phải thi nhau... trồng chuối ngược trên bàn chông, xem ai chịu đựng được lâu nhất. Phần thưởng cho người chiến thắng là được chơi tiếp lần thứ nhì mà khỏi tốn thêm tiền mua vé.

Tầng 2 là trò chơi “Nhảy qua vòng lửa”, trò này rất giống hát xiếc; có điều ai nhảy qua cũng bị cháy phừng phừng, la khóc quá chừng, làm các quý sứ động lòng thương, phải chạy tới xịt bình cứu hỏa để dập tắt giùm.

Nơi tầng 3, chúng sanh có vẻ hào hứng với trò chơi kinh dị “Thám hiểm vạc dầu.” Một chảo dầu rộng bằng hồ bơi, nghi ngút khói đang chờ đợi mọi người. Ai không có tội thì khi nhảy vào vạc dầu sẽ không thấy nóng. Ai có tội, nhảy vào sẽ... mà thôi, cùng lắm thì quý sứ sẽ vớt ra. Đó là quy định của trò chơi. Chắc nhờ vậy mà mọi người yên tâm.

Hơn nữa, đại đa số những người chen chúc quanh vạc dầu chờ đến phiên mình đều tự cho rằng mình chẳng bao giờ có tội lỗi gì.

Tiểu tôi thấy sợ quá, phải vội vàng đi thang máy ra ngoài. Vây đây đúng là địa ngục thú thiết rồi. Mọi hình phạt ở đây đều có đủ cả, chỉ có điều là mỗi người tự hành hạ lấy mình bằng cách tham gia vào những trò chơi chứ không có ai bắt buộc cả.

Đi lang thang một hồi, Tiểu tôi đói meo. Nghe mùi đồ ăn thơm phức từ dãy nhà bên đường bay ra, Tiểu tôi đến gần. Đây là một restaurant hạng sang. Nhưng Tiểu tôi lạnh toát mình khi nhìn thấy tấm bảng quảng cáo: “Đặc sản của xứ sở âm u: Cháo Lú”.

“Minh mà ăn cháo lú vô, chắc quên hết kinh cúng tứ thời quá!” – Tiểu tôi hối hận và tủi thân, ôm mặt khóc thút thít. Tiểu tôi ước gì bây giờ quanh mình không phải là địa ngục, mà là Cơ Quan, với lớp Giáo Lý ám cúng. Sau giờ học, có đói bụng thì xuống quán Định Ý ăn cơm chay thập cẩm với chén canh nội bộ. Chứ sống trong cái không khí vui chơi mê muội của địa ngục này, sao Tiểu tôi thấy cô đơn quá.

“Tại sao con khóc?” – Có tiếng hỏi vang lên trên không trung. “Chắc có một ông Tiên hiện ra?” – Tiểu tôi trầm nghĩ, lòng tràn trề hy vọng. Nhưng nhìn lên thì, ôi không phải. Hiện ra sùng sùng là một ông quý sứ. Nhưng nét mặt của ông

cũng hiền lắm. Nên Tiểu tôi yên tâm phần nào. “Con muốn trở về học lớp Giáo lý, ông ơi!”

Ông quý sứ thở dài: “Con ơi! Ở cái cõi này, muốn làm gì cũng phải mua vé. Muốn đi học Đạo, mỗi lần vô lớp phải mua vé tới mấy trăm ngàn đô, chứ hổng có được học miễn phí như trên thế gian đâu. Nơi đây ăn chơi thì rẻ chứ học hành thì mắc lắm, nhất là học Đạo, bởi vì kiếm mòn mắt cũng hổng ra được một cái lớp học Đạo, con à. Thiệt ra, ở trên thế gian, con đang gặp cơ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn, mới có cái lớp Giáo Lý như vậy để học đó, chứ hổng phải chuyện thường đâu con.”

Tiểu tôi đánh bạo hỏi: “Vậy, hổng biết bên thiên đàng có lớp Giáo Lý hông hả ông?”

“Bên đó thì nhiều vô số, lớp học Đạo ở trình độ nào cũng có hết, từ trình độ hiền nhân quân tử đến các trình độ Thần Thánh Tiên Phật. Nhưng mà bên đó không có chỗ nào để vui chơi lông bông đâu nghen con!” – ông quý sứ trả lời ôn tồn.

“Con không thích vui chơi như ở đây. Con muốn qua thiên đàng.” – “Được” – ông quý sứ gật gù – “Ta sẽ dẫn con qua. Nhưng con có dám xé bỏ tấm vé địa ngục chưa xổ số kia không?” – “Dạ, con xé liền mà.” – “Nè con!” – ông quý sứ can lại – “Nếu con không xé, đêm nay ta dám chắc là con sẽ trúng số độc đắc đó nghe. Người trúng giải sẽ được tặng cả cái Trung tâm giải trí Cảm Giác Mạnh đằng kia. Đó là một tài sản khổng lồ. Cả đời con có thể sống giàu có sung túc ở xứ sở này.” – “Thôi, thôi ông ơi!” – Tiểu tôi kinh hãi và nhanh tay xé nát tấm vé – “Cho con qua thiên đàng, ông quý sứ ơi!” – “Vậy thì đi với ta.” – Ông quý sứ nói.

Đúng lúc đó, từ xa, khoảng một ngàn quý sứ cầm đinh ba chạy tới, đồng thanh hô to: “Bắt nó, bắt nó! Nó muốn thoát khỏi địa ngục kia.”

Thì ra, trong tờ vé địa ngục có một tấm card điện tử với hàng trăm con chip li ti. Khi Tiểu tôi xé tấm card, các con chip đã phát tín hiệu báo động lên các trạm bảo vệ của địa ngục.

Tiểu tôi sợ hãi. Nhìn qua định cầu cứu ông

quý sứ. Nhưng trong lúc nguy biến, hồi ôi, ông quý sứ đã biến mất từ lúc nào.

Những toán đặc nhiệm quý sứ đang tiến đến rất gần. Toàn những chàng quý sứ bụi con như những vận động viên điền kinh tham dự SEAGAMES. Chỉ còn vài chục bước chân nữa thì cái đám đông “lấy quý sứ dè người” ấy có thể dúi ngay vào tay Tiểu tôi những xấp vé khuyến mãi để tham dự trò “Thám hiểm vạc dầu”.

Tiểu tôi cảm thấy mình bắt đầu bị nhồi máu cơ tim. Trong đời, chưa bao giờ Tiểu tôi thấy tuyệt vọng như cái lúc đứng bơ vơ giữa vòng vây quý sứ như thế này.

Đúng lúc ấy, tiếng nói ông quý sứ hiền lành bỗng vang lên vắng vắng bên tai tôi: “Chỉ có đức tin mới có thể đưa con ra khỏi nơi này.” Lập tức, Tiểu tôi thảm niệm danh Đức Chí Tôn.

Như một phép lạ, các đại đội quý sứ hiểu chiến bỗng biến mất, địa ngục cũng biến mất. Thật khó tin. Nhưng bây giờ, rõ ràng Tiểu tôi thấy mình đang đứng trên con đường hẹp. Bên Trái là thiên đàng. Bên Phải là địa ngục. Và trước mặt Tiểu tôi, đây rồi, ông quý sứ.

Tiểu tôi cúi đầu: “Con cảm ơn ông đã giúp con thoát khỏi địa ngục.”

Khi Tiểu tôi ngẩng lên, khuôn mặt của ông quý sứ đã không còn nữa. Thay vào đó là nụ cười hiền hậu của vị Bồ Tát.

Phải, ông quý sứ chính là vị Bồ Tát đã mỉm cười với Tiểu tôi trước khi Tiểu tôi lượm được tấm vé vào địa ngục. Đúng là Ngài đã mượn hình hài của những cư dân trong địa ngục để vào đó mà độ Tiểu tôi.

“Con ơi, ta đã dẫn dắt con hai lần. Lần đầu, trước khi con phạm lỗi, và lần thứ hai, khi con biết ăn năn. Bây giờ, con hãy tự bước đi.”

Vị Bồ Tát trong cánh rừng Thiên chợt biến mất. Bên tai Tiểu tôi vang lên tiếng chuông báo giờ giải lao của lớp Giáo Lý. ■

---

ẢNH MINH HỌA: TÁC PHẨM “NIGHT OPPOSITE” CỦA TÁC GIẢ EMRETURHAL (WWW.DEVIANTART.COM).



# **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2008**

## **CỦA PHÒNG KHÁM BỆNH PHƯỚC THIỆN**

### **CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

*Từ 01-6 Đinh Hợi đến 01-6 Mậu Tý.*

#### ■ KIM TRINH

*BAN BIÊN TẬP: Do Đạo tỷ Kim Trinh đọc tại buổi lễ Kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát 19-6 Mậu Tý và 18 năm ngày thành lập Phòng Khám Bệnh Phước Thiện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (1990-2008) •*

**H**ôm nay, trong bầu không khí thiêng liêng của ngày đại lễ, chúng tôi, đại diện Phòng Khám Bệnh Phước Thiện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Chi Hội Chữ Thập Đỏ 171B Cống Quỳnh, xin kính chào và kính chúc sức khỏe quý quan khách và quý vị đạo tâm về dự lễ.

Hằng năm, vào ngày 19-6 âm lịch, toàn thể nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo với tất cả lòng thành kính thiết lễ Kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và hôm nay cũng là ngày mà Phòng Khám Bệnh Phước Thiện chúng tôi đã tròn 18 năm hoạt động.

Thời gian qua, nhờ vào sự quyết tâm, sự nỗ lực của toàn thể nhân viên Phòng Y tế mà chúng tôi đã vượt qua mọi khó khăn, tạo được lòng tin của các cấp chính quyền địa phương và của bệnh nhân.

Để có được kết quả ngày hôm nay, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của chính

quyền địa phương, quý Đạo trưởng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và quý Đạo tỷ Nữ Chung Hòa, quý ân nhân xa gần và quý đồng nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho Phòng Phước Thiện hoạt động liên tục và hiệu quả đến ngày hôm nay.

Thời gian qua, Phòng Y Tế hoạt động điều hòa, khám bệnh phát thuốc, phát gạo miễn phí. Qua nhiều năm tiếp xúc với bệnh nhân, chúng tôi cảm thấy ngoài những khó khăn về nhân lực và thuốc men, vấn đề làm cho chúng tôi luôn luôn quan tâm là làm sao cho bệnh nhân đỡ tủi thân và khi đi khám bệnh họ không mang một mặc cảm nào.

Trong năm qua, chúng tôi đã thực hiện:

Khám bệnh và cấp thuốc, gạo miễn phí cho bệnh nhân.

Nhân lễ Vu Lan và dịp Tết Nguyên Đán, tặng quà cho bệnh nhân gồm gạo, mì và thực phẩm khác.

Chăm sóc sức khỏe cho các đạo hữu các Thánh sở bạn.

Tham gia chương trình đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình thương, cứu trợ nạn nhân bị thiên tai.

Ủng hộ 03 học bổng Chữ Thập Đỏ cho các học sinh hiếu học có hoàn cảnh khó khăn. Mỗi học bổng 500,000 đồng.

Với nhân sự gồm 03 bác sĩ, 01 y sĩ chuyên khoa mắt và 10 y tá, và giờ làm việc vào 3 buổi chiều trong tuần (thứ ba, thứ năm, thứ bảy), chúng tôi đã thực hiện được:

Số buổi khám: 128 buổi;

- Số lượt bệnh nhân đến khám: 5.123 lượt người;
- Số bệnh nhân khám mắt : 889 người;
- Tổng trị giá thuốc cấp miễn phí: 82.034.445 đồng;
- Tổng số gạo cấp cho bệnh nhân: 1.279,6 kg gạo.

Ngoài ra, trong năm qua, Phòng Khám Bệnh Cơ Quan có giúp:

- Trường Vừa học – Vừa làm phường Nguyễn

Cư Trinh: 1.150.540 đồng tiền thuốc và 200 kg gạo.

- Trường Tình Thương Fatima: 1.531.590 đồng tiền thuốc.
- Thánh tịnh Tân Minh Quang: 1.347.550 đồng tiền thuốc.
- Thánh thất Đồng Quang Trước Cảnh: 315.000 đồng tiền thuốc.
- Thánh tịnh Hiền Thiện Võ: 315.100 đồng tiền thuốc.
- Thánh tịnh Thiên Trước: 2.008.600 đồng tiền thuốc.
- Thánh tịnh Thiện Lạc Thai: 315.100 đồng tiền thuốc.
- Tổ Từ thiện Bến Tre: 1.600.000 đồng tiền thuốc.
- Thánh tịnh Ngọc Minh Đài: 1.800.000 đồng tiền gạo.

Nhiều năm qua, chúng tôi có liên lạc mật thiết với Phòng Từ thiện Thánh thất Thủ Đô Hà Nội và góp phần thuốc men phục vụ bệnh nhân là 3.600.000 đồng.

Tổng số tiền thuốc ủng hộ các đơn vị bạn là 13.983.580 đồng. Tổng số tiền tặng để mua gạo là 12.900.000 đồng. Tổng số gạo tặng đơn vị bạn là 200 kg gạo.

Ngoài ra, nhân viên Phòng Phước thiện cùng Nữ Chung Hòa hợp tác với Tổ Từ thiện Bảo Hòa trong chương trình nấu cơm miễn phí cho các bệnh nhân các bệnh viện: Ung Bướu, Bệnh viện Nhân Dân Gia Định, Trung Tâm Truyền Máu và Huyết Học. Phòng Phước Thiện hợp tác với Tổ Từ thiện Bảo Hòa được 11 năm. Tổng số tiền gạo và thức ăn cấp cho bệnh nhân trong năm qua là 11.000.000 đồng.

Đến hôm nay Tổ Từ thiện Bảo Hòa nhờ sự giúp đỡ của quý vị ân nhân đã có xe đưa rước miễn phí cho các bệnh nhân neo đơn về quê. Tại đây thường xuyên có người nước ngoài tham gia công quả nấu cơm.

Chúng tôi luôn luôn ước mong được phục (XEM TIẾP TRANG 71)

# MỘT CUỘC PHÒNG VẤN KHÁC THƯỜNG

**LTG** Nhân mùa Trung Nguơn xá tội, xin ghi lại đây một câu chuyện có thật về những vong linh chưa giải thoát, vẫn còn quanh quẩn đâu đó chung quanh chúng ta, có dịp lại nhập vào xác người khác. Mục đích của câu chuyện này là để chúng ta hiểu hơn về một thế giới vô hình – thế giới của âm hồn, để thấy rằng các vong linh chưa giải thoát vẫn còn rất đông, rất cần sự cầu nguyện, nghe kinh, hiểu Đạo, và phần nào được sự bình an trong tâm hồn, sớm giải thoát cho một kiếp sống mới tinh tấn hơn.

## ■ TUYẾT HOA — BẢO TRÂN

Vốn nghe nhiều câu chuyện về các vong linh nhập hồn vào người sống để xin nhập môn hay thuần túy để nói chuyện với người trần; để tìm hiểu rõ ràng sự việc, ngày 12-5-2002 (01-4 Nhâm Ngọ), chúng tôi quyết định làm một chuyến về Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn, nơi được nhắc đến thường xảy ra những câu chuyện như thế với hy vọng sẽ gặp được nhiều đạo hữu đã từng trò chuyện với các vong hồn mượn xác người...

Rất may mắn, khi vừa đến nơi, chúng tôi được biết hiện có một đạo hữu nữ bị một vong linh nhập vào và hiện loanh quanh trong Thánh tịnh.

Trong căn phòng sinh hoạt tập thể, chúng tôi khó nhận ra người nào là đang bị vong linh khác nhập vào, vì tất cả trông có vẻ cũng bình thường. Khi được chị Bạch Như làm ám hiệu len lén chỉ cho thấy, chúng tôi mới chú ý quan sát chị Hồng An Hương (chị Hồng). Gương mặt chị Hồng hơi xanh hơn bình thường, mắt lăm lét nhìn chúng tôi. Lúc đầu “chị Hồng” có vẻ né tránh nhưng sau khi chúng tôi lấy can đảm

trình bày mục đích của chuyến đi thì vong linh ấy mới chịu nói chuyện.

Có thể nói đây là một buổi phỏng vấn bất thường.<sup>1</sup> Chúng tôi bắt đầu với lời giới thiệu:

– Mình tên Tr. còn bạn này là H. Chị tên gì?

– Anh chú không phải chị – chị Bạch Như đính chính.<sup>2</sup>

Vong linh ấy vỗ nhẹ vào chị Bạch Như về mắc cỡ: “Đâu cần phải nói ra, người ta muốn gọi gì thì gọi.” Chúng tôi xin lỗi và hỏi lại:

– Anh tên gì? Bao nhiêu tuổi? Nhà ở đâu?

– Nguyễn Văn Hùng, 28 tuổi, nhà ở ấp Ngãi Thuận, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. – Vong linh nói năng cụt ngủn, có lẽ một phần ngại ngại vì bị phỏng vấn, một phần do thói quen ăn nói khi còn sống.

– Khi sống anh ở với ai? Với gia đình, cha mẹ? Hùng gật đầu.

– Khi sống anh làm nghề gì?

– Làm mướn.

– Nhưng cụ thể là nghề gì? Làm ruộng hả?

– Làm đủ thứ.

– Nghĩa là ai kêu gì làm nấy?

Hùng lại gật đầu.

Chúng tôi hơi ái ngại khi hỏi về nguyên nhân anh ta chết.

– Mà... anh mất vì lý do gì?

1. Do chúng tôi ghi lại cuộc phỏng vấn sau khi về thành phố nên thứ tự câu hỏi có thể không mạch lạc 100% nhưng vẫn đảm bảo câu trả lời của vong linh là những gì chúng tôi nghe được hầu làm câu chuyện tham khảo sau này.

2. Xác là chị Hồng, nhưng vong linh nhập vào xác lại là nam.

– Buồn, tự tử.  
 – Lúc đó anh bao nhiêu tuổi?  
 – 20, 21 tuổi.  
 – Thế anh có hối hận không?  
 – Hối hận chớ, bây giờ không nơi nương tựa.  
 – Mà sao anh nhập vào chị Hồng?  
 – Tại ham vui. – Hùng cười kiểu đùa giỡn.  
 – Rồi anh nhập vô chị Hồng bằng cách nào?  
 – Thì mình đẩy người ta ra, mình vô. Biết lúc không vô, tôi ở đâu không? Ở đây nè! – Hùng lấy tay chỉ vào ngón chân cái của bàn chân trái.  
 – Có lúc chỉ vô một nửa thôi, người ta lách qua, mình vô. – Hùng tiếp.  
 Lúc này Hùng đang ngồi trên chiếc giường gỗ, lưng tựa vào vách, chân phải duỗi thẳng, chân trái cong lại bắc lên chân phải, không một tí khép nép, đúng là không phải tư thế của một người phụ nữ.  
 – Lúc đó chị Hồng đi đâu?  
 – Đâu có đi đâu?  
 – Chỉ (chị Hồng) mê?  
 Hùng gật đầu, trả lời thêm:  
 – Cũng giống như ngủ.”  
 – Rồi nhập vô người ta, Hùng thấy sao?  
 – Mình cũng thấy có lỗi với chỉ vì mình mượn xác người ta, cũng mang ơn.  
 – Thế chị Hồng biết không?  
 – Biết chớ sao không?  
 – Chỉ có thấy phiền không?  
 – Phiền chớ!  
 – Kiểu như bực mình?  
 – Bực mình gì, chửi là đảng khác.  
 – Mà sao Hùng vào được chị Hồng mà không nhập vào người khác?  
 – Tại chị Hồng yếu.<sup>3</sup>  
 – Với lại tại hợp? – Chúng tôi hỏi.  
 – Với lại quen rồi, giống như người ta vào được cứ quen đường. Nhưng bà cũng khôn lắm nha. Có mấy lần bà nằm (bệnh) kéo màn bàn

thờ ra, rồi niệm danh Đức Cao Đài nên tui đâu có vào được. – Hùng vừa gật đầu, vừa nói.

– Anh nhập chị Hồng thường không?

Hùng cười cười như muốn xác nhận là nhiều (về sau những câu chuyện của Hùng cho thấy Hùng mượn xác chị Hồng rất nhiều lần).

– Lần trước nghe nói anh cũng có mặt trong buổi tốt nghiệp ở đây phải không? (Ý tôi muốn hỏi về buổi lễ tốt nghiệp lớp Tu sĩ tại Thanh Tịnh Đàn vừa được tiến hành tối 13-4-2002 (01-3 Nhâm Ngọ) Có mấy người?)

– Nhiều lắm, bữa đó vui ghê! Tui có đứng nghe ở đằng sau này, hồi tập đàn, biết không?

– Hùng chỉ tay về vị trí gian nhà sau nơi chúng tôi tập dợt lại bài hát trước khi trình diễn. – Hát hay ghê!

– Anh đứng chỗ nào? Ngồi lên đàn? – Bữa đó ban Nhạc Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có mang theo cây đàn organ.

– Đâu có, ai mà ngồi lên đàn, tôi đứng cạnh bên cây đàn. Hay ghê, tính xin cây đàn đó.

– Sao cho được? – Tôi nói với vẻ bất ngờ vì không nghĩ một vong linh lại đi xin một cây đàn.

– Sao không được?

– Sao cho được? Nếu cho thì làm sao xách về? Làm sao đánh? – Tôi cũng nghĩ ra một cách trả lời hợp lý chứ không thể trả lời đồ đặc của người khác làm sao cho được.

Tôi lại hỏi:

– Vào hội trường có mấy người, nghe nói bữa đó anh và bạn anh đứng chỗ cây đàn luôn phải không? Thấy mấy huynh của Cơ Quan thế nào?

Chị Bạch Như xen vào giải thích:

– Chỉ hỏi mấy người từ thành phố xuống đó. Có quen ai không?

– Không quen ai hết. Mấy người về đây chắc cao lắm, thấy... khác. – Hùng trả lời đại khái.

– Thấy đạo huynh hồi sáng ra sao, nói mấy chỉ nghe. – Chị Bạch Như nhắc đến một đạo huynh ở Cơ Quan do lúc sáng đạo huynh có nói chuyện với Hùng.

– Lần đầu gặp hơi sợ.

3. Chị Hồng vì có chuyện buồn gia đình nên bệnh và sức khỏe yếu đi trong một khoảng thời gian khá dài.



– Sao sợ? – Chúng tôi thắc mắc.

– Thần mạnh quá. Lúc đầu thấy khó chịu, nói chuyện một hồi thì hết.

– Bữa đó Ôn Trên có về không? – Tôi cũng tò mò, ý muốn biết trong buổi lễ tốt nghiệp có đáng Thiêng Liêng nào “chúng giám” hay không.

– Có đông lắm.

– Bạn anh đông không? Ra sao?

– Hằng hà sa số.

– Đẹp trai không? – Chị Bạch Như hỏi đùa vì hình như Hùng đã từng kể chuyện này cho mọi người.

– Thành Bông trắng trẻo đẹp trai. Tôi thì đen thui nhưng có duyên. – Hùng cười cười.

– Đen thiệt không? – chị Bạch Như hỏi như khuyến khích Hùng kể thêm về mấy vong linh.

– Nhưng có duyên, đen vậy mà không thấy!

– Hùng quên rằng chúng tôi làm gì thấy Hùng, chỉ thấy xác thịt của chị Hồng và cử chỉ, lời nói của Hùng mà thôi.

– Mà sao Bông chết? – Tôi hỏi.

– Cũng tự tử.

– Giờ thành Bông đâu? – Chị Bạch Như hỏi tiếp.

– Nó vô trong kia rồi – Hùng vừa nói vừa ngó ngó vào hội trường xéo căn phòng. Ý Hùng muốn nói Bông đã vào hội trường, nơi các thanh thiếu niên đang tập hát này giờ.

– Anh và các bạn chỉ đi quanh quần trong Thánh tịnh chứ đâu vào bừ điện được phải không? – Tôi hỏi.

– Hồi đó không được bây giờ thì tui vào được rồi. Tui nhập môn rồi chứ bộ. Nhưng không có tu, bây giờ thì tu rồi.

– Kể cho mấy chỉ nghe chuyện cúng chiến sĩ trận vong. – Chị Bạch Như và một số chị khác nói vô để Hùng kể lại những chuyện mà Hùng đã kể cho các chị nghe từ những lần nhập xác trước.

– Ủ, bữa đó ở đây đọc kinh hay lắm nha. Đông người tới ngoài cửa lăm, lúc đầu mình sợ đồ ăn không đủ, nhưng trong kinh có câu gì mà “của

Thiên không thiếu”, thì có ông gì như giống Tề Thiên xuống cho thức ăn. – Ý Hùng nói các vong linh đến nghe kinh và hưởng thức ăn trong buổi cúng cầu siêu.

– Đúc Tề Thiên ban thức ăn gì? Đủ không? – Tôi cũng không chắc Hùng đang nói đến đáng Thiêng Liêng nào.

– Cho bánh tét, tại ở đây cúng bánh tét. Đủ...

– Đúc Tề Thiên ra sao?

– Lúc đầu đầu biết đâu, nghe mấy đứa kia nói mới biết.

– Kể mấy chỉ nghe bữa đi Vĩnh Nguyên Tự – Chị Bạch Như lại nhắc.

– Ủ, bữa đi Vĩnh Nguyên Tự vui ghê, đông lắm, ở đó giảng Đạo hay hơn ở đây. Bà này để cho tôi một ghế trống. – Hùng chỉ vào chị ngồi cạnh chúng tôi.

– Rồi Hùng thấy được cái gì? Người bình thường thấy không? Nghe được không? Thấy ở đó có vị Thần không?

– Nghe cũng bình thường. Ở đó có nhiều Thần lắm.

– Thấy quý vị ở đây ra sao? Thần mạnh không? – Ý tôi muốn hỏi Thần trong Tinh, Khí, Thần.

– Ở đó ai cũng có bùa hết. – Hùng trả lời. Sau này thì tôi mới hiểu đây có thể là những cái có được từ việc họa phù khi tham thiền.

– Có còn công quả coi xe không? – Các chị khác trong Thánh tịnh hỏi.

– Cũng còn, coi chừng xe cho người ta. Coi chừng ăn trộm buổi tối.

– Rồi lỡ ăn trộm vô rồi sao? Chẳng lẽ hù người ta? – Tôi hỏi.

– Không, kêu người ta dậy. – Ý Hùng nói sẽ kêu người trong Thánh tịnh dậy.

– Kêu bằng cách nào?

– Đập cửa.

– Đập cửa nghe không?

– Nói vậy chứ đâu có đập, chân tay đâu mà đập. Minh kêu, thổi phù phù đánh thức người ta dậy.

Hùng còn kể cho chúng tôi nghe một lần

Hùng nhập xác chị Hồng, thì bị gia đình chị Hồng dụ đến một ngôi nhà rồi nhờ người làm phép nhốt (vong linh) Hùng vào đó. Hùng đoán được trước nên khi đến cửa Hùng (xác chị Hồng) đã treo lên cây dừa hù dọa gia đình là sẽ nhảy xuống cho chết. Cũng vào một lần khác tương tự, Hùng (chị Hồng) đứng trên cầu đòi nhảy xuống tự tử nếu gia đình chị Hồng còn có ý muốn nhốt Hùng lại.

Hùng cũng nói sau này Hùng định sẽ không nhập chị Hồng nữa mà sẽ theo chị để bảo vệ cho chị Hồng. Bây giờ nghĩ lại, chúng tôi thắc mắc tại sao Hùng vẫn muốn đi theo chị Hồng, hay là đợi lúc nào “ham vui” thì lại mượn xác người ta?

Sau cuộc nói chuyện với chúng tôi, Hùng vào hội trường để tham dự phần sinh hoạt của các huynh tử sở tại. Mọi người cứ tự nhiên, xem Hùng như “chị Hồng” bình thường.

Cuối buổi chiều, Hùng lẳng lặng thoát ra khỏi xác, trả lại cho chị Hồng.

### PHẦN CUỐI CỦA CÂU CHUYỆN

Nhờ học giáo lý Cao Đài, chúng tôi đã từng được biết về những cõi thượng Thiên cũng như cõi vô hình. Nhưng qua chuyến đi thực tế này, chúng tôi càng hiểu hơn về thế giới âm nhơn, chứ không còn mê tín, huyền hoặc như kiểu sợ ma mà người đời hay nghĩ. Cụ thể như:

Vong linh cũng như người bình thường, cũng hỉ, nộ, ái, ố... như hồi còn sống (Hùng thấy vui khi có dịp đông người, xin cây đàn... Cách nói chuyện có phần giống như thanh niên ngoài đời, có phần hơi bậm trợn), chỉ có khác người là không có xác thật mà thôi.

Vong linh nếu có tâm tu hành thì vẫn có thể làm công quả, rèn luyện tâm hạnh để được siêu thoát và tu tiến.

Người bị mượn xác sẽ ở trong trạng thái mê, như ngủ (nếu so sánh với việc đồng tử cũng mê thì cũng có phần tương tự).

Vong linh cũng cần khoảng không gian giống con người (đi Vĩnh Nguyên Tự cần có chỗ để

ngồi). Việc này làm ta liên tưởng đến Đức Linh Quang Thổ Địa phải đu bám xe khi đi hành Đạo cùng các phái đoàn hành đạo khi xưa, do chúng ta đã không biết dành chỗ riêng khẩn nguyện mời Ngài.

Thế giới âm nhơn là một thế giới có thật, sống động và “phức tạp” như thế giới của người sống. Những gì chúng ta đang làm như cúng kính, đọc kinh, cầu nguyện,... với cả tâm thành hồi hướng, sớm muộn gì thì những ý lành, điển lành ấy cũng đem lại sự nhẹ nhàng, giải thoát cho chính các vong linh. Xin cầu nguyện được như thế.■

## TRANG THƠ

# Bao giờ?

■ VIỆT THU

Lầm lũi đi giữa cuộc trần,  
Tu sao cho hết nợ nần thế gian;  
Để ngày quày gót rảnh rang,  
Đường mây nhẹ bước thênh thang non bồng.  
Cõi trần hư ảo sắc không,  
Bèo mây tan hợp long đong kiếp người;  
Thế tình dâu biển đầy vơi,  
Trăm năm mộng mị một đời xót xa.  
Giữa trời đất rộng bao la,  
Cô đơn thức giấc âm ba giọt sầu;  
Làm thân lũ khách đêm thâu,  
Nửa hồn trôi giạt điệu sầu nhân gian  
Bao giờ hết kiếp lang thang,  
Vĩnh hằng trở lại dặm ngàn quê xưa.■



# chuyến công quả tại DƯỠNG LÃO ĐƯỜNG QUY THIỆN

■ XUÂN MAI

Cơ Quan Phổ Thông Giáo  
Lý ngày...

Bích Thuận thân mến,

Ngày thứ bảy 24 tháng 6 năm Mậu Tý vừa qua là một ngày thật sự tốt đẹp và đầy ý nghĩa đối với mình và quý huynh tỷ đệ muội đã tham dự chuyến công quả tại dưỡng lão đường Quy Thiện. Mình rất tiếc chuyến đi này thiếu mẹ của Bích Thuận vì đạo tỷ phải ở lại phụ công quả cho ngày lễ

Đức Quan Thánh tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà! Mình cũng hơi tiếc cho bạn chưa được một lần cùng tham gia những buổi công tác xã hội như thế này vì bạn không có mặt ở Việt Nam, nhưng mình biết bạn lúc nào cũng hướng tâm lòng thương yêu về đất nước, về quý Đạo trưởng tiền bối phải không?

Sau hai tuần chuẩn bị khăn trương và hết sức chu đáo của

các thành viên, từ quyền góp tiền mua lương thực, thực phẩm để làm quà tặng như mì gói, dầu ăn, nước tương, gạo... và các thực phẩm cho việc nấu 2 bữa ăn ngon cho quý đạo trưởng tại dưỡng lão đường, công việc đã được viên mãn đúng như kế hoạch của Đạo huynh phụ trách nhóm Tiến Đức Tu Nghiệp.

Thế là giờ “G” cũng đã đến. Đúng 6 giờ sáng mọi người đã



có mặt đầy đủ danh lễ Đức Chí Tôn, xin ban ơn cho chuyến đi được an lành, thuận lợi. Sau đó, các thành viên nhanh chóng đưa lên xe hàng hoá và mọi thứ cần dùng.

Đường đi khá xa, đến hơn 100 km, nhiều đoạn đường đang thi công dở dang, nào là ổ gà, đất đá lởm chởm, bụi đường mịn mù... làm mọi người cứ được dịp tung lên thác xuống đèo liên tục. Thực phẩm để phía sau xe đều bị xóc lên từng lúc. Thiệt thòi nhất là các bạn thanh thiếu niên an toạ ở băng ghế sau cùng cứ bị bắn lên, thầy xuống liên hồi. (Hi hi! ráng chịu thôi, thanh niên mà! Vả lại công quả phải khó nhọc mới được.) Cuối cùng xe cũng đến được địa điểm đúng giờ đã hẹn: 8g45 phút.

Một hình ảnh hết sức cảm động và bất ngờ cho các em thanh thiếu niên khi nhìn thấy quý Đạo trưởng lớn tuổi, chậm chạp từng bước một bước ra chào đón phái đoàn. Hai tay bắt chặt từng thành viên của đoàn, nói lời chào hỏi mà không ai nghe được gì. – “Con không nghe được – thương quá, Đạo trưởng lớn tuổi lắm rồi phải không mẹ?” – Như Quỳnh hỏi.

Mọi người đang chào hỏi, vấn an sức khoẻ quý vị thì có tiếng nhắc nhở của trưởng đoàn – Đạo huynh Đạt Tường – “Các em rửa mặt cho mát, nghỉ ngơi 10 phút rồi bắt tay ngay

vào việc như đã được phân công nhé!”

Các Đạo tỷ Thanh Tùng, Thanh Dung, Võ thị Hạnh, cùng các em Xuân Mai, Đinh Thị Hiệp, Trúc Thảo, Bảo Trân, Kim Ngân, Hoàng Yến xuống nấu ăn tại bếp. Phần các em nam tập kết quà tặng vào bên trong hội trường. Thúy Anh, Như Quỳnh, Thanh Trúc chỉ có 30 phút để đóng gói 70 phần bánh kẹo cho các em tại sóc Bàu Éch, sau đó tăng cường lực lượng cho nhóm nấu ăn.

Tất cả khẩn trương để kịp mời quý vị chức sắc, chức việc hưu dưỡng dùng cơm đúng 10 giờ theo thường lệ. Theo kế hoạch, đến 11 giờ bắt đầu chương trình văn nghệ giúp vui; 11g45 lên đường đến Điện Thờ Phật Mẫu Trường Tây để 12 giờ thăm viếng và tặng quà cho 90 người già và tàn tật; 14 giờ thăm viếng và sinh hoạt với con em gia đình đạo hữu gốc Campuchia; 15 giờ quay lại Dưỡng lão đường để nấu cơm chiều cho kịp giờ ăn lúc 16 giờ. Ới chao ơi! Nghe qua tưởng như phải chóng mặt nhưng sao Thúy Anh và Như Quỳnh lại nheo mắt, nhìn nhau cười tươi, chắc hai em tự tin vào sức chiến đấu của mình. Đúng là thanh thiếu niên có khác! Và hai em cũng nhanh chóng bắt tay vào việc được phân công trước nhứt – mở các bao kẹo để phân chia.

Công việc nấu ăn ở bếp

cũng khẩn trương không kém. Chị Thanh Tùng đề nghị nổi lửa lên ngay, phải 3 bếp một lúc mới được, vì chỉ có thời gian 45 phút cho mọi việc. Thật đáng phục cho sức khoẻ và lòng nhiệt thành của chị. Đêm qua chị ấy đã thức khuya chuẩn bị, sáng sớm hôm sau lại tranh thủ vào siêu thị Métro để mua bánh mì mới ra lò vừa ngon vừa rẻ, giờ vẫn thoản thoắt liên tục bên công việc. Trước giờ ăn, chị vẫn chu đáo xếp 18 phần ăn cho quý Đạo Trưởng bên Trại Liệt do già yếu, bệnh tật không còn đủ sức đến tận nhà ăn tập thể.

Bữa cơm trưa thật là ấm cúng và vui vẻ. Các Đạo tỷ tại đây vừa ăn vừa hỏi han về gia đình của các thành viên trong đoàn. Mình cứ lo lắng không biết quý vị dùng cơm có ngon miệng không, có vừa ý không? Nhưng cũng như mình, khi các bạn khác hỏi thăm, quý vị đều nói – ngon lắm.

Chị Thanh Tùng hỏi:

– Mà sao quý tỷ ăn bánh mì với ragoût ít vậy? Lại ăn với cơm?”

– Tại ăn cơm quen rồi! – Một vị trả lời.

– Đạo tỷ ơi! Mì xào có mềm không ạ! – Mềm lắm! Đừng lo.

Cơm trưa vừa xong, chỉ có 15 phút sau thì chúng mình nghe tiếng của Đạo muội Bảo Trân – người phụ trách chương trình văn nghệ – mời quý Đạo trưởng vào vị trí ngồi để ban

văn nghệ cây nhà lá vườn phục vụ giúp vui. Đạo huynh Chánh Tâm lần này gõ ghê! Biểu diễn xuất sắc 2 bài ca cổ “Vu Lan nhớ mẹ” và “Nỗi lòng Thái Tử Tất Đạt Đa” với giọng ca thật ngọt ngào truyền cảm, nội dung bài rất hợp với thời điểm tháng 7 Vu Lan – mùa báo hiếu đã làm nhiều Đạo trưởng cảm động, rơi nước mắt. Mười bốn thành viên của đoàn cũng chính là mười bốn diễn viên nghiệp dư xuất sắc không kém, trình bày thật nhiệt tình, thật khí thế 3 bài hợp ca.

Bài Vạn Thảo Ca rất có ý

nghĩa Thuận ạ! càng hát càng thấy thấm thía. Mong sao mỗi người chúng ta đều là một loài hoa hợp với muôn ngàn loài hoa khác, đem sắc màu tươi thắm yêu thương đến với mọi người.

Nhưng thật cảm động và hết sức ngạc nhiên cho tất cả mọi người có mặt hôm ấy là sự hoà nhịp và tham gia hát tặng cho đoàn của một Đạo tỷ tại đây. Tuy tuổi đã cao, sức yếu nhưng giọng ca của Đạo tỷ vẫn còn rất hào hùng, nhiệt huyết, thể hiện tâm đạo luôn hướng về mối đạo Trời. Năm em thanh thiếu niên Như

Quỳnh, Thúy Anh, Kim Ngân, Hoàng Yến và Thanh Trúc được huynh trưởng đoàn phân công thay mặt cho đoàn trao tận tay từng vị bao thơ món tiền nhỏ bé nhưng chứa đựng đầy tình cảm yêu thương của đàn em tiếp nối.

Sau khi chấm dứt phần văn nghệ, đoàn khởi hành đến Điện Thờ Phật Mẫu Trường Tây đúng 12 giờ, được Ban Cai Quản tiếp đón, tường thuật tình hình sinh hoạt, tu học của hơn 90 người già, neo đơn, tàn tật. Đoàn đã gửi tặng phẩm gồm 100 kg gạo, 40 thùng mì gói chay, 20 lít dầu ăn, 40 chai nước tương cùng 1 triệu đồng tiền mặt để hỗ trợ thêm bữa ăn cho những vị lớn tuổi sống tại đây. Điều đặc biệt nhất là với tấm lòng ước mong được chia sẻ khó khăn, được an ủi động viên với người khổ hạnh, đoàn đã đến tận giường thăm hỏi và trao tận tay những món quà tặng tuy hết sức nhỏ bé nhưng đã gửi gắm vào đó tất cả sự cảm thông và thương yêu của những người anh em cùng chung một Đấng Cha Lành. Các bạn thanh thiếu niên đã tỏ rõ sự ân cần và trân trọng khi trao tặng quà cho quý huynh tỷ bằng những câu: “Chỉ là món quà mọn, hết sức nhỏ bé của chúng con thôi ạ! Mong đạo huynh, đạo tỷ được khoẻ mạnh.”

Chuẩn bị rời Điện Thờ Phật Mẫu Trường Tây, đoàn đã liên lạc bằng điện thoại báo tin sẽ đến sóc Bàu Ếch ngay. Vừa đến



nơi, đoàn đã thấy các em nhỏ túa ra reo hò chào đón. Nhìn các em bé cởi trần chân đất, da sạm nắng, có em nước da đen giống như cột nhà cháy vui đùa chạy quanh các thành viên của đoàn, mình thấy chạnh lòng thương cho các em còn cực khổ quá. Trong khi các thành viên của đoàn vận chuyển gạo, bánh kẹo từ xe xuống để hỗ trợ cho các hộ gia đình khó khăn và làm quà cho các em, Đạo huynh Đạt Tường lên tiếng tập hợp các em lại: “Các em trở về nhà mặc áo vào rồi đến đây sinh hoạt nhé! Em nào có mặc áo mới được cho sinh hoạt và nhận quà tặng”. Chỉ cần 5 phút, hơn 60 em đã tập trung, đa phần vào độ tuổi từ 5 đến 12 tuổi. Chắc chắn một điều rằng không thể tìm được một em nào béo phì hay có da có thịt ở cái sóc nghèo khó này. Các em đều rất gầy và đen sạm.

Buổi sinh hoạt bắt đầu. Trước tiên, các em được ôn tập lại vài chi tiết về danh hiệu của Đức Chí Tôn. Sau đó Đạo huynh Đạt Tường chỉ dẫn các em hiểu biết về tượng thờ Đức Quan Thánh Đế Quân trên Thiên bàn và ý nghĩa ngày lễ vía 24 tháng 6 âm lịch. Nhiều phần thưởng được trao tặng cho các em đã đáp đúng các câu hỏi ôn tập cũng như học kiến thức mới. Nhìn các em reo hò vui thích mỗi khi được tưởng thưởng ai nấy đều thấy phấn khởi, hân hoan trong lòng.

Sau cùng là phần thực hành,

các em được ôn cách bắt ấn tỳ, đánh lễ Thầy trước Thiên bàn tại nhà của Đạo huynh Phó sóc. Các thành viên trong đoàn chia nhau giúp các em điều chỉnh cho đúng tư thế quỳ và cách chấp tay.

Đúng 15g, đoàn trở về để chuẩn bị bữa cơm chiều tại Dưỡng Lão Đường Quy Thiện. Rau sà lách trộn dầu dấm chấm với thịt kho tàu (bánh mì và bí xanh), chả đậu hập, bát canh thập cẩm nóng hổi giữa buổi chiều mưa càng làm bữa cơm chiều thêm thi vị và ấm áp tình đồng đạo.

Cuộc hội ngộ nào cũng đến lúc phải chia tay. Đoàn từ già quý vị hưu dưỡng trong sự kính thương và lưu luyến. Các em thanh thiếu niên cứ bịn rịn và không nén được sự xúc động khi quý Đạo trưởng tiễn chân đoàn ra đến tận cửa, tay nắm chặt tay. Xe đã lăn bánh rồi mà những bàn tay khô cằn ốm yếu cứ mãi vẫy vẫy dõi theo.

Bích Thuận thương,

Cũng như mọi người, cảm nhận của mình sau chuyến đi là thật vui, ấm áp với một ngày thứ bảy đầy ý nghĩa. Nhưng quan trọng hơn hết là hiệu quả tác dụng giáo dục to lớn đã đến với các em thanh thiếu niên:

Hình ảnh của chư vị chức sắc, chức việc hưu dưỡng với những lời ngậm Thánh giáo của quý Đạo tỷ đã làm nổi bật lên tấm lòng “thương Thầy tin Đạo”.

Tận mắt nhìn thấy số

lượng người già hay bệnh tật ở Trường Tây, các em cảm nhận được sự hy sinh tích cực của những đạo hữu đến công quả chăm sóc.

Nhìn ánh mắt sung sướng, sự nhiệt thành của các em bé nơi sóc Bàu Éch khi tham gia đồ vui và thực hành lạy Đức Chí Tôn đã giúp cho các em thanh thiếu niên thấy được sự may duyên của bản thân khi được sống trong gia đình đầm ấm và nhứt là có đủ điều kiện để học hành từ đời cho đến đạo, vì được biết phần đông các em ở sóc này không lên học cấp 3 mà phải đi bán vé số hay đi làm mướn để phụ cha mẹ.

Đường về, mưa bay mù mịt nhưng không khí trong xe hết sức ấm áp. Mọi người dường như không thấy mệt chi cả. Trên xe, toàn là tiếng cười vui vẻ, cùng nhau chơi trò chơi phỏng vấn của Bảo Trân đưa ra. Xe về đến Cơ Quan gần đúng 19g, kịp lúc cho các huynh tỷ Ngoại Giao Vụ tham dự buổi sinh hoạt câu lạc bộ ngoại ngữ hằng tuần.

Thư đã dài, mình hẹn sẽ kể tiếp cho Thuận biết những hoạt động tu học khác của nhóm Tiến Đức Tu Nghiệp nhé.

À, em Thúy Anh, con chị Trúc Thảo nhận được học bổng, sắp sang Hoa Kỳ du học ở bang Texas. Nhờ Bích Thuận liên lạc và hướng dẫn thêm cho đàn em tiếp nối nhe.

Thân chào bạn. ■



# Báo Hiếu

Làm người phải hiếu thảo với cha mẹ, vì cha mẹ là người đã sinh ra, nuôi dưỡng và dạy dỗ ta nên người, tức là ta đã thọ nhận công ơn lớn của cha mẹ. Công lao cha mẹ gồm trong chín chữ: “sinh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc”.

“Nhớ ơn chín chữ cao sâu,

Một ngày một ngả bóng dàu tà tà.” (Truyện Kiều)

Từ khi còn là giọt máu trong bụng mẹ đến khi cất tiếng khóc chào đời, con người đã phải thọ nhận công ơn trời biển của mẹ như trong dân gian vẫn thường hay nhắc nhở:

“Nặng nề chín tháng cưu mang

Công sinh bằng vượt biển sang xứ người.”

Sinh con ra đã là khó khăn, nuôi con còn là cả một công trình của cha mẹ, bởi vì:

“Chim Trời ai dễ đếm lông

Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.”

Báo hiếu là sự biểu hiện phẩm hạnh đạo đức của mỗi con người. Trong xã hội, luôn luôn tồn tại hai hoạt động mang ý nghĩa dường như trái ngược nhau song lại gắn bó chặt chẽ với nhau đó là làm ơn (ân) và trả (báo) ơn (ân). Người xưa đã dạy: “Có hai điều dứt khoát phải làm, một là phải quên đi khi mình giúp đỡ người khác, hai là phải ghi nhớ, phải trả ơn khi người khác giúp mình.” Hành động làm ơn và trả ơn là không thể thiếu được trong bất cứ xã hội nào, bởi vì trong cuộc sống, con người không thể tồn tại một cách độc lập, mà phải luôn tồn tại trong mối tương quan, trong sự gắn kết giữa các cá nhân với các chủ thể khác. Do đó, con người nếu đã hiếu nghĩa với

cha mẹ, họ hàng thì không thể không yêu quý quốc gia; thầy cô, bè bạn; và mở rộng ra là với toàn thể chúng sinh, đồng bào.

Cùng với báo hiếu cha mẹ, ba điều này hợp thành khái niệm: “Tứ ân” trong Phật giáo. Đó chính là:

- Ôn cha mẹ là ơn sinh thành dưỡng dục.
- Ôn thầy cô là ơn dạy dỗ những kiến thức, những điều hay, lẽ phải.
- Ôn quốc gia xã hội là ơn đảm bảo, giữ gìn môi trường sống hoà bình, ổn định.
- Ôn chúng sinh, đồng bào là ơn những người đã sản xuất ra của cải vật chất để cho chúng ta tồn tại, phát triển.

“Thân người gốc ở mẹ cha,  
Trái bao cay đắng cũng là vì con.  
Công ơn như biển, như non,  
Đạo làm con phải lo tròn hiếu tâm.  
Báo đền trả nghĩa ân thâm,  
Những điều hiếu nghĩa trọng tâm nghĩ bàn.  
Người ta sống ở thế gian;  
Bao nhiêu hưởng thụ bấy nhiêu ơn nhờ.  
Ôn dân, ơn nước, ơn người,  
Ôn thầy, ơn bạn, ơn đời giúp ta.”<sup>1</sup>

Đã ý thức được công ơn sinh thành dưỡng dục lớn lao của cha mẹ, bốn phận làm con là phải đền đáp công trời biển của đấng sinh thành, tức là báo hiếu với mẹ cha.

## **BÁO HIẾU THẾ NÀO?**

Chính Đức Phật đã từng nhiều lần dạy: “Này các Tỳ kheo, có hai người mà ta không thể trả cho hết ơn đó là chính là cha và mẹ.” Với ơn nghĩa sinh thành ấy, chúng ta dù có “trăm nghìn muôn kiếp tán xương róc thịt ra để phụng dưỡng cha mẹ cũng vẫn chưa đền đáp được”.

“Ôn cha cao như núi Thái sơn  
Đức mẹ hiền sâu rộng bể khơi  
Dù cho dâng cả một đời

Cũng không trả được ơn trời sinh ra.”

Hay là:

“Đố ai đếm được lá rừng  
Đố ai đếm được mấy tầng trời cao  
Đố ai đếm được những vì sao  
Đố ai đếm được công lao mẹ hiền.”

Sự hiếu nghĩa của con cái đối với cha mẹ không chỉ được thể hiện trong sự cung phụng về vật chất mà còn trong lĩnh vực tinh thần. Cha mẹ cần tình cảm và sự chăm sóc của con cái: “Trẻ cậy cha, già cậy con”. Vì thế, bên cạnh việc lo chu đáo “miếng cơm, manh áo” cho cha mẹ, chúng ta cần phải “sớm viếng, tối thăm”, trò chuyện, vấn an cha mẹ để cha mẹ thật sự vui vẻ an hưởng tuổi già.

Tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu của Trung Quốc, được Lý Văn Phúc diễn nôm, thuật lại gương hiếu tử của 24 người con Trung Quốc, đời đời được mọi người ca ngợi, lấy đó làm gương, trau dồi đức hạnh. Trong đó, truyện Ngô Mạnh Tông, người Giang Hạ, đời Tam quốc khốc, tre mọc măng. Ông mồ côi cha, ở với mẹ rất có hiếu. Một hôm, mẹ bệnh nặng lại thèm ăn canh măng. Lúc đó trời đang mùa đông, vạn vật kể cả con người đều như muốn chết cồng dưới cái lạnh kinh hồn của đất trời, thì tìm đâu để mẹ có măng ăn. Nhưng ông vẫn lần vào rừng tre, ngồi dưới gốc tre mà khóc. Có lẽ tấm lòng hiếu tử đã cảm động tới Trời Phật, nên trong cảnh mưa tuyết dầm dề, bỗng chốc mọc lên một bụi măng xanh tươi. Mẹ già nhờ ăn được chén canh măng nên khỏi bệnh:

“[...] Trời đông tuyết tìm đâu cho được.  
Chốn trúc lâm phải bước chơn đi.  
Một mình ngồi tựa gốc tre,  
Ôm cây mà khóc nằn nì với cây.  
Giữa bình địa, phút giây bỗng nứt,  
Mấy giò măng, mặt đất nẩy sanh,  
Đem về đun nấu bữa canh,  
Ăn rồi bệnh mẹ lại lành như xưa.  
[...] Cho hay hiếu động Cao dày

1. Ni sư Thích Đàm Hà trong bài “Cảm nghĩ về chữ Hiếu trong đạo Phật”.



Tình sâu nên khiến cỏ cây cũng tình.”<sup>2</sup>

Không chỉ chăm sóc về mặt nhân sinh mà còn phải chăm sóc cả về mặt tâm linh. Đối với người tu, việc báo hiếu không chỉ dừng lại ở sự chăm sóc về mặt nhân sinh mà còn phải cả về mặt tâm linh ngay khi cha mẹ còn sống như:

- Tạo điều kiện cho cha mẹ tu học, nghe thuyết minh giáo lý, đọc kinh sách hiền truyện cho cha mẹ nghe...
- Dành thời gian cho cha mẹ cúng tứ thời, giúp chuẩn bị Thiên bàn trước giờ cúng.
- Thu xếp hết mọi việc trong gia đình để cha mẹ yên tâm thanh tịnh trong giờ thiền định và nhập tịnh các khoá tu thiền như không giao con cho cha mẹ giữ trong những lúc cha mẹ cần tu tập.

Khi cha mẹ quá vãng:

- Thành tâm đọc kinh Cầu siêu và niệm danh hiệu Đức Chí Tôn, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát ngay phút lâm chung để trợ duyên, giúp vong linh cha mẹ được định tĩnh nhẹ nhàng, hầu chuyển tâm, tỉnh thức để tự giải thoát. Điều cần thiết nhất trong khi trì kinh cầu siêu cho cha mẹ là phải chí thành, như vậy mới giúp được người thân.
- Tránh sát sanh hại vật để làm lễ vật cúng kiếng, cầu siêu.
- Khi cầu nguyện cho cha mẹ, cầu cho tất cả chúng sanh, các đẳng cô hồn trong sáu cõi.
- Cố gắng tu hành, làm công quả, lập thêm nhiều âm chất để hồi hướng cho cha mẹ, giúp cha mẹ phục hồi phẩm vị hay cao thăng đạo quả.

## **BÁO HIẾU CHA MẸ LÀ LÒNG ĐẠİ TỪ TIẾN HÀNH KHÔNG NGỪNG NGHỈ**

Chữ hiếu trong đạo Phật không chỉ bao hàm cha mẹ trong đời này, mà xuyên suốt lên tới cửu huyền thất tổ, nghĩa là cha mẹ nhiều đời trong

hàng hà sa số kiếp. Kinh sách thường viết về chúng sanh trong vô lượng kiếp đều là cha mẹ, thân thuộc lẫn nhau. Như vậy, thì ngoài sự trả hiếu cho cha mẹ hiện tiền, còn thêm sự trả hiếu cho cha mẹ nghìn muôn kiếp trước (như mẹ của nàng Mục Quang, Mục Quang là một kiếp của Đức Địa Tạng Bồ Tát, mẹ của Mục Quang đầu thai trở lại làm con của một đấng tở trong nhà Mục Quang, chết lúc 13 tuổi). Hiếu hạnh là lòng đạİ từ tiến hành không ngưng nghỉ. Vì chúng sinh chẳng ai khác hơn là cha mẹ nghìn muôn kiếp trước của mình vừa đợc thác sinh.

Cho nên gặp ai khổ lự, bần hàn; gặp ai sa cơ, thất thế; gặp ai lâm cảnh ngục tù, áp bức; gặp ai vô minh, phiền não; gặp ai tham luyến, sân si... chúng ta không thể nhắm mắt làm ngơ, mà phải đem tâm đạİ bi bảo bọc, đem tâm đạİ từ làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, đem tâm vô ngại đợc bỏ mọi chướng ngại cho kẻ khác.

“Thương thay thập loại chúng sinh,

Phách đờn hồn chiếc lênh đênh què người.”

Người đời ai cũng cần có cha mẹ, dù là trẻ thơ hay người trưởng thành. Những đứa trẻ mồ côi, cho dù có đợc người thân còn lại nuôi dưỡng, nuôi dỡng tử tế cho mấy, lớn lên cũng cảm thấy thiếu thốn tình thương. Ngay cả người lớn tuổi, khi mất cha mẹ, cũng cảm thấy chơi vơi như mất điểm tựa.

Tóm lại cha mẹ là nguồn gốc của mọi tình cảm yêu thương trên đời, cho ta biết thế nào là ngọt bùi ấm lạnh và nguồn thương yêu cao cả của kiếp nhân sinh. Như vậy, thương cha mẹ quá vãng, để báo hiếu ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, chúng ta có bốn phậİ tu hành, bởi công lập đức để cứu vớt cha mẹ ra khỏi cõi Âm Quang hoặc cao thăng phẩm vị bằng cách:

- Hiệp lực cùng đồng đạo thành tâm cầu siêu cho tất cả các đẳng chúng sanh trong sáu cõi, trong đó có cha mẹ của ta.
- Làm nhiều âm chất và công phu tu tịnh để có công đức hồi hướng cho chúng sanh trong đó có cha mẹ của mình.■

2. Nhị Thập Tứ Hiếu, Quách Cư Nghiệp – Lữ Văn Phức, nhà xuất bản Văn Nghệ.

# Bí mật kiến trúc của kinh đô Bắc Kinh

■ NGUYỄN TIẾN CỬ • THEO TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI



**B**ắc Kinh là thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Căn cứ các số liệu mới được công bố gần đây thì diện tích tự nhiên của Bắc Kinh là 16.808 km<sup>2</sup> được mở rộng trong đó khu nội đô là 2.738 km<sup>2</sup>. Số dân của Bắc Kinh là 10.819.000 người gồm đủ 56 dân tộc, trong đó dân tộc Hán chiếm 96%.

Nằm trên đỉnh phía bắc của bình nguyên Hoa Bắc, lưng dựa vào dãy núi Yên Sơn và cao nguyên Nội Mông hùng vĩ, phía tây là dãy Thái Hoàng Sơn, phía đông là vịnh Bột Hải, phía nam là vùng đồng bằng rộng lớn, Bắc Kinh là

một trong sáu kinh đô của các triều đại Trung Quốc với bề dày hơn 3.000 năm lịch sử. UNESCO đã đánh giá Bắc Kinh là một trong những kinh đô còn giữ được những kiến trúc cổ từ hàng mấy ngàn năm trước và rất nhiều trong số đó được bảo tồn hầu như nguyên vẹn cho tới ngày nay. Bắc Kinh cũng được đánh giá là một trong những thủ đô có phong cách kiến trúc hiện đại, nhưng cũng là thủ đô mang đậm “tính phương Đông điển hình.”

Theo các nhà địa lý và phong thủy học thì một trong những nguyên nhân để Bắc Kinh có được những đặc điểm

đó vì Bắc Kinh ở vào vị trí đặc biệt, là nơi “hội tụ Trung Hoa linh khí chi địa” (nơi hội tụ của khí thiêng Trung Hoa). Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến nhiều thế hệ các nhà khoa học Trung Quốc và thế giới bỏ ra nhiều công sức để nghiên cứu Bắc Kinh.

Bằng nhiều con đường nghiên cứu khác nhau, trong đó có việc tiếp cận vấn đề theo phương pháp truyền thống dân gian (mà người Trung Quốc gọi là phong thủy học) kết hợp với việc sử dụng những phương tiện nghiên cứu hiện đại (như sử dụng ảnh vệ tinh

đa chiều, chụp ảnh bằng hồng ngoại, viễn thám, địa chất, địa đồ, kiến trúc...) các nhà khoa học Trung Quốc và thế giới đã phát hiện ra những đặc điểm “rất lạ lùng” trong kiến trúc xây dựng thành cổ Bắc Kinh của người xưa.

Một trong những “đặc điểm lạ lùng” đó là bố cục hình tượng “song long” (hai con rồng) trong bố cục toàn cảnh kiến trúc của Bắc Kinh. Con rồng thứ nhất được gọi là “thủy long” (rồng nước), còn con thứ hai là “lục long” (rồng cạn) vô cùng kỳ thú.

Quả thực nếu quan sát từ trên máy bay hoặc căn cứ vào bản đồ thực địa, người ta dễ dàng nhận ra ngay hình tượng của hai con rồng đó. Toàn bộ hệ thống các hồ đầm của Bắc Kinh đã tạo ra một “thủy long” hướng theo hướng tây bắc cực kỳ sinh động. Thủy long có đầu là Nam Hải, mắt là đảo Hồ Tâm, thân được tạo bởi Trung Nam Hải và Bắc Hải, còn Thập Sa hải chính là phần đuôi. Lục long thì lại được tạo nên bởi hệ thống trục đường giao thông chính của Bắc Kinh. Thiên An Môn chính là cái mõm, Kim Thủy kiều là cái sừng, hai đường đông và tây Tràng An chính là hai cái râu, cả một dải từ Thiên An môn đến Ngọ môn chính là cái mũi.

Thái Miếu và di chỉ của đền Xã Tắc chính là hai cái mắt, Cố Cung là phần thân và phần

xương đuôi, 4 ngôi lầu ở 4 góc hợp thành 4 cái móng. Đường Cảnh Sơn, đường Địa An môn và Chung Cổ lầu tạo thành dải đuôi. Còn Chính Dương môn như một hạt bảo ngọc mà rồng đang vươn tới, tạo thành một lục long với thể rất phi phàm khiến người ta phải kinh ngạc.

Có thể bố cục “song long” của Bắc Kinh được hoạch định ngay từ khi được khởi công xây dựng vào triều Minh (1368–1644), bởi hình tượng “rồng” phản ánh tư tưởng “quân, thần” (vua, tôi) rất được đề cao trong giai đoạn lịch sử này. Nhìn từ một góc độ nào đó thì người xưa đã quan niệm Bắc Kinh là “hưng long chi địa” (mảnh đất của rồng), còn các bậc đế vương là “thiên hạ long chủng” (vua là rồng từ trên trời xuống).

Đây được đánh giá là nét đặc sắc nhất trong việc áp dụng những tri thức về mặt phong thủy học phương Đông vào trong quy hoạch tổng thể cũng như trong từng khu riêng biệt của những kiến trúc sư khi tạo dựng nên kinh đô Bắc Kinh. Và đây cũng có thể là một đặc điểm hiếm thấy ở bất kỳ một thành phố nào khác trên thế giới.

Không chỉ có sự kỳ lạ trong bố cục toàn cảnh, mà khi đi sâu tìm hiểu kiến trúc của các khu vực riêng biệt, thì hình như mỗi khu của Bắc Kinh cũng có những đặc điểm kỳ lạ. Thí dụ như việc phát hiện ra “tọa nhân

tượng” (tượng người ngồi) tại khu công viên Cảnh Sơn.

Cảnh Sơn là khu công viên nằm đối diện với cửa Thần Vũ thuộc cửa Bắc của Tử Cấm Thành. Thời Nguyên thì đây là một gò đất nằm trong khu nội đô có tên là Thanh Sơn. Đến năm Vĩnh Lạc thứ mười (1416) thuộc triều Minh, khi tiến hành xây dựng các cung điện, người ta đã mang các phế thải khi phá bỏ các thành lũy cũ của triều Nguyên cũng như các đất cát từ việc nạo vét các con sông bảo vệ Tử Cấm Thành, đổ vào đây, tạo thành một trái núi được gọi là Vạn Tuế sơn.

Với hàm ý dùng để trấn áp “vương khí” của triều Nguyên, nên núi này còn được gọi là Trấn Sơn. Theo truyền thuyết về hoàng cung, thì tại đây có tích chứa rất nhiều than, nên còn được gọi là Mồi Sơn (núi than). Đến năm Thuận Trị thứ mười hai triều Thanh (1655) Mồi Sơn được đổi tên thành Cảnh Sơn.

Tại cuộc triển lãm trưng bày các thành tựu nghiên cứu diện mạo Bắc Kinh bằng viễn thám vào tháng 3/1987, Quỳ Trung Vũ, một chuyên gia về ảnh hồng ngoại viễn thám có gửi tới một tấm ảnh làm chấn động dư luận lúc bấy giờ: trên bức ảnh chụp từ vệ tinh bằng kỹ thuật tia hồng ngoại mặt bằng của khu công viên Cảnh Sơn (bao gồm quần thể kiến trúc đoạn

từ phía bắc của Tử Cấm Thành trên trục đường Bắc Kinh và công viên Cảnh Sơn), hiện lên rõ ràng bức tượng một người đang ngồi xếp bằng tròn với đôi mắt khép hờ.

Bức tượng đặc biệt này được gọi là “Cảnh Sơn tọa tượng” hay còn gọi ngắn gọn là “nhân tượng.” Phần đầu của “nhân tượng” được tạo bởi quần thể kiến trúc Thọ Hoàng điện của công viên Cảnh Sơn, trong đó Đại Điện và Cung Môn tạo thành mắt, mũi và miệng. Khuôn mặt “nhân tượng” đang phảng phất mỉm cười. Phần lông mi được tạo bởi tổ hợp các hàng cây. Riêng bộ râu được tạo bởi rừng cây có hình tam giác cực kỳ đối xứng, mặc dù nó đã bị tường bao phía ngoài của Thọ Hoàng điện làm gián đoạn.

Qua việc phân tích rất cẩn thận và công phu, người ta còn nhận thấy những bức tường vây quanh bốn phía của Công viên Cảnh Sơn tạo thành khung của bức tượng tuân theo đúng “tỉ lệ vàng” 0,32 trong xây dựng. Nếu quả thật đây đúng là bức tượng người được tạo ra theo ý định trước, thì nó là bức tượng người được tạo ra lớn nhất thế giới.

Sau này đã có rất nhiều tấm ảnh chụp từ vệ tinh bằng những phương pháp khác nhau về diện mạo của khu vực. Và trên tất cả các tấm ảnh đó người ta đều thấy “nhân tượng” hiện ra rất rõ ràng.

Vậy thì bức tượng người ngồi Cảnh Sơn là tượng của ai? Qua quá trình nghiên cứu, Quý Trung Vũ phát hiện ra một điều bí mật. Ở đầu cực bắc trên tuyến đường trục của Cố Cung có ngôi điện Khâm An được xây dựng vào thời Vĩnh Lạc (triều Minh). Trong điện có thờ một bức tượng được gọi là tượng thủy thần Huyền Vũ đế. “Huyền” có nghĩa là “màu đen”, “Vũ” được người xưa giải thích là “ô quy xác” (vỏ của con rùa đen).

Theo phong thủy thì “huyền vũ tại ngũ phương” là biểu thị của “bắc phương” (phương bắc), “tại ngũ hành trung” biểu thị cho “thủy” (nước). Vì ngôi điện này hầu như không bao giờ được mở cửa nên bức tượng và những đồ vật có từ thời Minh hầu như vẫn còn được bảo quản nguyên vẹn. Khi đối chiếu bức tượng Huyền Vũ đế trong Khâm An điện với “nhân tượng” thì rõ ràng hai bức tượng là rất giống nhau, chúng chỉ khác nhau về kích cỡ mà thôi. Vậy liệu tượng Huyền Vũ đế và tượng Cảnh Sơn có mối liên quan gì không? Phải chăng tượng Huyền Vũ đế là “bản mẫu thu nhỏ” để người ta tạo ra “nhân tượng khổng lồ”? Và tại sao “nhân tượng” lại xuất hiện tại Công viên Cảnh Sơn, nằm trên trục đường chính của Bắc Kinh?

Để giải đáp mối thắc mắc đó, Quý Trung Vũ đã tự mình

bỏ công nghiên cứu và nhờ rất nhiều học giả có uy tín trong đó có Phổ Kiệt tiên sinh, một chuyên gia về thư tịch cổ, xin tư vấn để làm rõ về sự liên quan đó cũng như cho câu hỏi liệu rằng bức “nhân tượng” được tạo ra một cách có ý đồ kiến trúc hay là được hình thành do ngẫu nhiên? Nếu như “nhân tượng” được tạo ra là có ý đồ, thì chắc phải có tài liệu (bản vẽ, tranh vẽ hoặc văn bản...) nói về điều này. Nhưng đáng tiếc là cho tới nay người ta vẫn chưa tìm được bất kỳ tài liệu nào minh chứng cho điều này.

Một địa điểm xây dựng nữa của Bắc Kinh cũng mang tính kỳ bí không kém, đó là Di Hòa viên.

Di Hòa viên là một công viên nằm ở phía tây Bắc Kinh, diện tích khoảng 290 hécta, trong đó  $\frac{3}{4}$  là diện tích mặt nước. Đây là khu vui chơi giải trí nổi tiếng dành riêng cho hoàng gia của các triều đại Trung Hoa.

Lịch sử đã ghi nhận, khu công viên này được hình thành từ triều Kim (1115–1234). Tại đây các vị hoàng đế nhà Kim đã dựng lên vô số những hành cung nguy nga và những khu giải trí cực kỳ xa xỉ. Từ đó các triều đại tiếp nối nhau xây thêm nhiều công trình hoành tráng khác. Đến đời Vua Càn Long (1736–1796) nhà Thanh, quy mô khu công viên không những đã mở rộng một cách

đáng kể, mà còn được xây thêm nhiều công trình mới, và đổi tên là Thanh Ý viên. Năm 1860 liên quân Anh-Pháp tấn công Bắc Kinh đã tràn vào đây cướp bóc, đốt phá khiến Thanh Ý viên tan hoang.

Năm 1888, Từ Hy Thái Hậu đã lấy 500 vạn lạng bạc vốn dĩ dùng để xây dựng hải quân, trùng tu lại Thanh Ý viên thành một công viên tráng lệ, và đổi tên thành Di Hòa viên (khu vườn di dưỡng tinh thần). Di Hòa viên mà ta thấy ngày nay chính là những gì được tạo ra từ lần trùng tu này.

Nổi bật ở chính khu trung tâm là Phật Hương các, một ngôi chùa nhiều tầng nguy nga lộng lẫy nằm trong khu Vạn Thọ sơn, nơi để Từ Hy niệm Phật. Dưới chân Vạn Thọ sơn là hồ Côn Minh bao la gợn sóng. Một bến thuyền có hình dáng là một chiếc thuyền làm bằng đá nhô ra

mặt hồ, ngay dưới Phật Hương các là nơi đón du khách lên thuyền dạo trên hồ. Men theo bờ hồ là một dãy hành lang dài 728 mét gồm nhiều gian, mỗi gian được kiến trúc khác nhau với những hình vẽ vô cùng tinh xảo mang đậm tính nghệ thuật Trung Hoa... Giữa hồ Côn Minh là hòn đảo nhỏ được nối với bờ bằng một chiếc cầu vòng làm bằng đá gồm 77 nhịp có tên là Thập Thất Khổng kiều. Cho tới ngày nay, Di Hòa viên vẫn được coi là một trong những công viên đẹp nhất thế giới.

Di Hòa viên không những chỉ là một công viên đẹp, được coi là một kiệt tác về kiến trúc, mà người ta còn đồn rằng toàn bộ khuôn viên của Di Hòa viên đã được xây dựng theo bố cục rất chặt chẽ về mặt phong thủy thể hiện ý tưởng Phúc Lộc Thọ, theo một mật chỉ của Từ Hy Thái Hậu.

Đã có nhiều người bỏ công nghiên cứu để tìm hiểu bí mật ẩn chứa trong Di Hòa viên, nhất là tìm hiểu xem có thật Di Hòa viên có bố cục thể hiện ý tưởng Phúc Lộc Thọ hay không, và nếu có thì nó đã được thể hiện như thế nào.

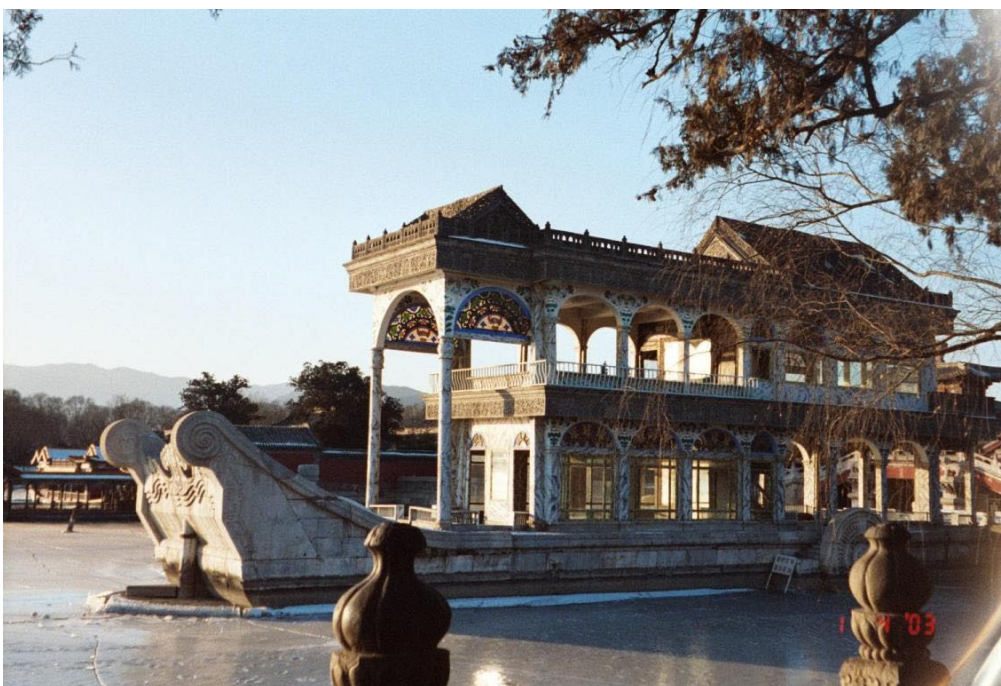
Bước đột phá có tính chất quyết định để trả lời cho câu hỏi này là từ khi các nhà nghiên cứu có trong tay những bức ảnh chụp toàn cảnh Di Hòa viên từ vệ tinh bằng kỹ thuật có độ phân giải siêu cao và kỹ thuật chụp hồng ngoại. Khi những tấm ảnh này được công bố, các nhà nghiên cứu đã vô cùng kinh ngạc về bố cục kỳ lạ của Di Hòa viên.

Nhìn vào những tấm ảnh ta thấy ngay hồ Côn Minh có hình dáng là một quả đào lớn mà cuống của nó là con sông dẫn nước vào hồ qua cửa Tây Môn quan nằm ở góc phía

bắc của Di Hòa viên. Con đê hẹp mà dài ở phía chếch mặt hồ tạo ra vết rãnh trên quả đào rất hoàn chỉnh. Dãy hành lang dùng làm đường đi lại

---

ẢNH BÊN: CHIẾC THUYỀN ĐÁ TRONG DI HÒA VIÊN, TỪ HY ĐÃ LẤY TIỀN CỦA QUÂN ĐỘI MÀ XÂY THUYỀN ĐÁ NÀY.



men theo hồ Côn Minh ngay sát chân Vạn Thọ sơn thì giống như đôi xương cánh của một con dơi đang dang ra. Đường hành lang ở bờ bắc hồ Côn Minh thì rõ ràng là hình một cánh cung mà phần tâm nhập vào lòng hồ hình thành phần đầu của con dơi, phần nhô ra một cách đơn độc được dùng làm bến thuyền cho khách du ngoạn hồ Côn Minh chính là mõm của con dơi đó. Đường hành lang vươn dài sang hai phía tả hữu chính là đôi cánh dơi đang vươn ra. Đoạn hành lang ở phía đông và mái hiên nhà Ngự Tảo thâm nhập vào mặt nước và bởi đoạn hành lang ở phía tây tạo thành đôi móng chân trước của con dơi, còn núi Vạn Thọ sơn và cái hồ phía sau núi tạo thành thân của con dơi. Thập Thất Khổng kiều ở phía đối diện Vạn Thọ sơn thì đúng là chiếc cổ của một con rùa đang vươn dài, mà đầu của nó chính là hòn đảo nhỏ giữa hồ Côn Minh.

Vì trước đây không có được bức ảnh chụp toàn cảnh Di Hòa viên nên kiến trúc độc đáo

của nó ít người nhận ra. Ngay cả Từ Hy Thái Hậu mặc dù đã lên tầng cao nhất của Phật Hương các trên đỉnh Vạn Thọ sơn thì cũng chỉ nhìn thấy một cách đại khái hình trái đào, cái đầu và cái cổ con rùa cũng như cái đầu và đôi móng con dơi. Những phần còn lại thì không thể nhìn thấy, nhất là phần thân con dơi do bị những kiến trúc khác che lấp.

Theo thuật phong thủy truyền thống Trung Hoa thì quả đào tượng trưng cho Lộc, con dơi tượng trưng cho Phúc, còn rùa tượng trưng cho Thọ. Như vậy cấu trúc tổng thể của Di Hòa viên ẩn trong nó cả 3 điều mà Từ Hy mong muốn là Phúc Lộc Thọ đã được thể hiện bằng những hình tượng tuyệt vời. Phải chăng chính cấu trúc này là điểm khác biệt cực kỳ đặc sắc mà không có ở bất cứ một công viên nào khác tại Trung Quốc cũng như trên thế giới.

Và tất cả những điều trên đã tạo nên một Bắc Kinh hiện đại, kỳ bí, thành phố kinh đô chủ nhà của Thế vận hội Olympic lần thứ 29.■



CÂY CẦU CÓ 17 VÒM UỐN TRONG DI HÒA VIÊN VÀO MÙA ĐÔNG.

**K**hái niệm về “việc từ thiện” (danh từ charity – tiếng Anh) bắt nguồn từ gốc từ Latin Caritas, nghĩa là sự yêu thương và đối xử tử tế vô hạn đối với người khác mà không cần phải được trả công. Từ thiện nghĩa là “tử tế.”

Đối với chúng ta, đây thật sự là một khái niệm mới lạ, nhưng ở các nước phương Tây, họ đã rất quen thuộc. Ngoài ra, ngày nay rất nhiều người nhầm lẫn giữa hai khái niệm “từ thiện” và “công tác xã hội.” Sự khác biệt nằm ở nội hàm của hai từ ngữ này.

Công tác xã hội là một ngành học và nghề nghiệp chăm lo phát triển cộng đồng. Trong khi đó, ý nghĩa của việc từ thiện xuất hiện trong hầu hết ngành nghề và lĩnh vực của cuộc sống. Đó là tiêu chuẩn yêu cầu phải có nơi mỗi công dân trong một quốc gia, khi bước ra đời cần trang bị cho mình. Sự tử tế nằm ở chỗ ngoài việc một cá nhân làm đúng và hết trách nhiệm của mình trong lĩnh vực nghề nghiệp hoặc nghĩa vụ công dân, họ nên vượt lên trên sự đòi hỏi này, nghĩa là làm vì yêu thương người khác, làm vì yêu nước. Ví dụ một nhà thầu xây dựng được tin tưởng giao cho việc xây cất nhà. Nếu ông ta làm

# VIỆC TỪ THIỆN tiếp thị sự tử tế

■ **CHỈ NHƯ SƯU TÂM • THEO NGUYỄN ĐẠT AN**

ĐĂNG TRÊN TUỔI TRÈ ONLINE: WWW.TUOITRE.COM.VN

Cuộc sống này,  
tôi chỉ được một lần dạo qua,  
Mọi điều tốt cần phải thực hiện,  
Hãy để tôi làm ngay,  
Vì cơ hội này sẽ không còn nữa  
Cho lần thứ hai đâu.

BÀI THƠ ĐƯỢC TÌM THẤY TRONG TÚI ÁO CỦA CỐ TỔNG THỐNG  
ABRAHAM LINCOLN KHI ÔNG BỊ ÁM SÁT VÀO NGÀY 14-4-1865 ■



đúng trách nhiệm của mình là tuân theo bản thiết kế và tiến độ công trình, mọi việc sẽ rất sòng phẳng – nhà thầu này nhận tiền công và người chủ lấy căn nhà. Nhưng nếu nhà thầu này biết quan tâm hơn đến nhu cầu của khách hàng bằng cách tư

vấn mua vật liệu xây dựng tốt hơn, giảm thiểu chi phí công trình, chăm lo nhu cầu mới đảm bảo chất lượng công trình, đó lại là chuyện khác. Cung cách ứng xử này được trả bằng gì? Ngoài uy tín nghề nghiệp và sự ra đời của một sản phẩm, dịch vụ

chất lượng, đó là sự quan hệ giữa người với người và sự “được lòng.” Một cảm giác hạnh phúc xuất hiện vì đã làm được một việc tốt cho người khác. Điều đó vô giá, không lấy gì so đo tính toán cho bằng.

Phục vụ là một biểu hiện rất rõ ràng của công việc từ thiện. Khái niệm này đã ăn sâu vào lề lối kinh doanh của phương Tây, khi học biết “tiếp thị sự tử tế” (tiếp thị Caritas). Hiển nhiên, các tập đoàn kinh tế lớn luôn chú trọng vào dịch vụ khách hàng, vì đó là một hình thái khác của “tiếp thị Caritas.” Vì một sự nghiệp cá nhân biết tôn trọng những giá trị nhân bản sẽ luôn gặt hái thành công, một xã hội dựa trên tình thương và sự chia sẻ là một xã hội phát triển bền vững, và một đất nước “lá lành đùm lá rách” là một đất nước đoàn kết.

Ở các đại học Mỹ, đối với ngành học chỉ hơi mang tính “phục vụ xã hội” như hành chính, đối ngoại, quốc phòng, xây dựng, tư vấn... các giáo sư đã yêu cầu sinh viên thực tập “sự tử tế” này ít nhất là nửa năm, và công tác này được làm thành đề tài để chấm điểm rõ ràng. Họ được tự do chọn lựa cách thức, nơi chốn và lĩnh vực phục vụ của mình. Nhiều sinh viên nước ngoài tình nguyện đi đến các nước đang phát triển để tiến hành “sự tử tế.” Riêng các sinh viên y khoa – là những bác sĩ và y tá tương lai – sẽ cần tối thiểu 10 năm đào tạo, trong đó có hẳn hai năm làm công việc phục vụ. Nhiệm vụ giáo dục này chỉ nhằm mục đích khơi gợi lý tưởng và đạo đức nghề nghiệp, cũng như giúp hình thành một nhân cách lành mạnh cho xã hội, một phẩm giá vững bền.

Sự tử tế đòi hỏi những biểu hiện chân thực và yêu thương vô vụ lợi. Hiện tượng đối trá trong xã hội hiện nay – đối lập với tử tế – là một biểu hiện gây mất tin tưởng giữa con người với nhau, chia rẽ cơ cấu xã hội và mất đoàn kết dân tộc. Khi mà mọi

mối quan hệ kinh doanh, phục vụ, công ích đều được tính bằng tiền, nếu không, công trình xây dựng sẽ bị rút ruột, bệnh nhân sẽ bị phân biệt đối xử, giấy tờ kinh doanh phải được “bôi trơn”, thì nền tảng xã hội đó gần như bị lũng đoạn bởi vật chất. Những giá trị tinh thần một khi mất đi sẽ khó có cơ hội xây dựng lại.

Bạn sẽ gọi một dân tộc có các công dân biết quan tâm và đối xử tử tế với nhau, trong mọi khía cạnh của cuộc sống, lúc hoạn nạn khó khăn trong làm ăn buôn bán, giao tiếp, ứng xử, thực thi trách nhiệm công dân... như thế nào? Đó chắc hẳn phải là một dân tộc hiền lành và dễ thương. ■

## Báo cáo...

(TIẾP THEO TRANG 53)

vụ bệnh nhân ngày càng hữu hiệu hơn. Cầu nguyện Đức Quan Thế Âm hộ trì cho chúng đệ tử được vững vàng trên đường phục vụ nhơn sanh.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, Ban Lãnh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và quý vị ân nhân.

Xin cảm tạ sự hiện diện của quý Thiên phong Chúc sắc, quý vị đại biểu, quý đạo tâm, quý vị ân nhân đã mang đến cho chúng tôi niềm vinh dự và tình cảm thăm thiết ngày hôm nay.

Xin kính chúc toàn thể chư vị hiện diện được nhiều sức khỏe, thân tâm an lạc.

Trân trọng kính phúc trình.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, ngày 21-7-2008.

TM. Phòng Khám Bệnh Phước Thiện.

Chi Hội Chữ Thập Đỏ Phường Nguyễn Cư Trinh.

171B Cống Quỳnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. ■



# MẬT ONG TRỊ TIỂU ĐƯỜNG

■ THEO SỨC KHỎE VÀ ĐỜI SỐNG • VIỆT THU SƯU TÂM

Lẽ thường, người bị bệnh tiểu đường phải kiêng ăn đồ ngọt. Nhưng mật ong tuy rất ngọt mà lại có khả năng trị bệnh tiểu đường và vì thế, với một lượng nhất định, mật ong có thể trở thành một trong những thực phẩm hữu ích đối với người bệnh.

Điều này đối với y học cổ truyền phương Đông không có gì mới lạ, bởi lẽ từ xa xưa người ta đã biết dùng mật ong đơn độc hoặc phối hợp với các dược liệu khác để phòng chống tiêu khát, một chứng bệnh mà ngày nay chúng ta gọi là tiểu đường.

Khi nghiên cứu thăm dò tác dụng điều chỉnh đường huyết của 50 vị thuốc y học cổ truyền, các nhà khoa học Trung Quốc

nhận thấy chỉ có 35 vị có khả năng hạ chỉ số đường huyết ở mức lớn hơn 10% so với trị số ban đầu. Trong đó có 11 vị có tác dụng rõ rệt hơn cả và mật ong là một trong số đó cùng với các dược liệu khác như tang bạch bì, tang thầm, tang diệp, đương quy, ngũ bội tử... Người ta còn nhận thấy, cũng như các sản phẩm khác có nguồn gốc từ con ong, mật ong không những có tác dụng hồi phục và nâng cao năng lực hoạt động của tế bào beta tuyến tụy nội tiết từ đó làm tăng tiết insulin để bù đắp phần thiếu hụt mà còn có khả năng cải thiện tính miễn cảm của tế bào tổ chức đối với insulin. Mật khác, mật ong còn bổ sung chất dinh dưỡng với

một cơ cấu tương đối toàn diện, tham gia đắc lực vào quá trình điều tiết chuyển hóa, nâng cao năng lực miễn dịch và chống nhiễm khuẩn của cơ thể. Tuy nhiên, ảnh hưởng của mật ong đối với đường huyết có tính hai mặt: với một lượng nhỏ có thể làm hạ đường huyết nhưng với một lượng lớn lại có thể làm đường huyết tăng cao. Điều này còn phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ những bước đầu người ta cho rằng: vai trò của hai chất glucose và acetylcholine có trong thành phần của mật ong là hết sức quan trọng.

Như vậy, có thể thấy, nếu được sử dụng đúng cách mật ong hoàn toàn có khả năng góp phần cải thiện tình trạng rối loạn đường huyết ở bệnh nhân tiểu đường. Dưới đây xin được giới thiệu một số phương cách điển hình của y học cổ truyền trong việc dùng mật ong điều trị bệnh tiểu đường để độc giả tham khảo và vận dụng khi cần thiết.

**BÀI 1** Hoàng tinh 30g, đậu đen 30g, mật ong 10g. Ngâm hoàng tinh và đậu đen với 1.500ml nước trong 10 phút rồi dùng lửa nhỏ ninh nhừ trong 2 giờ, sau đó cho mật ong vào trộn đều, ăn mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 1 bát



nhỏ. Công dụng: bổ trung ích khí, cường thận ích vị, dùng rất tốt cho những người bị bệnh tiểu đường có thể chất gầy yếu.

**BÀI 2** Bột hoàng liên, bột thiên hoa phấn, sữa bò, nước ép ngó sen, sinh địa và gừng tươi, mật ong lượng vừa đủ. 7 vị trộn đều thành dạng cao rồi uống với nước ấm. Công dụng: dưỡng âm, thanh nhiệt, sinh tân, dùng cho người mắc bệnh tiểu đường có biểu hiện háo khát nhiều.

**BÀI 3** Lê tươi 750g, mật ong 100g. Lê rửa sạch, gọt vỏ, bỏ hạt, ép lấy nước rồi hòa với mật ong uống. Công dụng: tư âm thanh nhiệt, nhuận phế chỉ khát, dùng rất tốt cho những người bị viêm phế quản mạn tính. Tăng huyết áp, tiểu đường thể âm hư táo kết với các biểu hiện người gầy, hay có cảm giác sốt về chiều, lòng bàn tay và bàn chân nóng, môi khô họng khát, đại tiện táo, tiểu tiện sền dờ, chất lưỡi đỏ khô, không hoặc ít rêu. Những người hay bị rối loạn tiêu hóa, đi lỏng mạn tính không nên dùng bài này.

**BÀI 4** Mận 5 quả, mật ong 25g, sữa bò tươi (không đường) 100g. Mận rửa sạch, bỏ hạt, thái phiến đem nấu với mật ong và sữa bò trong ít phút rồi ăn cái uống nước. Công dụng: thanh can ích vị, sinh tân nhuận táo, dùng cho những người bị bệnh tiểu đường đại tiện bí kết.

**BÀI 5** Nước ép ngó sen 150g, nước ép sinh địa 150g, mật ong 150g. Cả 3 thứ cho vào nồi cô nhỏ lửa cho đến khi thành dạng cao, đựng trong lọ kín dùng dần. Mỗi ngày ăn 2 lần, mỗi lần 15g. Công dụng: tư âm chỉ huyết, thông lâm nhuận táo, giáng đường huyết.

Ngoài ra, trong quá trình bào chế và sản xuất các dạng thuốc thành phẩm, đặc biệt là thuốc hoàn, để điều trị bệnh tiểu đường, mật ong cũng được sử dụng khá rộng rãi. Có thể nói mật ong là tá dược dính chủ yếu dùng trong viên tễ với nhiều ưu điểm không những có lợi cho kỹ thuật bào chế như dễ dính, dễ tan, có lợi cho quá trình bảo quản... mà còn là chất điều vị khá tốt, giá trị dinh dưỡng cao, làm tăng tác dụng kiện tỳ, bổ khí, hiệp đồng tác dụng với các thuốc khác có trong thành phần viên

tễ để làm tăng hiệu lực của thuốc. Hiện nay, một số đông dược thành phẩm của y học cổ truyền được dùng để điều trị bệnh tiểu đường như lục vị địa hoàng hoàn, kim quĩ thận khí hoàn, nhân sâm cố bản hoàn, tiêu khát hoàn, ngọc tuyền hoàn, thanh vị tiêu khát hoàn, sinh tân tiêu khát hoàn... đều có sử dụng mật ong làm phụ liệu. Tuy nhiên, vẫn cần phải nhắc lại là: vì trong mật ong có một lượng nhất định glucose cho nên trong quá trình sử dụng nhất thiết không được lạm dụng và phải hết sức cảnh giác với loại mật ong “rôm” được sản xuất bằng cách cho ong ăn đường hoặc pha chế thêm đường để tăng lợi nhuận.■



## THÁNH GIÁO

Đem lý đạo hiện bày thật tướng,  
Tùy cơ duyên mà chưởng căn lành,  
Khấp cùng tam giới chúng sanh,  
Tình thương Vô Cực sẵn dành rưới chan.  
Hội Bàn Đào mấy ngàn năm lễ,  
Góc Trời Nam mở hé cơ mầu,  
Trao tay sứ mạng nữ lưu,  
Lòng từ gieo rải năm châu hưởng nhờ.  
Nguyên tánh Đạo đồ thơ sẵn có,  
Cơ hội dành ai đó lập công,  
Học câu Thiên Hỏa hướng đồng,  
Muôn hoa đua nở vườn hồng thắm tươi.

ĐỨC QUAN ÂM BỔ TÁT, CHƠN LÝ ĐÀN, TUẤT

THỜI, 28-7 GIÁP DẦN, 14-9-1974.■

Học Đạo cho thông lý nhiệm mầu,  
Đường siêu nẻo đọa bởi nơi đầu.  
Tham thiền dưỡng tánh tay mò ngọc,  
Tịnh định tồn tâm mắt luyện châu.  
Công quả làm thang lên núi Phổ,  
Giúp đời, tạo cánh vượt sông Mâu.  
Dầu ngoài loạn biển, trong yên tịnh,  
Mới thoát trầm luân vạ nẻo sâu.

ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ, MINH LÝ THÁNH HỘI,

08-12 MẬU THÂN, 25-01-1969.■

## VỌNG CỔ

### NAM AI

Từ bao lâu, thân lữ khách bước đặng trình,  
Bị che mờ điểm linh quang;  
Nên không nhớ cội nguồn.  
Bao nhiêu kiếp trầm luân,  
Phải vương vòng khổ nghiệp tử sanh  
Nơi cõi tạm vô thường.  
Giờ mới tìm lại được nguồn sanh.

### VỌNG CỔ

Từ lịch kiếp đường con đi là sông mê bể khổ,  
vật chất vô minh khiến con quên trần gian là cõi  
tạm... vô... thường. Từng bước con đi Mẹ đau xót  
âm thầm. Bởi không nhớ ngày chia tay nơi đỉnh  
Thượng, nên con đành lạc bước chốn sông Mâu.  
Nay giáp mỗi tuần hoàn chu kỳ vũ trụ tái tạo cõi  
đinh hoàn. Kỳ ân xá Cha Trời khai mở là cơ hội  
cuối cùng cho con tìm phương giải thoát.

2-Tám món báu<sup>1</sup> Mẹ trao con ngày đưa tiễn làm  
hành trang con dẫn bước vào đời, nhưng con không  
giữ được trên đường thiên lý nên mất lối quay về.  
Giờ tỉnh thức giữa hồi mạt kiếp, gánh đạo gánh đời  
phận nữ phải đeo mang. Rồi đây con có vượt qua  
được muôn ngàn thử thách để quay về với Mẹ chốn  
hư vô. Dâng nén hương nguyện đêm Hội Yến con  
nguyện một lòng tu niệm đón ân Thiên.

### NÓI LỐI

Yến Bàn Đào giữa mùa Thu Đại Đạo  
Mẹ linh hồn cùng chư Phật nữ, Tiên Nương  
Đến trần gian ban ân điển độ đời;  
Đường sứ mạng tinh tâm người giác ngộ.

5-Nhưng Mẹ ơi! trên con đường quy nguyên  
phản bản, gió bão mưa sa dập dồn chao đảo từng  
bước con đi lấm nổi... phong... trần. Bài học  
Tình thương con ghi khắc trong lòng. Nhưng  
con chưa diệt được lòng vị kỷ, bởi đường đời

1. Tám món báu (bát bửu): Hiếu – Đễ – Liêm – Si – Lễ –  
Nghĩa – Trung – Tín.

## Nỗi niềm dâng Mẹ

■ HỒNG PHÚC

lầm lối đua tranh. Dững kêm vọng tánh nơi tâm,  
là con rút ngắn đường về quê xưa, nhưng cuộc  
trần lấm nổi đa đoan, trí phàm điên đảo thị phi  
lòng người.

### NGÂM

Cố giữ tâm mình thật sạch trong,  
Để về với Mẹ chốn non bồng;  
Ngày qua tháng lại, lòng trần trở,  
Sao vẫn chưa tìm được chữ “không”?

6-Cuộc sống thế gian tuy vương nhiều khổ  
lụy, nhưng là chốn học đường cho những Tiểu  
linh quang. Ai tỉnh thức lên thuyền về bến giác,  
các Đấng Thiêng Liêng luôn giúp sức hộ trì.

### LÝ CON SÁO

Đêm Trung Thu, dưới ánh trăng rằm lung linh.  
Lời Mẹ hiền dạy khuyên,  
Con sẽ mang theo suốt cuộc đời,  
Để nung nấu tấm can trường.  
Quyết một lòng tu chơn lập quả công  
Để vượt qua bao trái oan tiền khiên.  
Nhưng cuộc trần, lòng con ngổn ngang.  
Xin Mẹ thương chứng soi lòng con.

Tình thương người lòng bác ái chẳng nhạt phai,  
thực hành Trí Dũng biết tùy doi nương vịnh. Công  
quả giúp đời, Công trình con luyện kỹ; con ghi nhớ  
mãi trong lòng, muốn giải thoát Công phu. ■

# Góp nhặt đó đây

■ THIÊN CHÍ SUU TÂM

## ĐỜI SỐNG PHỤNG SỰ

Không để cho tay trái biết tay phải mình làm gì, trong đời sống thiền đường đây gọi là “công đức bí mật.” Đây cũng là tinh thần phụng sự. Công đức bí mật là một việc làm vì chính nó chứ không hề trông mong sự tưởng thưởng từ bất cứ đâu cả, không từ trên trời hay dưới đất. Vấn đề của xã hội chúng ta là chúng ta luôn luôn tìm kiếm phần thưởng, và thông thường là một phần thưởng quá lớn so với cái công đức của việc mình làm. Khi không được thế, chúng ta bất mãn, và sự bất mãn này tạo ra đủ loại phiền não trong đời sống thường nhật của chúng ta.

Đời sống con người không phải lúc nào cũng được điều hành bởi những nguyên tắc kinh tế: đời sống nhiều hơn chỉ có thế, và sự thanh bình và hạnh phúc mà chúng ta tìm kiếm chỉ có thể đạt được khi nào mà chúng ta hiểu “cái thêm nữa” này. Thật là hết sức bất hạnh khi đời sống hiện đại của chúng ta đang dẫn lìa xa một cách có hệ thống tư tưởng này; thật ra, chúng ta còn cố tình bóp nghẹt tiếng nói bên trong này.

Do đó, các đạo sư Phật giáo tha thiết thúc giục chúng ta phải hiểu giáo lý Tính Không, không những trên phương diện triết lý mà còn phải một cách thực tiễn nhất nữa. Nếu chúng ta chưa thực hiện được điều này, việc tu tập công đức bí mật sẽ là một cái gì nông cạn và do đó, giả dối. [...]

Một ông tăng hỏi Thạch Môn Triệt: “Làm thế nào chúng ta tiến được khi mà không có ý niệm về bất cứ thứ gì cả?” Câu trả lời của thiền

sư là: “Người gõ ngổi bên khung cửi và người đá ban đêm ném con thoi vào.”

Khi hiểu được điều này, Tính Không trở thành những sự kiện trong đời sống chúng ta, và sự thực hành công đức bí mật không còn là một thứ đạo đức giả nữa.

■ THEO ĐỜI SỐNG TRONG THIÊN VIỆN - D. SUZUKI  
- DƯƠNG NGỌC DŨNG DỊCH, NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP  
- 2004, TR.49

## SA MẠC VÀ ĐÁM MÂY

Một dải sa mạc đôi khi nhận được sự viếng thăm rất hiếm hoi của một đám mây, nó để rơi một ít nước xuống đất cát khô khan. Nhờ thế, thú vật và cây cỏ mới sống sót.

Dải sa mạc không ngớt nói lời cảm ơn đám mây, mỗi lần mây đến. Nó cảm ơn lòng bao dung và những đợt mưa rào ngăn ngui của đám mây, đã đẩy lùi sự hủy diệt hoàn toàn. Nó rất tiếc không thể đền đáp được chút gì.

Một ngày kia, đám mây nói:

- Hãy thôi, đừng cảm ơn tôi nữa!
- Nhưng tại sao kia chứ? Dải sa mạc hỏi.
- Bạn nói rằng bạn không thể đáp trả tôi điều gì. Nhưng còn niềm hạnh phúc khi ban tặng thì sao? Bạn nghĩ đó chẳng là gì cả à?

■ THEO MAGAZINE AIR FRANCE 8-2008

## CHIẾC DÙ THÙNG

Hai người bạn cùng đi dạo. Một người cầm theo cây dù. Trời đổ mưa. Anh ta không mở dù ra; người bạn hỏi tại sao.

- Vì chẳng ích chi! Cây dù thùng lỗ nhiều lắm!
- Vậy anh mang theo làm gì?
- Vì tôi không nghĩ là trời sẽ mưa!

■ THEO MAGAZINE AIR FRANCE 8-2008

# THEO • DÒNG



**10, 11-5-2008 (06, 07-4 MT)** Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý do Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí dẫn đầu dự lễ kỷ niệm “70 năm công khai đạo Cao Đài tại miền Trung” tại Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng). Nhân dịp này, một cuộc đạo đàm đề tài “cơ Đạo miền Trung” đã được tổ chức vào lúc 8 giờ và 14 giờ ngày 10-5-2008; Đạo huynh Văn Hóa Vụ phó Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Huệ Nhẫn (hình 1), góp phần tham luận đề tài: “Trung Thành Thánh thất – Lịch sử và truyền thống sự hợp tác tình nghĩa Nam Trung.”

Sau buổi lễ chính diễn ra lúc 18 giờ ngày 10-5 với đông đảo đại biểu đạo Cao Đài và chính quyền các cấp có phần trống hội và múa Tứ linh khai mạc là phần Nhạc đạo. Sáng hôm sau (ngày 11-5-2008), các phái đoàn dự lễ được Ban Tổ chức đưa đến tham quan Thánh thất Trung Thành, nơi ghi dấu ấn lịch sử ngày công khai đạo Cao Đài tại miền Trung và Trung Tông Thánh tịnh, địa điểm lịch sử Đại Hội Long Vân Đệ bát.

Lực lượng hướng đạo của Hội Thánh trong đồng phục áo Tam thanh, dùng xe máy theo yểm trợ giữ trật tự lưu thông ở các ngã tư, trên các nẻo đường cho đoàn xe ô tô 19 chiếc chở khách đi qua. Các phái đoàn tạm biệt Đà Nẵng sau 2 ngày lễ hội hoàn tất.

**12-5-2008 (08-4 MT)** Thánh thất Bình Hòa, (174-20A đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh) đã long trọng cử hành lễ Phật Đản - Phật lịch 2552 với sự tham dự đông đảo của các Thánh sở Cao Đài tại thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre.

**18-5-2008 (14-4 MT)** Ban đại diện Phật giáo quận 1 phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1 tổ chức họp mặt quý vị chức sắc tôn giáo tại chùa Vạn Thọ nhân “Kính mừng Đại Lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc Phật lịch 2552 – dương lịch 2008.” Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí dẫn đầu đã đến dự và dâng lễ phẩm cúng Đức Phật.

**22-5-2008 (18-4 MT)** Ngoại giao Vụ và Nữ Chung Hòa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã đến dự lễ kỷ niệm Khánh đản Đức Khương Thái Công tại TT. Ngọc Chiêu – Lái Thiêu cùng với đông đảo đại diện các tịnh thất Cao Đài.

**27-5-2008 (23-4 MT)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo trưởng Đạt Trí (hình 2) hướng dẫn cùng với Đạo tỷ Tổng Thư ký Nữ Chung Hòa Thủy Tuyên, và Đạo tỷ Ngoại giao vụ Phó Bạch Cúc đến Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý – Mông Thọ Rạch Giá dự lễ diếu tang Đạo trưởng



3



4

Liên chánh Phạm Tấn Bê – Chương Quản Hiệp Thiên Đài, Trưởng ban Thường trực Hội Thánh qui vị ngày 26-5-2008 (22-4 Mậu Tý), hưởng thọ 84 tuổi.

**30-5-2008 (26-4 MT)** Đại diện Ngoại Giao Vụ Bạch Cúc tham dự lễ phát thưởng nhân lễ bãi trường năm học 2007-2008 của các lớp học Tỉnh thương do Nhà thờ Fatima phường Nguyễn Cư Trinh quận 1 tổ chức.

**02-6-2008 (29-4 MT)** Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo gồm Đạo trưởng Đạt Trí, cùng các Đạo huynh Đạt Tường, Huệ Nhẫn, các Đạo tỷ Thanh Nhân, Thủy Tuyền, Bạch Cúc đã đến dự “Đại hội đại biểu toàn phái Minh Sư Đạo lần thứ 1, nhiệm kỳ 1 (2008-2013) tại Thành phố Hồ Chí Minh” do Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo tổ chức cùng sự tham dự của 16 đơn vị đạo Minh Sư tại Thánh thất Từ Vân, có sự hiện diện của Ban Tôn giáo Chính phủ và Ban Tôn giáo các tỉnh. Đại hội đã bầu Ban Trị sự nhiệm kỳ 1 (2008-2013) gồm 07 vị (hình 3).

Đạo Minh Sư có 57 Phật đường trong nước Việt Nam theo tôn chỉ Từ bi, giác ngộ, giải thoát hợp nhất tinh hoa của tam giáo Nho Thích Đạo, thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu, và Đức Thích Ca, Đức Khổng Tử,

Đức Thái Thượng Lão Quân. Đạo phục: áo tràng đen, quần trắng, mũ màu đen, hài vải đen. Niệm “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.”

Đạo Minh Sư có 3 Tông phái: Đức Tế, Phổ Tế, Hoàng Tế, hành đạo giống nhau, có 2 chữ Phật Đường sau tên chùa. Ví dụ: Quang Nam Phật Đường cấp tu trong đạo Minh Sư có 3 bậc: Thượng Thừa (Thái Lão sư [tổ sư], Thập địa Lão sư [đại trưởng lão], Bồ Thiết Lão sư [Đại Lão sư]; Đảnh Hàng Lão Sư [Trưởng lão]); Trung thừa (Bảo Ân, Dấu Ân, Chứng ân, Thiên Ân), Hạ thừa (Tam bộ, Nhị bộ, Nhứt bộ, sám hối [trường trai, giữ giới], Quy y Hộ Đạo [trai kỳ]). Phái Nữ chỉ tu đến bậc Bảo Ân. Nữ tu được gọi Sư Cô.

**06-6-2008 (03-5 MT)** Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về tôn giáo. Đạo muội Thanh Tùng thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, đại diện Quận I tham dự đội thi đạt giải 3 (hình 4).

**06, 13-6-2008 (03, 10-5 MT)** Hai buổi thảo luận Kinh Dịch phối hợp giữa Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo lần lượt được tổ chức tại trụ sở Cơ Quan và Tam Tông Miếu.

**08-6-2008 (05-5 MT)** Ngoại giao vụ Phó Bạch



5



6

Cúc, đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã đến tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 68 ngày qui thiên của Đức Nhị Thiên Giáo Chủ Võ Văn Phẩm và lễ khánh thành cổng Tam Quan Tòa Thánh Chiêu Minh Long Châu (tỉnh Hậu Giang) với sự hiện diện của đông đảo đại diện các Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh các nơi (hình 5).

**11-6-2008 (08-5 MT)** Thánh tịnh Tân Minh Quang, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh long trọng thiết lễ Kỷ niệm Lạc Thành lần thứ 12 với sự tham dự của đại diện 62 đơn vị Cao Đài.

**13-6-2008 (10-5 MT)** Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Ngoại giao vụ Phó Đạt Tường hướng dẫn đã đến dự lễ kỷ niệm thành lập Thánh tịnh Ngọc Minh Đài.

**14-6-2008 (11-5 MT)** Phái đoàn Ngoại giao Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo gồm Thiệu Nguyễn, Bạch Cúc, Bạch Yến đến viếng linh

cửu Giáo hữu Thái Cương Thanh (Nguyễn Văn Cương), Phó Đẩu Họ Đạo Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà qui vị ngày 10-5-2008 (13-6 Mậu Tý) hưởng thọ 83 tuổi.

**28-6-2008 (25-5 MT)** Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Đạo huynh Tổng thư ký Thiện Chí dẫn đầu đã đến tham dự Đại lễ kỷ niệm sinh nhật Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương lần thứ 127 được cử hành long trọng tại Hội Thánh Ban Chính Đạo Bến Tre với sự hiện diện của đại diện các Hội Thánh Cao Đài (hình 6).

Nhân dịp này, Phái đoàn Cơ Quan đã đến thăm Hội Thánh Tiên Thiên và có tặng Hội Thánh một máy vi tính và một máy in.

**03-7-2008 (01-6 MT)** (Hình 7) Đạo huynh Tổng Thư Ký Thiện Chí dẫn đầu phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã đến dự lễ ra mắt Ban đại diện Hội Thánh Truyền giáo tại thành



7



8



9



10

phố Hồ Chí Minh tổ chức tại Thánh Thất Trung Minh, quận 1.

**10-7-2008 (08-6 MT)** Ngoại giao Vụ và Nữ Chung Hòa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã đến Thánh tịnh Đại Thanh dự lễ Trấn Thần an vị các ngôi thờ trong tam đài, trùng dựng lễ kỷ niệm ngày quy thiên của Đức Ngọc Chương Pháp Lê Kim Tỵ (hình 8).

**21-7-2008 (19-6 MT)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo long trọng thiết lễ “Kỷ niệm ngày Thành Đạo Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và kỷ niệm 18 năm hoạt động của Phòng Khám bệnh Phước Thiện. Giáo sĩ Thanh Bình thuyết trình đề tài “Tịnh Thủy bình trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.” Đại diện 51 đơn vị các nơi đã đến tham dự (hình 9).

**26-7-2008 (24-6 MT)** Đồng đảo nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và Nữ Chung

Hòa đến dự lễ kỷ niệm lần thứ 75 ngày thành lập Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, trùng dựng Lễ Vía Đức Quan Thánh Đế Quân. Đạo trưởng Chánh Hội trưởng Đạt Trí thuyết trình đề tài: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp.” Đạo huynh Tổng Thơ Ký Cơ Quan Thiện Chí được mời phát biểu ý kiến.

#### NỮ CHUNG HÒA GIAO LƯU HỌC THÁNH GIÁO

**05-5-2008 (01-4 MT)** Tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 18, quyển Nữ Chung Hòa thời kỳ tái lập.

**22-5-08 (18-4 MT)** Tại Thánh tịnh Ngọc Chiêu, Giáo sĩ Thanh Sương bình giảng bài 19, quyển Nữ Chung Hòa thời kỳ tái lập.

**14-6-2008 (01-5 MT)** (Hình 10) Tại Thánh thất



11



12



Thành Công, Đạo tử Tổng Thơ ký Nữ Chung Hòa Thủy Tuyền bình giảng bài 3, quyển Lòng Từ Mẫu.

**15-6-2008 (12-5 MT)** (hình 11)  
Tại Thánh thất Trung Nghĩa, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 11, quyển Lòng Từ Mẫu. Đạo tử Hồng Phúc – Quyển Văn Hóa Vụ Trưởng thuyết trình đề tài “Tam công.”

**18-6-2008 (15-5 MT)** Tại Thánh thất Bình Hòa, Đạo tử Bạch Cúc – Ngoại Giao Vụ Phó bình giảng bài 21, quyển Nữ Chung Hòa thời kỳ tái lập.

**17-7-2008 (15-6 MT)** (hình 12)  
Tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 2, quyển Lòng Từ Mẫu.■

## CHÚ THÍCH ẢNH

Hình 1: Văn hóa vụ Phó Huệ Nhẫn trên diễn đàn Hội Thánh Truyền Giáo Đà Nẵng.

Hình 2: Đạo trưởng Đạt Trí trước linh cửu Anh Lớn Liên Chánh tại Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý.

Hình 3: Đại hội Minh Sư Đạo tại Thánh thất Từ Vân.

Hình 4: Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Hình 5: Tòa Thánh Chiếu Minh Long Châu trong ngày lễ.

Hình 6: Tòa Thánh Ban Chính đạo.

Hình 7: Lễ ra mắt Ban đại diện Hội Thánh Truyền giáo tại thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tại Thánh Thất Trung Minh, quận 1.

Hình 8: Tại Bưu điện Đại Thanh.

Hình 9: Giáo sư Thượng Bế Thanh Phó ban đại diện Hội Đồng Chương Quản Tòa Thánh Tây Ninh tại Tp. Hồ Chí Minh phát biểu trong buổi lễ 19-6 Mậu Tý 2008.

Hình 10: Nữ Chung Hòa giao lưu học Thánh giáo tại thánh thất Thành Công.

Hình 11: Nữ Chung Hòa giao lưu học Thánh giáo tại thánh thất Trung Nghĩa.

Hình 12: Nữ Chung Hòa giao lưu học Thánh giáo tại thánh thất Ngọc Điện Huỳnh Hà.■



Phân tách lọc lừa chất trược thanh,  
Khuôn Tiên un đúc lại đời lành,  
Tu thân chớ vướng vòng cương tỏa,  
Lập chí đừng ham bả lợi danh.

Sắc tướng chỉ là phương tiện tạm,  
Vô vi mới thiết Đạo hằng sanh,  
Giả muôn ngàn lối, chơn thì một,  
Nếu chẳng lưu tâm đọa phải đành.

ĐỨC QUAN ÂM BỔ TÁT, THÁNH THẤT BÌNH HÒA,

TUẤT THỜI, 14-8 GIÁP DẦN, 29-9-1974.■

Độ người giữa biển trần ai,  
Thoát vòng tục lụy ra ngoài thiên luân,  
Về nơi cảnh cũ hưởng xuân,  
Đào viên sum hợp Thánh Thần Phật Tiên.  
Con ơi! Tục lụy triển miên,

Đeo đai nghiệp quả khó thuyên bịnh trần,  
Lòng con chí kính chí chân,  
Noi đường chánh đạo thoát phần muội mê.

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU, VẠN QUỐC TỰ, 14-6 KỶ DẬU,

27-7-1969.■

Học Đạo cho thông lý nhiệm mầu,  
Đường siêu nẻo đọa bởi nơi đâu.  
Tham thiền dưỡng tánh tay mò ngọc,  
Tịnh định tồn tâm mắt luyện châu.

Công quả làm thang lên núi Phổ,  
Giúp đời, tạo cánh vượt sông Mâu.  
Dầu ngoài loạn biển, trong yên tịnh,  
Mới thoát trầm luân vạn nẻo sâu.

ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ, MINH LÝ THÁNH HỘI,

08-12 MẬU THÂN, 25-01-1969.■